



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Diệp Tường Bảo

Xã luận

Đảng Cộng sản Việt Nam nhượng đất và biển cho Trung Quốc

Những bàn tán xôn xao trong giới quan tâm đến đất nước về việc chính quyền Hà Nội nhượng đất và biển cho Trung Quốc nay đã dần dần được kiểm chứng là có thật.

Theo một thông báo vắn tắt vài dòng trên báo chí trong nước ngày 27-12-2001, giới chức Việt Nam và Trung Quốc đã bắt đầu phối hợp cắm mốc qui định biên giới chính thức mới giữa hai nước. Bao nhiêu đất đã được nhượng cho Trung Quốc? Không ai biết chính xác. Theo ước lượng của một số thân hữu có đến tận nơi quan sát và trao đổi với công an biên phòng thì phần đất này khoảng 720 km². Điều chắc chắn là Việt Nam đã mất đất. Ải Nam Quan, địa danh lịch sử của Việt Nam và đề tài của nhiều thơ văn, nay đã nằm sâu trong lãnh thổ Trung Quốc. Thác Bản Dốc, một thắng cảnh từng là nguồn hành điện của Việt Nam, cũng đã thuộc về Trung Quốc.

Điều cũng chắc chắn là quốc hội Việt Nam đã thông qua hiệp định biên giới trên đất liền. Sự kiện này chỉ được tiết lộ mới đây bởi trung tướng Nguyễn Quốc Thước khi ông Thước được ông Trần Dũng Tiến, một người dân chủ tích cực trong nước, đến gặp và yêu cầu ủng hộ kiến nghị của hai mươi trí thức yêu cầu quốc hội không thông qua hiệp định này. Người ta được biết sau đó là quốc hội đã thông qua ngày 30-12-1999, nghĩa là từ hai năm rồi.

Do sự tiết lộ của một số cấp lãnh đạo cộng sản thì chính quyền Hà Nội cũng đã ký một thỏa ước với Trung Quốc chấp nhận qui định lại sự phân chia vùng biển vịnh Bắc Bộ theo tỷ lệ 53% thuộc Việt

Nam, 47% thuộc Trung Quốc. So với tỷ lệ phân chia trước đây (62% thuộc Việt Nam và 38% thuộc Trung Quốc căn cứ vào sự kiện Việt Nam có quần đảo Hạ Long ở ngoài khơi), Việt Nam đã mất gần 10% vịnh Bắc Bộ.

Tất cả những thỏa ước này đã được giữ bí mật, ngay cả những cấp lãnh đạo cao trong nhà nước có thiện cảm với phong trào dân chủ cố tìm kiếm cũng không có được một văn bản nào. Sự kiện này đặt ra hàng loạt những câu hỏi nghiêm trọng.

- Tại sao một hiệp ước liên quan đến sự toàn vẹn của lãnh thổ như vậy mà người dân lại không được biết?

- Tại sao ban lãnh đạo cộng sản lại ký vào một hiệp ước thua thiệt cho Việt Nam như vậy? Việt Nam đã được những gì để bù lại những thiệt hại to lớn này? Nếu Việt Nam không chịu ký thì sao?

- Ban lãnh đạo đảng cộng sản đã bị những áp lực to lớn đến mức nào để đến nỗi phải ký? Hay ngược lại, mỗi người đã được những lợi lộc nào để ký những thỏa ước này?

Những câu hỏi này không biết đến bao giờ mới được giải đáp, nhưng điều chắc chắn là việc ban lãnh đạo đảng cộng sản che đậy và giấu giếm đủ chứng tỏ rằng họ đã làm một việc bất chính và rất trầm trọng. Với hành động ô nhục này, đảng cộng sản đã tự xác nhận là một đảng phản quốc, quốc hội Hà Nội cũng đã chứng tỏ nó không xứng đáng, và không còn, là một quốc hội. Chế độ cộng sản Việt Nam đã mất tất cả tính chính đáng và phải bị vất bỏ thực nhanh.

Chúng ta phải làm gì?

Trước hết, chúng ta cần ý thức rằng những tuyên ngôn, lên án, biểu tình, v.v. để bày tỏ sự phẫn nộ không đủ. Vấn đề quá nghiêm trọng, đây phải là một cuộc đấu tranh liên tục và bền bỉ, kéo dài suốt thời gian cần thiết. Điều cấp bách phải làm là ngăn chặn không cho quốc hội bù nhìn thông qua hiệp ước vịnh Bắc Bộ, nếu may mắn hiệp ước này chưa được thông qua.

Chúng ta đòi chính quyền cộng sản phải làm sáng tỏ vụ này, phải công bố toàn văn những thỏa ước, giải thích lý do của chúng, phủ nhận chúng và nhận lỗi với dân tộc.

Trong cuộc đấu tranh bền bỉ này, mọi sáng kiến đều sẽ phải được vận dụng. Nhưng điều quan trọng là chúng ta đừng quên hai điều: một là chúng ta đấu tranh để giữ sự toàn vẹn lãnh thổ của chúng ta chứ không chống lại Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc. Chúng ta luôn luôn khẳng định ý muốn sống chung hòa bình với Trung Quốc trong một quan hệ láng giềng tốt; hai là cuộc đấu tranh này phải kết hợp mọi người yêu nước, kể cả những đảng viên cộng sản, đại đa số đảng viên cộng sản cũng phẫn nộ trước hành động phản quốc này như mọi người Việt Nam.

Giải thích hợp lý nhất cho hành động ô nhục của ban lãnh đạo cộng sản có lẽ chỉ giản dị là họ thấy ngày tàn của chế độ gần kề và muốn làm đẹp lòng Trung Quốc để tìm trước một chỗ dung thân sau này. Nếu như thế thì chế độ cộng sản càng phải bị đào thải sớm.

Thông Luận

Nam Quan ngày xưa, hận Nam Quan bây giờ

Nguyễn Gia Kiểng

Trong hơn tám thế kỷ qua các chính quyền Việt Nam chưa bao giờ để mất đất đai, không những thế, lãnh thổ của chúng ta không ngừng mở mang. Nhưng từ 30 năm qua, chúng ta đã mất nhiều và mất về tay đồng minh thân thiết nhất của chính quyền cộng sản Việt Nam hiện nay : Trung Quốc.

Năm 1969, Trung Quốc viện cớ xây dựng một nhà ga ở Nam Quan để tiếp liệu cho Bắc Việt trong chiến tranh và lợi dụng lúc chính quyền Hà Nội đang bối rối vì những thiệt hại nặng trong chiến dịch Tết Mậu Thân đã dời cột mốc biên giới vào phía trong lãnh thổ Việt Nam gần một cây số, chiếm mất ải Nam Quan. Sự kiện này đã được giấu nhem cho tới nay.

Tháng 1-1974, Trung Quốc dựa vào sự bối rối của chính quyền Sài Gòn xưa quân chiếm quần đảo Hoàng Sa. Miền Nam lúc đó đang trên đà thất bại và khốn đốn về cuộc nội chiến đã không thể tự vệ, chính quyền cộng sản đã im lặng. Lỗi tại ai ? Công bình nhất thì phải nói là lỗi tại cuộc nội chiến mà đảng cộng sản đã phát động và coi như một cuộc "chiến đấu thần thánh" (từ ngữ của chính họ). Ngoài ra, Trung Quốc đã đánh chiếm Hoàng Sa dựa vào một công hàm ngày 14-9-1958 của ông Phạm Văn Đồng nhân danh chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tán thành một bản tuyên ngôn ngày 4-9-1958 trước đó của Bắc Kinh coi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc.

Đầu năm 1988, Trung Quốc tung hải quân đánh chiếm hơn hai mươi đảo nhỏ của Việt Nam trong quần đảo Trường Sa.

Trong hai năm 1999 và 2000, chính quyền cộng sản ký thỏa ước với Trung Quốc về biên giới và vịnh Bắc Bộ, nhìn nhận sự chiếm đóng của Trung Quốc trên một phần lãnh thổ của Việt Nam được những nguồn tin từ nội bộ đảng cộng sản ước lượng là 720 km² dọc biên giới Việt-Trung, đồng thời phân chia lại lãnh hải theo tỷ lệ 53% của Việt Nam và

47% của Trung Quốc thay vì 62%-38% như trước đây. Cần phải nói ngay là tỷ lệ phân chia này không hề là một bất công đối với Trung Quốc, mà chỉ căn cứ, một cách khiêm nhượng, trên sự kiện là Việt Nam có nhiều đảo trong vịnh Hạ Long.

Điều không thể hiểu nổi là chính quyền Hà Nội đã tuyệt đối giữ bí mật những thỏa ước này. Trầm trọng hơn nữa là quốc hội cũng đã thông qua ít nhất hiệp ước về biên giới phía Bắc mà không hề thông báo cho dân chúng. Việc quốc hội thông qua thỏa ước này chỉ được khám phá một cách rất tình cờ.

Vì yếu, bị cô lập và bị thù ghét

720 km² là một diện tích quan trọng, 0,22% lãnh thổ. Nhưng Việt Nam đồng thời cũng mất đi cả một phần lịch sử của mình. Người Việt Nam nào lớn lên chẳng được nghe "đất nước ta chạy dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau"? Đó cũng là nơi Nguyễn Phi Khanh bảo con là Nguyễn Trãi hãy gác tình nhà mà trở về phấn đấu giành lại đất nước. Biết bao văn thơ của ta đã lấy ải Nam Quan làm địa danh. Nam Quan nằm trong trái tim mọi người Việt, nay Nam Quan đã mất về tay Trung Quốc. Trái tim Việt Nam rướm máu. Cái hận Nam Quan ngày xưa là cái hận hùng tráng làm nức lòng người, cái hận Nam Quan ngày nay là cái hận tê tái, tủi nhục không biết bao giờ nguôi.

Mất Hoàng Sa và một phần Trường Sa thêm vào hàng chục ngàn km² vùng biển Bắc Bộ, Việt Nam cũng đã mất luôn một phần quan trọng các nguồn lợi hải sản và dầu khí. Và dĩ nhiên quyền giao thông hàng không và hàng hải. Hơn nữa Hoàng Sa sẽ luôn luôn là một lưỡi dao díp bên cạnh sườn Việt Nam.

Chúng ta đã mất đất, mất đảo và mất biển vì yếu. Chúng ta yếu vì cuộc nội chiến mà Đảng Cộng sản Việt Nam cho là vinh quang của họ, và chúng ta cũng yếu vì một chính sách cai trị tồi đố và thô bạo.

Nhưng yếu không phải là tất cả, một lý do quan trọng khác là Việt Nam đã bị cô lập và do đó bị Trung Quốc khống

ché. Trước năm 1975 chính quyền cộng sản Việt Nam hành diện được làm đàn em của Trung Quốc vĩ đại. Cái thế lệ thuộc khờ khạo đó đã dẫn đến bức công hàm của ông Phạm Văn Đồng và sự im lặng sau khi quần đảo Hoàng Sa bị đánh chiếm.

Một lý do khác là tập quán huênh hoang của những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam. Phần lớn những vùng đất ở biên giới phía Bắc thực ra đã mất từ tháng 2-1979 khi Trung Quốc tấn công trả đũa việc Việt Nam đem quân vào Cam Pu Chia đánh đuổi tập đoàn Pol Pot. Trận này Việt Nam thua to. Theo chính tuyên bố của Hà Nội thì Trung Quốc đã hy vọng dựng độ để tiêu diệt những đạo quân chính qui của Việt Nam nhưng đã chỉ gặp được các toán địa phương quân. Như vậy thì phải hiểu là lực lượng đôi bên rất chênh lệch. Sự thất bại của Việt Nam cũng thể hiện rất rõ rệt qua số tù binh được trao đổi khi ngừng bắn. Phía Việt Nam chỉ bắt được khoảng 600 tù binh Trung Quốc, phần lớn những tù binh này khai trên truyền hình Việt Nam là họ đã lạc đường, trong khi Trung Quốc bắt được của Việt Nam hơn 1 200 tù binh. Khi hai bên ngừng bắn, Trung Quốc vẫn còn chiếm đóng của Việt Nam phần lãnh thổ mà chính quyền cộng sản vừa chính thức nhượng.

Riêng ải Nam Quan thì như trên đã nói bị Trung Quốc chiếm từ năm 1968. Không ai biết bộ chính trị có biết hay không nhưng đã làm thinh. Mãi tới năm 1971, một sĩ quan có dịp đến đó mới báo cáo cho đại tá Hải Anh, phó văn phòng tổng cục chính trị. Ông Hải Anh từ Hà Nội lên quan sát nhưng đến nơi thì bị quân Trung Quốc chặn lại. Ông chỉ mắng rầm rì và báo cáo cho cấp trên nhưng báo cáo của ông đã không bao giờ có hồi âm.

Lúc đó Việt Nam đang khủng hoảng rất nặng. Sinh hoạt kinh tế hoàn toàn sụp đổ, ngay cả miền Nam không đủ gạo ăn, tại các quán cơm Sài Gòn người ta cần phần cơm ; quân đội đang kẹt ở mặt trận Cam Pu Chia ; thế giới đang phân nộ vì những thảm kịch của đợt

vượt biên chính thức do nhà nước Việt Nam tổ chức.

Việt Nam đã không thể giành lại phần đất đã mất vì vừa yếu lại vừa bị cô lập và thù ghét. Tuy nhiên, thay vì tố cáo Trung Quốc đã dùng sức mạnh để lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam, chính quyền cộng sản đã huênh hoang khoe là mình chiến thắng. Phía Trung Quốc đã im lặng, gián tiếp nhìn nhận mình đã thua. Bộ máy tuyên truyền của Việt Nam còn phao đồn rằng quân Việt Nam đã giết được cả trăm ngàn quân Trung Quốc và gây kinh hoàng đến độ người dân Trung Quốc vùng biên giới phải bỏ chạy, hàng chục cây số không thấy một bóng người. Như vậy ai có thể ngờ rằng Việt Nam đã mất đất ? Sự huênh hoang của Đảng Cộng sản Việt Nam còn lộ bịch hơn nữa, vì thực ra sau đó Trung Quốc vẫn tiếp tục lấn chiếm và đụng độ vẫn tiếp tục xảy ra tại biên giới. Cụ thể là ngày 12-7-1984, một trận đánh lớn đã xảy ra ở biên giới Cao Bằng trong đó quân Việt Nam bị thiệt hại rất nặng (1). Việt Nam vẫn tiếp tục mất đất và đảng cộng sản vẫn tiếp tục huênh hoang là chiến thắng.

Sau cùng là sự ngu xuẩn. Nếu không thể làm được gì cả thì vẫn còn một giải pháp là đừng làm gì cả. Cứ để tình hình giằng co như vậy ít ra cũng không tạo ra một sự kiện đã rồi, trói tay các chính quyền mai sau. Tại sao chính quyền Hà Nội đã ký thỏa ước nhượng đất và nhượng biển ? Ký thì được cái gì ? Nếu không ký thì sao ? Tại sao lại ký mà không công bố ? Phải chăng vì đã nhượng bộ quá nhiều và thấy mình có tội lỗi ? Hay phải chăng những người lãnh đạo ĐCSVN đã nhận được lợi lộc lớn của Bắc Kinh để ký nhận bán đất và bán biển cho Trung Quốc ?

Và câu hỏi không bao giờ có thể trả lời được : tại sao quốc hội lại thông qua một cách lén lút ? Vẫn biết rằng quốc hội này chỉ là một quốc hội bù nhìn nhưng sự kiện này vượt mọi tưởng tượng.

Có thể mất thêm nhiều hơn nữa

Trước một mất mát đau đớn, câu hỏi tự nhiên và đầu tiên là phải làm gì ?

Phải thẳng thắn mà nhìn nhận rằng trong nhất thời chúng ta không làm được gì cả. Đánh lại ư ? Quân đội Việt Nam quá yếu, cơ giới lỗi thời và hơn thế nữa phần lớn quân đội đã chuyển qua

kinh doanh kể cả kinh doanh du lịch, khách sạn và vũ trường. Nếu có thể đánh mà lấy lại đất thì vấn đề đã không xảy ra. Những người lãnh đạo đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam không thích Trung Quốc, họ chỉ sợ Trung Quốc mà thôi. Họ sợ cái gì là một chuyện khác. Một chính quyền Việt Nam trách nhiệm và sáng suốt sau này cũng không thể nghĩ đến việc gây chiến để chiếm lại. Hậu quả của một cuộc xung đột mới với Trung Quốc sẽ chỉ làm các nhà đầu tư nước ngoài cuốn gói ra đi mà chưa chắc gì đã lấy lại được một tấc đất nào. Phải thực tế mà nhìn nhận rằng trừ khi có một phép màu những gì đã mất sẽ không thể lấy lại.

Nhờ dư luận thế giới và áp lực của các chính phủ dân chủ ư ? Ai ủng hộ chính quyền Việt Nam, một chính quyền đã chà đạp nhân quyền, lại còn liên tục thách đố thế giới một cách lỗ mãng như ủng hộ Saddam Hussein, Milosevic, và có lúc cả bè lũ Taliban và Bin Laden ?

Chúng ta đã không làm được gì để lấy lại đất đã mất nhưng chúng ta có thể mất thêm nhiều hơn nữa. Những cái móc mà hai chính quyền Trung Quốc và Việt Nam đang cầm chắc có một giá trị nào cả. Chúng cũng có thể bị Trung Quốc nhỏ đi như họ đã nhỏ đi những móc trước. Và hậu quả có thể rất trầm trọng đối với Việt Nam.

Núi phải có chân. Núi thuộc về kẻ ở chân núi. Chúng ta không biết chính quyền Hà Nội đã nhượng đất tới đâu. Đây là một hiệp ước được ký và thông qua một cách lén lút, ngay cả những nhân vật rất cao cấp trong bộ máy đảng và nhà nước (chưa nói tới các đại biểu quốc hội bù nhìn) cũng không biết. Nhưng nếu có những nơi mà đất được nhượng cho Trung Quốc tới sát chân núi thì có rất nhiều nguy cơ là núi cùng sẽ mất luôn. Nên nhớ rằng nước ta sở dĩ còn tồn tại đến ngày nay mà không bị Trung Quốc sáp nhập là nhờ được bảo vệ bởi dãy núi trùng điệp dày cả trăm cây số dọc theo biên giới. Mất núi thì về lâu về dài cả lãnh thổ ta bị đe dọa.

Sau đó Trung Quốc còn có một khả năng xâm nhập và khuynh đảo rất lớn ở miền Bắc nước ta qua các sắc tộc ít người. Một trong những thất bại của Việt Nam, từ rất lâu trước chế độ cộng sản, là đã không hội nhập được các sắc

tộc này vào cộng đồng dân tộc vì thiếu một quan niệm đúng đắn về quốc gia. Những sắc tộc này không gần gũi với Việt Nam hơn Trung Quốc bao nhiêu về mặt tình cảm. Có những sắc tộc còn nói tiếng Quảng Đông. Ở vùng biên giới sự hòa trộn giữa bên này và bên kia lại rất lớn. Trung Quốc rất có khả năng mua chuộc một số sắc tộc để xúi giục họ nổi loạn và gây bất ổn, nhất là các sắc tộc này đang rất cơ cực và có cảm tưởng bị Hà Nội bỏ quên.

Trung Quốc cũng có thể, như họ đã bắt đầu làm, chiếm đoạt và khai thác những tài nguyên dưới lòng biển của Việt Nam chung quanh các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Thậm chí họ có thể đánh chiếm nốt những đảo còn lại của Việt Nam tại Trường Sa.

Tất cả những đe dọa trên là có thật và cần được cảnh giác, nhưng nếu những người lãnh đạo đảng cộng sản nghĩ rằng họ có thể làm đẹp lòng Trung Quốc bằng những nhượng bộ về lãnh thổ và lãnh hải để đổi lại với một tình láng giềng tốt thì họ làm to. Lấn đất là tâm lý căn bản của Trung Quốc. Văn hóa Trung Quốc không phải là một thứ văn hóa tỏa rộng bằng thương mại, khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật, mà là thứ văn hóa nông nghiệp trong đó lấn đất là một bản năng. Ngay cả giai cấp lãnh đạo của Trung Quốc cũng mang nặng tâm lý này. Dù cho chính quyền Việt Nam có nhân nhượng tới đâu thì khi cần Trung Quốc vẫn có thể tìm được lý do để gây hấn để lấn chiếm tiếp. Đối với Trung Quốc, chỉ có một giải pháp : phải mạnh, hoặc có thể mạnh.

Trung Quốc và ta

Có thể nói trừ một ngoặc đơn ngắn, một trăm năm Pháp thuộc, lịch sử Việt Nam chủ yếu là lịch sử những cố gắng đương đầu với Trung Quốc. Lịch sử đó cho phép chúng ta rút ra một kết luận : Trung Quốc tham đất nhưng không quyết tâm. Họ ham đất với bản năng của một nông dân chứ không phải với ý chí của một kẻ đi chinh phục. Khi họ yếu hoặc khi chúng ta mạnh thì họ để ta yên. Mặt khác, cũng như một qui luật lịch sử, khi dân tộc ta đoàn kết thì chính quyền mạnh và giữ được nước, khi chúng ta chia rẽ hoặc có nội chiến thì bị bắt chẹt. Chúng ta đang yếu bởi vì

chúng ta đang có một chính quyền bị toàn dân thù ghét.

Đất nước là tài sản thiêng liêng mà tổ tiên đã tốn bao xương máu để tạo dựng và gìn giữ cho con cháu. Dâng đất không những xúc phạm tới tổ tiên mà còn có tội lớn với muôn đời con cháu.

Những người lãnh đạo đảng cộng sản không phải là không thấy được rằng việc ký hiệp ước nhượng đất và biển cho Trung Quốc là hành động rất nghiêm trọng, dứt khoát và vĩnh viễn đặt họ vào thế có tội với dân tộc. Họ cũng thừa hiểu rằng hành động này có thể làm tan vỡ đảng bởi vì chính đại bộ phận đảng viên cộng sản cũng rất phẫn nộ. Chính vì thế mà họ đã che đậy và giấu giếm.

Và họ cũng thừa hiểu rằng việc quốc hội lén lút thông qua hiệp ước này mà không công bố là một sự kiện chưa từng có trong lịch sử thế giới từ ngày có báo chí và thông tin. Hành động này đã làm mất tất cả mọi chính đáng (nếu giả thử là đã có) của chế độ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Làm sao họ có thể nghĩ rằng họ có thể giấu giếm dân chúng một cách lâu dài sự kiện trầm trọng này ?

Tuy vậy, họ làm như họ đã làm. Bởi vì họ quá cô lập đối với thế giới và đối với cả dân chúng trong nước. Bắc Kinh là chỗ dựa duy nhất của họ, và Bắc Kinh đã bán đất chỗ dựa này. Đây là vấn đề cù kỳ của một tập đoàn dựa vào ngoại bang để tiếp tục tồn tại. Lòng tham quyền lực đã dẫn đến sự mù quáng. Đến lượt nó sự mù quáng này có thể dẫn đến hậu quả không ngờ là làm cho chế độ sụp đổ sớm hơn. Có một sự kiện mà mọi người phải nhận định một lần cho tất cả là Việt Nam là một quốc gia lớn, với gần 80 triệu dân, cho nên một chế độ không còn phù hợp thì phải cáo chung. Những cố gắng dựa vào một thế lực bên ngoài để bảo vệ nó chỉ làm cho nó sụp đổ sớm hơn và ô nhục hơn mà thôi.

Đối với Trung Quốc, ta chỉ có một cách để có hòa bình và hợp tác thực sự là phải mạnh. Muốn mạnh phải có đoàn kết dân tộc, và muốn đoàn kết thì phải có hòa giải dân tộc. Dân chủ thành thực là điều kiện bắt buộc cho hòa giải dân tộc.

Lột xác và hóa thân

Hy vọng lấy lại được vùng đất và

vùng biển đã mất tuy rất ít nhưng không phải là không có. Phép màu có thể có. Với điều kiện là chúng ta biết nhìn về tương lai một cách thông minh.

Ta có thể mạnh và có thể rất mạnh sau một thời gian tương đối ngắn với điều kiện là phải hiện đại hóa và dân chủ hóa một cách thật dứt khoát và quả quyết. Ta có một địa thế rất thuận lợi, một nguồn nhân lực rất dồi dào với những con người siêng năng, hiếu học. Bí quyết thành công là phải lôi kéo được thật nhiều đầu tư nước ngoài để biến nước ta thành thủ đô đầu tư tại châu Á của các công ty đa quốc gia và biến dân tộc ta thành một dân tộc kinh doanh. Điều này chúng ta có thể làm được nếu có quyết tâm, và nếu động viên được toàn dân trong một cố gắng chung.

Và khi chúng ta đã giàu mạnh thì khả năng lấy lại đất và biển cả là có thực. Sự giàu mạnh của nước Nhật đã buộc Nga phải từ bỏ thái độ trịch thượng về quần đảo Kurila mà họ chiếm đoạt từ Thế Chiến II. Nếu Việt Nam giàu mạnh thì có một lúc Trung Quốc sẽ phải tự đặt câu hỏi nên giữ đất hay nên trả lại đất.

Việc mở lại những cuộc đàm phán với Trung Quốc về biên giới, hải đảo và vùng biển trong một hai thập niên nữa càng có thể hình dung được bởi vì Trung Quốc đang phải đương đầu với những đe dọa rất trầm trọng và sẽ rất bối rối. Đe dọa nghiêm trọng nhất của Trung Quốc là hiện tượng sa mạc hóa, hậu quả của chính sách cai trị duy ý chí, bất chấp môi trường. Sa mạc đang từ Bắc gặm nhắm về phía Nam với vận tốc lớn và đã tới gần Bắc Kinh. Lượng nước trung bình cho một người Hoa lục hiện nay chỉ là 15% mức trung bình thế giới. Nhiều cuộc xung đột đẫm máu đã xảy ra giữa các địa phương để giành nhau một đồng nước. Trung Quốc chưa có giải pháp nào cho mối nguy ngày càng lớn này. Đe dọa thứ hai là sự cách biệt và đổ kỵ ngày càng lớn về mọi mặt giữa các tỉnh bờ biển phía Đông và các vùng sâu trong lục địa. Nguy cơ ly khai và nội chiến rất rõ rệt và có thể làm Trung Quốc tan vỡ. Đe dọa thứ ba là một khối vài trăm triệu người bỏ nông thôn sống lang thang ngoài vòng pháp luật ở ngoại ô các thành phố lớn. Một khó khăn khác là sự chuyển giao thế hệ trong ban lãnh đạo đảng và nhà nước từ thế hệ Giang Trạch

Dân sang thế hệ Hồ Cẩm Đào. Cho đến nay mọi cuộc chuyển giao thế hệ tại Trung Quốc đều đã diễn ra một cách đẫm máu : giữa Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình là cuộc cách mạng văn hóa, giữa Đặng Tiểu Bình và Giang Trạch Dân là Thiên An Môn. Trong viễn ảnh đó nếu Việt Nam giàu mạnh lên thì nhiều vấn đề tưởng đã xong vẫn có thể đặt lại được. Nhưng muốn như thế thì phải lột xác và hóa thân. Phải dân chủ hóa nhanh chóng và hiện đại hóa một cách quả quyết.

Trở về với sự thực đau nhức hiện nay : lần đầu tiên trong nhiều thế kỷ bờ cõi chúng ta bị sút mẻ, do sự tự nguyện dâng hiến của một chính quyền từ trước tới nay rất huênh hoang về thành tích giữ nước.

Trên đường đi tới quyền lực Đảng Cộng sản Việt Nam đã đòi hỏi sự hy sinh của hàng trăm ngàn đảng viên và họ cũng đã khiến nhiều triệu người thiệt mạng. Tuy nhiên họ cũng đã gây được sự cảm phục vì đã chiến đấu dũng cảm. Sự cảm phục này còn đâu nữa sau hành động dâng đất ô nhục này ? Mọi người Việt Nam đều rất đau đớn, nhưng đau đớn nhất là chính những người đã chiến đấu và hy sinh dưới lá cờ của Đảng Cộng sản.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã mất tất cả tính chính đáng. Nó cũng đã mất luôn cả thể diện. Nó không còn được ai kính trọng và cũng đã mất luôn cả sự tự trọng. Nhưng nó sẽ còn kéo dài bao lâu nữa và gây thêm bao nhiêu thiệt hại cho đất nước ?

Nguyễn Gia Kiểng

(1) Sau thất bại này Đảng Cộng sản đã phải điều trung tướng Nguyễn Hữu An lên chỉ huy chiến trường. Cũng nên nói thêm là tướng Nguyễn Hữu An được coi là vị tướng rất có tài, nhưng đã không lên cao được vì xuất thân từ một gia đình Việt Nam Quốc dân Đảng.

(2) Một nghệ sĩ tên tuổi trong nước kể rằng ngay trong lúc cuộc chiến biên giới năm 1979 đang diễn ra dữ dội thì địa phương quân của Trung Quốc mỗi buổi tối vẫn sang phía Việt Nam để xem các cuộc trình diễn văn nghệ dành cho quân đội Việt Nam đang đánh nhau với quân Trung Quốc.

Đơn chất vấn và yêu cầu của các cử tri công dân về Hiệp định Biên giới và Lãnh hải Việt-Trung

Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22-12-2001

Kính gửi :

- Quốc hội khóa X
- Ban chấp hành trung ương Đảng
- Chính phủ
- Các đoàn thể nhân dân, các cơ quan ngôn luận và tất cả những ai quan tâm tới vận mệnh tổ quốc

Gần đây, dư luận xôn xao về việc Đảng và nhà nước ta đã ký Hiệp định Biên giới và Lãnh hải với Trung Quốc. Hiệp định này so với Hiệp ước Patenôtre (thực dân Pháp) và Lý Hồng Chương (phong kiến Mãn Thanh) ký năm 1885 thì gây thiệt hại rất to lớn về đất đai và vùng biển của tổ quốc và làm nhục tổ tiên và dân tộc ta.

Tháng 11-2001, chúng tôi đã có đơn đề nghị lãnh đạo và nhà nước ta làm sáng tỏ việc này và yêu cầu quốc hội ta không thông qua hiệp định này nếu đã chót ký kết. Đến nay, chúng tôi vẫn không được trả lời. Tuy nhiên, trên cơ quan ngôn luận của Đảng khi đưa tin tổng bí thư Nông Đức Mạnh sang thăm Trung Quốc thì mập mờ như đã ký hiệp định biên giới rồi, sẽ nhanh chóng cắm mốc biên giới và tiếp tục đàm phán về lãnh hải. Nhưng đến hôm qua, 21-12-2001, thì báo chí đã đưa tin: hiệp định biên giới hai nước đã ký 30-12-1999 và 27-12-2001 chính thức cắm mốc biên giới.

Chúng tôi, các cử tri và công dân Việt Nam, thấy trọng trách của mình phải nhắc lại điều luật cơ bản đã được khẳng định trong cả 4 hiến pháp 1946, 1959, 1980 và 1992 làm cơ sở pháp luật để giải quyết việc trọng đại này.

Hiến pháp năm 1946, trong lời nói đầu "nhiệm vụ của dân tộc ta là bảo toàn lãnh thổ". Điều thứ 1 : "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam". Điều thứ 21 : "Nhân dân có quyền phúc quyết về hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia".

Hiến pháp 1980 và 1992 đều cùng ghi rõ. Điều 1 : "Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời". Điều 2 : "Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân". Điều 3 : "Nhà nước nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của tổ quốc". Điều 4 : "Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật". Điều 146 : "Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với hiến pháp". Điều 53 ghi rõ : "Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước [...] kiến nghị với cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý".

Chỉ riêng những điều luật cơ bản dẫn chứng như trên cùng đủ chứng minh rằng việc ký kết của lãnh đạo Đảng - nhà nước với phía Trung Quốc về biên giới như vậy là trái với hiến pháp và pháp luật nhà nước Việt Nam. Và vì vậy nó không có giá trị pháp luật.

Dựa trên các điều luật cơ bản của 4 hiến pháp nước ta như kể trên, chúng tôi kiến nghị giải pháp duy nhất hợp hiến và hợp pháp như sau:

1 - Như điều 83 của hiến pháp 1992 đã khẳng định "quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam [...] Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước". Điều 84 quy định : "Quốc hội có nhiệm vụ và quyền hạn : thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo hiến pháp, luật pháp".

Vậy quốc hội cần tổ chức phiên họp đặc biệt nghe lãnh đạo Đảng - nhà nước giải trình vấn đề cực kỳ hệ trọng là Hiệp định biên giới và lãnh hải Việt-Trung

mà dư luận rộng rãi trong nước và ngoài nước đang đau lòng lên án là "lãnh đạo đi đêm", "bán đất, bán nước".

2 - Như điều 2 của hiến pháp 1992 đã khẳng định "nhà nước Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân". Các hiến pháp 1946, 1980 và 1992 đều quy định dứt khoát : "Nhiệm vụ của dân tộc ta là bảo toàn lãnh thổ", "toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời".

Vậy quốc hội cần khẩn cấp công khai trước toàn dân và xin ý kiến quốc dân về Hiệp định Biên giới và Lãnh hải Việt - Trung và sau hết là "tổ chức trưng cầu ý dân" (theo điều 53 hiến pháp 1992) về vấn đề trọng đại, sống còn này của toàn dân tộc, của 80 triệu đồng bào trong nước và hải ngoại.

Vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) truyền lệnh :

"Kẻ nào làm mất một tấc đất của đất nước là kẻ đó có trọng tội đối với tổ tông".

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trước ba quân:

"Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". "Chúng ta có quyền tự hào vì những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng".

Kính,

Các cử tri và công dân
ký tên theo thứ tự ABC

Hoàng Minh Chính, nguyên tổng thư ký Đảng Dân chủ Việt Nam.

ĐC: 26 Lý Thường Kiệt - Hà Nội.

Phạm Quế Dương, đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam, nguyên tổng biên tập tạp chí *Lịch sử Quân sự*.

ĐC: 37 Lý Nam Đế - Hà Nội.

(xem tiếp trang 16)

Vấn đề biên giới và hải đảo Việt Nam

Nguyễn Đan Quế

Một vài sự kiện lịch sử về vấn đề biên giới trên đất liền và trên biển

- 1858, Pháp nổ phát súng đầu tiên đánh vô Đà Nẵng.

- Năm 1862, Pháp chiếm miền Nam.

- Năm 1884, đặt ách thống trị trên toàn quốc Việt Nam.

- Năm 1895, Pháp vẽ bản đồ Đông Dương sau khi ký hiệp ước với triều đình Mãn Thanh ấn định biên giới dài 1300 km giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Để chống Pháp, Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động ở cả Việt Nam, Cao Miên và Lào, với sự trợ giúp của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Năm 1941, Hồ Chí Minh về Việt Nam lập chiến khu dọc theo biên giới tiếp giáp với Trung Quốc. Để bảo đảm an toàn, đoạn đường chót tàu hỏa và đường bộ của Trung Quốc ăn sâu vào lãnh thổ Việt Nam có nơi 500 mét, nhiều nơi đến cả cây số và dùng nơi này làm cơ quan đầu não, huấn luyện cán bộ, dưỡng quân, tiếp nhận và cất giấu vũ khí. Nếu Pháp hành quân hay dùng máy bay oanh tạc vùng này, Trung Quốc sẽ la ãm lên là vi phạm lãnh thổ của họ.

- Năm 1954, đất nước bị chia đôi.

Vì cần phát động chiến tranh với miền Nam, hai đảng cộng sản Việt Nam và Trung Quốc ký thỏa thuận ngầm đường biên "hậu phương lớn", "núi liền núi sông liền sông" và Phạm Văn Đồng còn chính thức gửi công hàm ngày 14 tháng 9 năm 1958 lên tiếng công nhận hải phận của Trung Quốc là 12 hải lý, tính nhờ Trung Quốc bảo vệ dùm 3/4 Biển Đông bên ngoài lãnh hải Bắc Việt vì lúc đó Hà Nội chưa có hải quân.

- Năm 1972 Trung Quốc ký Thông cáo Chung Thượng Hải với Mỹ để lộ rõ ra chiều hướng chuyển từ đối đầu sang hợp tác, cho phép Mỹ rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam kéo theo tiến trình giải quyết chiến tranh Việt Nam với Hiệp định Paris, ra đời vào ngày 27-1-1973.

- Tháng Giêng năm 1974, hải quân Việt Nam Cộng hòa bảo vệ quần đảo Hoàng Sa giao chiến với hải quân Trung Quốc. Quần đảo này nằm ở 14°30'-

17°00' độ vĩ Bắc và 111°30'-114°00' độ kinh Đông, ngang ngoài khơi tỉnh Đà Nẵng. Hải quân Việt Nam Cộng hòa đi vòng đánh từ Bắc xuống, hải quân Trung Quốc đánh bọc hậu từ phía Nam lên. Hải quân Việt Nam Cộng hòa thua, Trung Quốc chiếm giữ đảo và giam giữ một số tù binh nhưng đối xử tử tế và sau đó thả cho về. Sự việc xảy ra chỉ hai ngày sau khi ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger gặp những nhà lãnh đạo Bắc Kinh. Mỹ không lên tiếng và hải quân Mỹ đang tuần tra trong vùng khi xảy ra tranh chấp đã phớt lờ không can thiệp, bênh vực hải quân Việt Nam Cộng hòa, nhưng điều kinh ngạc và nổi bật nhất là chính quyền Hà Nội đã không có một lời phản kháng. Nếu Hà Nội tự nhận là đại diện hợp pháp cho Việt Nam và nếu họ còn cho Hoàng Sa là của Việt Nam thì trên phương diện pháp lý họ phải lên tiếng phản đối Trung Quốc xâm lăng và xác nhận chủ quyền khi một cuộc tranh chấp như thế xảy ra. Cùng trong thời gian này, Trung Quốc, Việt Nam Cộng hòa, Mã Lai Á, Phi Luật Tân, Brunei lên tiếng đòi chủ quyền về quần đảo Trường Sa ngang ngoài khơi Vũng Tàu.

- Từ năm 1975 đến cuối năm 1978, biên giới Việt Nam - Cam Pu Chia triền miên rối loạn. Đầu năm 1979 Việt Nam tiến quân sang Cam Pu Chia. Trung Quốc liền ra tay đánh vào biên giới phía Bắc của Việt Nam, nói là trừng phạt, dạy cho Việt Nam một bài học, Trung Quốc coi vùng mà trước đây Hà Nội giao cho họ nhờ bảo đảm an toàn dùm là phần đất của họ.

- Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc nối lại quan hệ ngoại giao. Vấn đề biên giới trên bộ và trên biển được đặt ra thương thảo lại, nhưng khi ngồi vào bàn hội nghị, Việt Nam bị thất thế vì Trung Quốc đưa ra những văn kiện ký kết năm 1958 giữa hai chính phủ và hai đảng và vì đã không lên tiếng xác nhận chủ quyền ở Hoàng Sa khi xảy ra cuộc tranh chấp năm 1974 giữa Trung Quốc và Việt Nam Cộng hòa. Hà Nội muốn trở lại đường biên giới ký kết giữa Pháp và triều đình Mãn Thanh, nhưng Bắc Kinh

bác, bắt phải dựa trên những ký kết với nhau trong quá khứ, lấy lý do là hai đảng vẫn còn hiện hữu mà lại đang nắm chính quyền, không có chuyện công nhận những việc mà phong kiến và thực dân thiết lập. Phía Việt Nam đuối lý, đành ngậm bồ hòn làm ngọt, nhượng bộ hoàn toàn những đòi hỏi của Trung Quốc, mất gần 1000 km² trên vùng biên giới phía Bắc. Thua me gờ bài cào, Hà Nội dở trò tiểu bá lãn chiếm biên giới Lào và Cam Pu Chia. Phía Lào và Cam Pu Chia muốn trở lại đường biên giới mà Pháp vẽ năm 1895, nhưng Việt Nam lại bác bỏ, chỉ muốn dựa trên cột mốc mới ấn định bởi một vài văn kiện do Hà Nội ép Lào và Cam Pu Chia ký hồi gần đây. Lưu manh hơn nữa là Hà Nội đưa dân đến lập nghiệp chiếm cứ những vùng đất ăn gian. Hiện nhân dân Lào và Cam Pu Chia rất phẫn uất về vụ này.

- Cuối năm nay 2001, quốc hội bù nhìn Việt Nam mới lên lút thông qua hiệp ước về biên giới Việt - Trung. Không một người dân nào được biết rõ nội dung của bản hiệp ước này, Hà Nội chỉ loan báo vắn tắt là hai bên sẽ cắm mốc biên giới vào đầu năm 2002. Chúng ta đòi hỏi nhà cầm quyền Hà Nội phải công bố đầy đủ chi tiết về bản hiệp ước biên giới này và chúng ta sẽ không công nhận bất cứ nhượng bộ nào về đất đai cho ngoại bang.

Vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa

Nhờ những tiến bộ về khoa học nhất là trong phạm vi kỹ thuật vi điện tử nhân loại đã bắt đầu có thể khai thác tài nguyên ở dưới đáy biển. Lục địa chỉ chiếm có 29% diện tích của trái đất và nguồn tài nguyên đã cạn vì bị khai thác dòng dả qua bao nhiêu thế kỷ trong khi đó biển cả chiếm đến 71% mà tài nguyên phong phú còn nguyên vẹn chưa từng bị khai thác vì không có kỹ thuật. Do đó, lục địa không còn là miếng mồi ngon cho các siêu cường tranh chấp nữa, mục tiêu béo bở bây giờ là đáy biển. Trước đây, khi sức mạnh chi phối thế giới là quân sự, một số các hòn đảo được coi là quan yếu vì là vị trí chiến lược giúp cho

vấn đề hành quân. Nhưng nay sức mạnh chi phối thế giới đang chuyển dần sang kinh tế, một số những hòn đảo khác đột nhiên trở thành quan trọng vì có liên quan trực tiếp đến bản đồ tài nguyên dưới đáy biển. Hoàng Sa và nhất là Trường Sa nằm trong trường hợp này. Chính vì vậy mà qua bao nhiêu thế kỷ không có những tranh chấp gì về hai quần đảo này nhưng đùng một lúc vào năm 1974 nhiều nước đã nhao nhao lên đòi chủ quyền về hai quần đảo này.

Vấn đề khai thác đáy biển dẫn đến vấn đề phân chia tài nguyên dưới đáy biển. Chắc chắn các siêu cường nắm kỹ thuật cao muốn soạn thảo các luật có lợi cho mình. Đã có đề nghị : đáy biển sâu hơn 200m thuộc về tất cả các nước. Xuống sâu hơn 200m ai có kỹ thuật khai thác tài nguyên kiếm được sẽ thuộc về người đó. Ai cũng hiểu là chỉ có các siêu cường giàu có mới có đủ điều kiện và kỹ thuật để làm.

Vấn đề khai thác lòng biển và đáy biển sẽ còn nhiều tranh cãi và tranh chấp. Một số nước đã đơn phương tuyên bố thêm lục địa thuộc về quốc gia họ dài tới 200 hải lý, hải phận nước này chồng lên hải phận nước kia gây nên tranh chấp liên quan đến nhiều quốc gia. Các nước giàu thực sự quan tâm đến phạm vi rộng lớn hơn nhiều đó là khai thác tài nguyên sâu trong lòng đáy biển ở trong hải phận quốc tế. Đối với các đảo mà chủ quyền không rõ ràng có nhiều nước tranh chấp, họ có chiều hướng ủng hộ quốc tế hóa những đảo đó, nhằm có bảo đảm về an ninh và không bị quốc hữu hóa trong khi khai thác. Vì lợi nhuận nhiều, họ sẵn sàng trả tiền thuê cao, các quốc gia tranh chấp sẽ chia nhau theo một thỏa thuận nào đó.

Lập trường của dân tộc ta

Chúng tôi quan niệm rằng, đất nước Việt Nam là của chung cho mọi người dân Việt Nam, tất cả mọi công dân Việt Nam, trong cùng như ngoài nước đều có bổn phận bảo vệ lãnh thổ, tài nguyên của Việt Nam do tiền nhân đã dày công để lại. Không ai được độc quyền yêu nước và cũng không một ai, một đoàn thể hay đảng phái nào, trong bất cứ hoàn cảnh nào, có thể nhân danh dân tộc Việt Nam ký kết những văn kiện bán nước cho ngoại bang. Trên căn bản đó, chúng

tôi đề nghị :

Về vấn đề biên giới trên bộ : nhân dân ta không bị ràng buộc bởi hiệp định phân định đường biên giới trên bộ mới ký kết năm 2001 giữa Hà Nội và Bắc Kinh và cũng sẽ không công nhận cột mốc sắp cắm mà chỉ coi đây như một bước sai lầm, đâm lao phải theo lao của bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt quyền lợi của đảng trên quyền lợi tổ quốc, dâng đất để được Trung Quốc ủng hộ, hy vọng được tiếp tục ngồi lại thống trị nhân dân ta. Nhân dân ta không coi những thỏa thuận ngầm giữa Hà Nội và Bắc Kinh là có giá trị, toàn bộ vấn đề biên giới trên bộ phải trở lại bản đồ do Pháp vẽ năm 1895 cho cả ba biên giới tiếp giáp Trung Quốc, Lào và Cam Pu Chia. Sở dĩ chúng tôi đề nghị dùng bản đồ này vì đây là bản đồ đầu tiên được vẽ một cách khoa học và tương đối vô tư bởi các chuyên viên về địa dư của Pháp. Chỉ có dùng bản đồ biên giới do Pháp vẽ chúng ta mới hy vọng tránh khỏi những tranh chấp triền miên và tạo được một nền hòa bình vĩnh cửu cho bán đảo Đông Dương. Nhân dân ta cũng tố cáo trước dư luận trong nước và quốc tế sự hèn hạ của tập đoàn bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã để mất đất tổ tiên để lại, cho Trung Quốc nhưng lại đi hiếp đáp chiếm đất của Lào và Cam Pu Chia.

Về vấn đề hải đảo : nhân dân ta muốn giải quyết hòa bình những tranh chấp về các hải đảo dựa trên :

- Luận cứ các bên đưa ra dính đến sự hiện diện từ xưa trên đảo.
- Nằm nhiều ít trên thêm lục địa.
- Luật biển của Liên hiệp Quốc năm 1982.

- Bảo đảm quyền lợi và an ninh cho giới khai thác tài nguyên đáy biển. Điều cần nêu lên ở đây là các cường quốc muốn quốc tế hóa các hải đảo đang tranh chấp để khai thác kinh tế với quy chế hư chủ, nghĩa là các nước đang tranh chấp là chủ nhưng không được có các hoạt động quân sự và không có quyền quốc hữu hóa, ngược lại họ có quyền tham gia vào các cuộc thương thảo trong việc khai thác vùng biển xung quanh các đảo này và chia lợi nhuận. Trong mọi trường hợp các nước khai thác tài nguyên đáy biển cần theo đúng luật lệ và các hiệp ước quốc tế, không được ỷ mạnh làm càn. Tóm lại, một

cách tổng quát, quyền lợi của các nước tranh chấp sẽ được giải quyết, tính toán theo mức độ quan trọng của những đảo này trong bản đồ tài nguyên đáy biển. Chúng ta cần nắm vững những điểm này để bảo vệ quyền lợi đất nước trong những cuộc thương thảo tương lai về quy chế của các đảo này.

Nguyễn Đan Quế

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592

Fremont, CA 94537 - 7592

e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:

Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam

(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**

Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan

Braamlanden 76

7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro,

xin chuyển vào trương mục của hội:

Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:

Mr. Võ Thanh Liêm

5 Fira Court

Narre Warren VIC 3805

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với

Nguyễn Thanh Lương

Habsburgerallee 104

60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G

THANH LUONG, NGUYEN

Konto-Nr: 00 77 70 82 94

Bankleitzahl: 50 19 00 00

Vụ án hệ trọng được khởi đầu

Bùi Tín

Trong năm 2001, dư luận trong và ngoài nước bàn tán sôi nổi về bản Hiệp định về Biên giới trên Đất liền và bản Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Bộ máy tuyên truyền chính thức của Hà Nội chỉ loan báo vắn tắt rằng bản hiệp định thứ nhất đã được ký ngày 30-12-99 và bản hiệp định thứ hai đã được ký ngày 25-12-2000.

Chưa có một tin tức chính thức nào của Hà Nội đưa tin là hai hiệp định ấy đã được quốc hội Việt Nam thông qua ; do đó không ai biết rằng hai văn kiện hệ trọng ấy được thông qua chưa ? nếu đã được thông qua rồi thì trong phiên họp nào ? vào ngày nào ? và có dơ tay biểu quyết hay không (hay chỉ vỗ tay ào ào ?) và với số thuận là bao nhiêu ?

Ấy vậy mà bản Hiệp định Biên giới đã được thực thi từ ngày 27-12-2001, khi hai phía Việt Nam - Trung Quốc tổ chức việc cắm những cột mốc đầu tiên trong số 1500 cột mốc, bắt đầu từ Quảng Ninh sát biển đi dần về phía Tây.

Dư luận trong nước bắt đầu từ các vị "cách mạng lão thành" 40, 50 tuổi đảng, đến anh chị em trí thức, luật gia, nhà sử học, từ các câu lạc bộ các cụ về hưu như Câu lạc bộ Thăng Long ở thủ đô, Câu lạc bộ Bạch Đằng ở Hải Phòng, đến các câu lạc bộ sinh viên ở Sài Gòn, từ các cụ chiến binh, thương binh đến các viên tướng ngực đầy huân chương ... ngày càng sôi nổi bàn luận về hai bản hiệp định nói trên. Nhiều câu hỏi được đặt ra, chất vấn những người lãnh đạo của đảng và nhà nước. Vấn đề chất vấn lớn nhất là : vì sao hai bản văn kiện hệ trọng đến vận mệnh quốc gia đến thế, đã được ký từ hai và một năm nay, mà người dân và đông đảo cán bộ không hề được biết nội dung của nó ra làm sao ? Nó có bao nhiêu điều khoản ? Lợi hại đối với đất nước ra sao ? Phía ta được gì, mất gì so với trước ? Ở các nước khác, các hiệp định biên giới thường kèm theo những bản đồ tỷ mỉ, sao ở ta lại có sự kín mít không bình thường đến như vậy ?

Lòng yêu nước trỗi dậy

Lòng yêu nước không phải là một khái niệm mơ hồ, chung chung. Nó gắn bó với những hiện tượng cụ thể. Cột mốc biên giới, đánh dấu ranh giới quốc gia là một vật thể thiêng liêng do tổ tiên, cha ông truyền lại để con cháu giữ gìn trọn vẹn. Biết bao xương máu liệt sỹ đổ ra để giữ gìn cột mốc biên giới nguyên vẹn.

Từ đầu năm 2001, nhà văn gan góc Dương Thu Hương, thường ngồi bệt xuống bãi cỏ cùng dân chúng, đã sớm nói lên nỗi lòng cụ thể của người dân đau xót khi cảm thấy cột mốc Ải Nam Quan xưa (sau đổi là Hữu Nghị Quan) đã không còn ở chỗ cũ, nó đã bị đặt lùi lại sâu trong đất Việt ta vài kí-lô-mét !

Tháng 2-2001, cụ Đỗ Việt Sơn, 78 tuổi đời, 54 tuổi đảng, sống ở Hải Phòng, nổ pháo hiệu đầu, chính thức dõng dạc chất vấn những người lãnh đạo cao nhất của đảng và nhà nước nhân đại hội IX của Đảng Cộng sản, và yêu cầu quốc hội, dứt khoát từ chối, không thông qua hai bản hiệp định này. Cụ nêu lên những con số đau lòng : phải chăng ta đã nhường cho Trung Quốc 720 kí-lô-mét vuông đất trên bộ và 10% Vịnh Bắc Bộ, nơi giàu tài nguyên hải sản, khí đốt và dầu mỏ, chưa kể về du lịch ?

Tiếp đó nhà luật học Lê Chí Quang, 30 tuổi, đánh động dư luận trong và ngoài nước, truyền tin trên mạng internet về những vấn đề khuất tất, mờ ám quanh hai bản hiệp định. Thái độ của Lê Chí Quang dấn thân cho toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc sau khi ủng hộ hết mình các chiến sĩ dân chủ Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang ... cho thấy yêu nước và dân chủ hiện tại là đồng nhất ; những kẻ bị lên án lộng quyền, nhượng đất, bán đất cho nước ngoài, cùng là những kẻ độc đoán, chống dân chủ, đàn áp nhân dân trong nước. Gần đây, bất chấp sự hăm dọa của công an, Lê Chí Quang viết một bài luận văn xác đáng : *Hãy cảnh giác với Bắc triều*.

Nhân phiên họp cuối năm của quốc hội khóa X, ngày 28-11-2001, 26 nhân vật tiêu biểu công khai gửi thư "tha thiết yêu cầu quốc hội không thông qua hiệp định Việt-Trung và đó là một hiệp định

bất bình đẳng, cắt đất, cắt biển cho Trung Quốc, phạm trọng tội đối với tổ tiên". Trong số người ký tên, có trung tướng Trần Độ, nguyên phó chủ tịch quốc hội, ông Hoàng Minh Chính, thiếu tướng Nguyễn Ngọc Diệp, đại tá Quốc Lập, đại tá Phạm Quế Dương, tiến sỹ vật lý Nguyễn Thanh Giang, nhà văn Hoàng Tiến, đại tá Trần Nhật Độ, cựu chiến binh Trần Dũng Tiến, nhà báo Nguyễn Vũ Bình ...

Ngày 22-12-2001, 11 nhân vật tiêu biểu khi được tin việc cắm mốc biên giới sắp thực hiện, lại khẩn cấp gửi quốc hội, trung ương Đảng Cộng sản và chính phủ, yêu cầu quốc hội tổ chức phiên họp đặc biệt nghe lãnh đạo đảng và nhà nước giải trình vấn đề cực kỳ hệ trọng là Hiệp định Biên giới và Lãnh hải Việt-Trung.

Hàng rào câm lặng

Trước sự bàn tán xôn xao của dư luận trong và ngoài nước, trước hàng loạt thư công khai yêu cầu, đề nghị, chất vấn ... các cơ quan lãnh đạo đảng và nhà nước vẫn im lìm ! Họ coi như không có gì xảy ra cả. Mặc dầu chính họ đã đề ra luật về trả lời những chất vấn, khiếu nại của công dân !

Hàng trăm lá thư của công dân gửi chủ tịch nước Trần Đức Lương, ông Lương ngậm tằm. Hàng trăm lá thư của đảng viên gửi tổng bí thư Nông Đức Mạnh, ông Mạnh im như thóc ! Hàng chục đại biểu quốc hội và hàng nghìn cử tri gửi thư cho chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An, ông An giả điếc !

Họ coi thường người dân, coi dân như cỏ rác ? Hay là họ sợ mở miệng mắc quai ? Chắc đã có nhiều chuyện mờ ám, nhiều sự thật tội lỗi họ sợ bị đưa ra ánh sáng.

Trước bức tường câm lặng của đảng độc quyền, dư luận càng thêm xôn xao, rầm rì loan truyền nhiều tin đồn mà thực hư chưa hề được sáng tỏ. Bà con ta loan truyền rộng rằng :

- Theo Hiệp định Biên giới, phía Việt Nam bị thiệt lớn ; có đến 720 kí-lô-mét vuông bị mất đứt cho Bắc triều ; rằng cột mốc số không không còn ở sát

chân công Ải Nam Quan mà đã bị rời vào phía trong một kí-lô-mét, có người nói hai kí-lô-mét ! Rằng suối Phi Khanh nơi tương truyền cha của Nguyễn Trãi là Phi Khanh, tiền con trở về tổ quốc rửa nhục cho nước, hai cha con đều khóc, nước mắt rơi thành một dải suối con, ở ngay trước Ải Nam Quan trên đất Việt Nam, nay cùng "biển" sang đất Trung Hoa ; Rằng thác Bản Dốc, một thắng cảnh đặc sắc của tỉnh Cao Bằng nay đã thuộc về Trung Quốc ! Rằng hàng loạt cao điểm thuộc sáu tỉnh biên giới cũng đã bị lấn chiếm không cần một tiếng súng !

- Theo Hiệp định Lãnh hải, tin tức tiết lộ từ trong đảng cho biết Vịnh Bắc Bộ đã được chia lại theo tỷ lệ 53% cho Việt Nam, 47% cho Trung Quốc ; có tin cụ thể hơn nói là 53,23% cho Việt Nam, 46,77% cho Trung Quốc. Trước đó, theo Hiệp ước Patenôtre ký giữa Pháp và Trung Quốc năm 1885, thì tỷ lệ chia ở Vịnh Bắc Bộ là 62% lãnh hải là của Việt Nam thuộc Pháp và 38% là của Trung Quốc. Như vậy, Việt Nam vừa mất dứt hàng nghìn kí-lô-mét vuông lãnh hải, mất 16% diện tích Vịnh Bắc Bộ, nơi có nhiều tài nguyên về hải sản, khí đốt, dầu hỏa và thắng cảnh ...

- Dư luận còn bàn tán rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị Đảng Cộng sản Trung Quốc sỏ mũi, bị ép phải cúi đầu chấp nhận việc tách hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ra, không bàn đến trong hiệp định về lãnh hải giữa hai nước, nghiêm nhiên khẳng định rằng hai quần đảo ấy trên thực tế đã thuộc về Trung Quốc, không cần phải bàn cãi gì nữa cả ! Vậy là những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam đã mặc nhiên công nhận việc Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa năm 1974 và quần đảo Trường Sa năm 1988 là chính đáng, mặc dầu chúng ta có nhiều chứng cứ về hành chánh, sử học, nhân chủng học, pháp lý, khảo cổ về chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo ấy. Giáo sư Monique Chemillier-Gendreau của trường Đại học Paris VII đã viết cuốn sách *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa* do L'Harmattan xuất bản tháng 3-1996 để khẳng định chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo này. Bắc Kinh am hiểu thế ngồi trên lửa của Hà Nội, đồng tình không công bố văn

bản hiệp định trên báo chí, trên công báo, theo nếp của một đảng toàn trị : bí mật của đảng cao hơn cả bí mật quốc gia.

Sức ép ở cấp cao nhất

Từ những tiết lộ của một số cán bộ cấp cao trong ban biên giới của chính phủ và trong phái đoàn Việt Nam đàm phán với Trung Quốc, các đại biểu Việt Nam trong phái đoàn chịu sức ép "khủng khiếp" từ nhiều phía. Trước hết là sức ép của đối phương, của phía Trung Quốc. Cuộc đàm phán kéo dài hơn năm năm thì đầu năm 1999, tổng bí thư Giang Trạch Dân đề ra yêu cầu với tổng bí thư Lê Khả Phiêu rằng hai bên cam kết đi đến ký kết Hiệp định về Lãnh thổ trước cuối năm 1999 và Hiệp định về Lãnh hải trong Vịnh Bắc Bộ trước cuối năm 2000. Tổng bí thư Phiêu chỉ còn biết dạ "hào ! hào !". Phía Trung Quốc luôn nhắc phải đi đến thỏa thuận đúng hạn, không thể dây dưa, như hai nhân vật cấp cao nhất đã cùng nhau cam kết. Phía Hà Nội cũng ép phái đoàn của mình phải tôn trọng cam kết của cấp cao nhất, đi đến ký kết cuối năm 1999 và 2000. Phía Trung Quốc, nắm đằng chuôi, không chịu nhượng bộ hay chỉ nhượng bộ vài chỗ thứ yếu, không đáng kể, thế là phía Việt Nam, đành ngậm bồ hòn làm ngọt, nhượng bộ tới số. Thỉnh thoảng phía Trung Quốc thò ra viện trợ kinh tế, giúp đỡ theo tình đồng chí, môi hở răng lạnh, mỗi lần vài chục triệu đô-la, coi như chất nhòn cho bộ máy đàm phán chạy trơn tru.

Đó là điều giải thích tại sao các hiệp định đều được ký vào tháng cuối năm, thậm chí vào ngày gần cuối năm : 30-12.

Các đầu óc Đại Hán không thiếu những sáng kiến những mưu cao, mẹo sâu để ép các chư hầu, khi họ hiểu rõ các chư hầu ấy đã chịu thuần phục. Họ thừa hiểu các tổng bí thư từ Đỗ Mười qua Lê Khả Phiêu đến Nông Đức Mạnh, hiện nay đều là đệ tử của đường lối đối ngoại "kiên định", coi thiên triều Bắc Kinh là chỗ dựa chính trị, kinh tế, quốc phòng và an ninh vững chắc nhất, là mối liên minh đáng tin cậy nhất do chung chế độ xã hội chủ nghĩa, chung học thuyết Mác-Lênin, chung nền chuyên chính độc đảng ; họ chỉ hội nhập với thế giới

hiện đại một cách dò dẫm, đầy e ngại và hoài nghi, một mực cho rằng Hoa Kỳ và phương Tây đã thực hiện "điên biến hòa bình" làm tan rã Liên Xô và nay cùng đang thực hiện "điên biến hòa bình" hướng vào Trung Quốc và Việt Nam ... Những đầu óc bảo thủ, giáo điều, lão hóa vẫn còn bị quá khứ cầm tù, không sao nhìn ra được con đường sáng sủa ở tương lai khi thực lòng hòa nhập với thế giới dân chủ hiện đại. Họ là nguyên nhân tệ hại làm cho đất nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam vẫn lỡ chuyến tàu tốc hành chung của loài người tiến bộ đang lao đến hòa bình, hữu nghị, phát triển và thịnh vượng.

Sức chấn động của một sự kiện

Những câu hỏi quanh hai hiệp định Việt-Trung đang sôi sục, vang dội từ trong nước ra nước ngoài. Cả một trào lưu yêu nước, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc đang trở dậy. Bất kể quá khứ chính trị, mỗi người Việt Nam đều cảm thấy bị xúc phạm, khi được tin đất nước đã bị cắt mất hàng trăm, hàng ngàn cây số vuông đất liền và lãnh hải. Đất nước lâm nguy ! Lâm nguy thật sự khi nằm trong tay những kẻ mù quáng đặt sự tồn tại của một phe đảng cao hơn toàn vẹn lãnh thổ, cao hơn lợi ích của dân tộc.

Đây là dịp để lòng yêu nước bật dậy ! Với lòng yêu nước, các đại biểu quốc hội sao lại không chất vấn chính phủ, đòi phải tường trình về quá trình đàm phán, về văn bản hai bản hiệp định kèm theo bản đồ phụ lục. Với lòng yêu nước, các đảng viên cộng sản, các ủy viên trung ương sao không chất vấn bộ chính trị, tổng bí thư về vấn đề trọng đại này. Không thể chấp nhận lời trấn an để dài : hãy tin ở bộ chính trị ; bộ chính trị đã đồng ý thông qua hai bản hiệp định, hiện nay công bố không có lợi, hãy bình tĩnh và chờ đợi ! Trong tình hình hệ trọng này, buông xuôi, làm ngơ, có thể coi là đồng lõa.

Những nhân vật trực tiếp chịu trách nhiệm lớn nhất về hai hiệp định nói trên là : các tổng bí thư Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh ; chủ tịch nước Trần Đức Lương ; thủ tướng Phan Văn Khải ; chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An ; phó thủ tướng Nguyễn Mạnh
(xem tiếp trang 14)

Yêu cầu quốc hội không thông qua Hiệp định Biên giới Việt-Trung

Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi :

- Đồng chí tổng bí thư Nông Đức Mạnh
- Đồng chí chủ tịch nước Trần Đức Lương
- Đồng chí thủ tướng Phan Văn Khải
- Đồng chí chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An

Đồng kính gửi :

- Các vị lão thành cách mạng, các cựu chiến binh, các nhà trí thức, các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, các giới công nhân, nông dân, công thương, các dân tộc và sắc tộc, các tôn giáo, các sinh viên, học sinh và tất cả những ai quan tâm tới vận mệnh tổ quốc,

Thưa các đồng chí
và các bạn kính mến,

Gần đây trong nhân dân bàn luận rất sôi nổi về việc chính phủ ký kết Hiệp định Biên giới và Hiệp định Vùng biển Việt - Trung, nghĩa là cả vùng biên giới và lãnh hải của tổ quốc bị xâm phạm dưới sự nhất trí của Đảng và nhà nước ta.

Vấn đề này đến nay không chỉ đơn thuần là dư luận, mà tháng 2-2001 qua thông báo của một vị lãnh đạo thành phố Hải Phòng tại CLB Bạch Đằng thì vịnh Bắc Bộ, mà ta đã đồng ý chia là: - 53% cho Việt Nam và 47% cho Trung Quốc.

Điều đáng nói là hàng trăm năm gần đây, biên giới và lãnh hải của Việt Nam và Trung Quốc đã được xác định theo các Hiệp định do Pháp và nhà Thanh ký từ cuối thế kỷ 19, và được coi là hợp pháp không chỉ đối với Việt Nam mà cả đối với quốc tế.

Theo tài liệu của hai ông Lưu Văn Lợi và Lê Minh Nghĩa ở ban biên giới của nhà nước, công bố năm 1997, riêng về chủ quyền hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa như sau :

- Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở Biển Đông là lãnh thổ thiêng liêng của Việt Nam. Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử đã là chủ nhân và thực thi chủ quyền này là phù hợp với luật pháp và thực tiễn quốc tế, đã được nhiều quốc

gia, tổ chức và học giả nổi tiếng trên thế giới thừa nhận và ủng hộ. Trong đó có những học giả tiếng tăm như:

- Bà Monique Chemillier-Gendreau, giáo sư công pháp và khoa học chính trị ở trường Đại học Paris VII.

- Ông Denis Diderot, nguyên chủ tịch Hội Luật gia Dân chủ Pháp hiện là chủ tịch Hội Luật gia châu Âu đã viết cuốn sách nhan đề *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*. Cuốn sách đã được nhà xuất bản L' harmattan Paris công bố vào tháng 3-1996 và Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia của Việt Nam cho tái bản năm 1997 và 1998.

Vậy mà giữa hai đảng Việt Nam và Trung Quốc đã đi đến thoả thuận cắt nhượng biên giới đường bộ và biển Đông của Việt Nam cho Trung Quốc cụ thể như sau:

- Cuối năm 1999, Đường Gia Truyền, bộ trưởng bộ ngoại giao Trung Quốc đã sang ký tại Hà Nội phần nhượng biên giới đường bộ, trong đó có khu di tích thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam là Bản Dốc, dân địa phương kịch liệt phản ứng nhưng cuối cùng vẫn phải di dân đi chỗ khác vì đây là ý Đảng.

- Sang năm 2000 thì chủ tịch Trần Đức Lương sang Bắc Kinh ký tiếp phần Vịnh Bắc Bộ nội dung như cử tri chúng tôi nêu trên.

Theo các nguồn tin, chúng tôi nắm được thì việc ký kết này chỉ bàn bạc trong phạm vi bộ chính trị, trung ương nhiều vị không được phổ biến, vì vậy dân càng không hay biết.

Do đó, tháng 2-2001, trong bản góp ý với bản dự thảo báo cáo chính trị của đại hội IX, một lão thành cách mạng Đỗ Việt Sơn, 54 tuổi đảng, 78 tuổi đời ở 26/14-125 Tô Hiệu - Hải Phòng đã đề nghị với Đảng và nhà nước không thông qua các hiệp định này, vì đây là một hiệp định mà phía Việt Nam nhượng bộ quá nhiều. Nếu nhìn vào lịch sử của dân tộc ta thì chưa từng có triều đại nào cam tâm chịu nhượng bộ như thế. Thực vậy, suốt 4000 năm lịch sử, kể cả thời Bắc thuộc cho đến hơn 1000 năm độc lập tự chủ, các triều đại phong kiến nước ta lúc thịnh cũng như lúc suy, chưa bao giờ nhường cho phong kiến phương Bắc

một tấc đất, một hòn đảo, có chăng chỉ cống nạp ngà voi châu báu là cùng. Vậy thì, tại sao tháng 12-1999 Việt Nam và Trung Quốc thông qua Hiệp định Biên giới trên Bộ và tháng 12-2000 thông qua Hiệp định Vịnh Bắc Bộ, đã nhượng cho Trung Quốc 720km² trên bộ và 10 phần trăm diện tích Vịnh Bắc Bộ - điều đáng lưu ý là diện tích ta bị mất ở khu vực Vịnh Bắc Bộ đều là những Khu vực giàu tài nguyên như: hải sản, khí đốt và dầu mỏ ?

Nước ta là một nước độc lập có chủ quyền, được hầu hết các nước trên thế giới thừa nhận và có cơ sở pháp lý quốc tế thừa nhận vùng biên giới và hải phận của mình, vậy tại sao có sự thông qua Hiệp định Biên giới Việt-Trung như nêu trên. Chúng tôi còn được biết ngay tại hội nghị 11 trước đại hội IX vừa rồi cũng đã đưa ra bàn cãi về vấn đề này, nhưng về một nguyên tắc nào đó chưa công bố cho đảng viên và nhân dân biết cụ thể ra sao, nên những cử tri chúng tôi, xuất phát từ việc bảo vệ quyền độc lập của nước ta, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc, nên cùng nhau kiến nghị, nhân kỳ họp quốc hội vào tháng 11 tới cần đưa vấn đề này ra để có những quyết định đúng đắn nhất trên cơ sở hợp với lòng dân và ý Đảng.

Nếu việc cắt đất cắt biển của Việt Nam cho Trung Quốc không ngăn chặn được, chúng tôi cho rằng chúng ta đã có trọng tội với tổ tiên vì :

- Vua Lê Thánh Tông từng truyền lệnh : *"Kẻ nào làm mất một tấc đất của Đất Nước là kẻ đó có trọng tội với tổ tông"*.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn chúng ta : *"Các Vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"*.

Một lần nữa các cử tri chúng tôi tha thiết yêu cầu quốc hội cần có quyết định sáng suốt và hợp với lòng dân, cụ thể là không thông qua Hiệp định Biên giới Việt-Trung theo tinh thần cử tri chúng tôi đã nêu trên.

Chúng tôi đặt hết lòng tin vào các đại biểu quốc hội và nhất là tân chủ tịch Nguyễn Văn An dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của tổng bí thư Nông Đức Mạnh.

Xin gửi các đồng chí lời chào trân

trọng nhất.

Kính,

Các cử tri ở miền Nam

1 - **Trần Quang Lê**, cách mạng lão thành, 55 tuổi đảng, nguyên phó bí thư xứ ủy Nam Bộ, đại diện cho nhóm cách mạng lão thành sinh hoạt ở T 78. ĐC: 179 C, Hai Bà Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

2 - **Bùi Long**, lão thành cách mạng, 56 năm tuổi đảng, nguyên cán bộ tổng hợp của bộ công nghiệp. ĐC : 196/15 Đồng Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3 - **Nguyễn Ngọc Diệp**, thiếu tướng, nguyên chính uỷ Bệnh viện Quân chủng Phòng không Không quân, cựu chiến binh, 75 tuổi đời, 52 tuổi đảng. ĐC : 362 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

4 - **Nguyễn Văn Cầu**, cựu chiến binh S 308, 73 tuổi. ĐC : Hiện trú tại 185 /HC Phan Đình Phùng, Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

5 - **Vũ Ngọc Bích**, đại lý bảo hiểm (Mã số : 00011588) DTDD : 0913 916 067 Tầng 23, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. ĐT : 08 9 101 724. Fax : 08 9 101 727.

6 - **Quốc Lập**, đại tá, cựu chiến binh, chủ nhiệm Công binh Quân khu 7. ĐC : 557 Nguyễn Tri Phong, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh .

Các cử tri ở miền Bắc

7 - **Trần Độ**, trung tướng, nguyên phó chính uỷ quân giải phóng miền Nam, nguyên phó chủ tịch quốc hội khoá VIII, nguyên ủy viên trung ương các khoá 3, 4, 5, 6. ĐC : 97 Trần Hưng Đạo, Hà Nội. ĐT : 9 424673

8 - **Hoàng Minh Chính**, nguyên tổng thư ký Đảng Dân chủ Việt Nam, nguyên tổng thư ký Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, nguyên chấp uỷ viên ban chấp hành trung ương Liên đoàn Thanh niên Dân chủ Thế giới, nguyên viện trưởng Viện Triết học, sĩ quan thương binh. ĐC : 26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội. ĐT : 8 249252, bị cắt phi pháp từ ngày 5-9-2001 .

9 - **Phạm Quế Dương**, đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam, nguyên tổng biên tập *Tạp chí Lịch sử Quân sự*. ĐC : 37 Lý Nam Đế, Hà Nội .

10 - **Đoàn Nhân Đạo**, lão thành cách mạng, đứng đầu nhóm 11 Cụ Huyết Tâm Thư. ĐC : 48 Hàng Buồm, Hà Nội. ĐT : 8 282426

11 - **Nguyễn Thanh Giang**, viện sĩ, tiến sĩ địa vật lý. ĐC : Nhà A 13, Phòng 9, Tập thể Phòng không, Hóa Mục, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội .

12 - **Hoàng Tiến**, nhà văn . ĐC : Nhà A 11, Phòng 420, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội. ĐT : 5.530377, bị cắt phi pháp từ 5-9-2001. Đã khiếu nại, không được trả lời.

13 - **Trần Dũng Tiến**, quyết tử quân Tiểu đoàn 523 Hà Nội, công nhân, cựu chiến binh. ĐC : 12/95 Phố Cự Lộc, Thanh Xuân, Hà Nội. ĐT : 8 586321, bị cắt phi pháp từ 7-9-2001.

14 - **Chu Thành**, nhà thơ, bút danh Tú Sốt. ĐC : 67 Ngõ Sông Tô Lịch - phòng Không Trung- quận Thanh Xuân, Hà Nội. ĐT : 8 535911

15 - **Nguyễn Thu**, 75 tuổi, nguyên trọng tài viên trọng tài kinh tế nhà nóc trương ương (1985-1991), nguyên vụ phó vụ sản xuất liên hiệp xã công nghiệp, thương nghiệp trung ương (1973-1985), nguyên ủy viên ban chỉ đạo cải tiến quản lý kinh tế công nghiệp chính phủ (1979-1985). ĐC : 14 Ngõ Thời Nhậm, Hà Nội. ĐT : 9 430718

16 - **Trần Nhật Độ**, đại tá, nguyên chính uỷ binh chủng đặc công. ĐC : P 211 (Cũ là P 41) - nhà B1 - Khu tập thể Nam Đồng, Hà Nội. ĐT : 8 573764

17 - **Trần Đại Sơn**, 54 tuổi đảng, quyết tử quân, chiến sĩ đội tự vệ chiến đấu cứu quốc Hoàng Diệu, 1945 ; nguyên trưởng ban trình sát đặc công S đoàn 308B. ĐC : 51 Hàng Bài, Hà Nội. ĐT : 8 263700

18 - **Nguyễn Vũ Bình**, - nguyên biên tập viên *Tạp chí Cộng sản*. ĐC : 26, Tổ 67b, Vinh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

19 - **Vũ Khắc Kính**, 73 tuổi, vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1947, gia nhập quân đội Việt Nam năm 1947, cấp bậc thiếu tá, cựu chiến binh, thương binh . ĐC : 41 C - Ngõ 120, Dờng Hoàng Hoa Thám, Hà Nội. ĐT : 8.472968

20 - **Hùng Long**, 85 tuổi, tham gia cách mạng từ 1936 (Phong trào Đông Dương Đại Hội), vào Đảng năm 1946, nguyên Chủ tịch Huyện, nguyên phó chủ tịch tỉnh. ĐC : Số 2, Ngách 43 của Đường Chùa Bộc, Hà Nội. ĐT : 5 743698

Bài ca bán đất

Nhại thơ Bút Tre :

Quốc hội đại biểu của dân (của dân)
Mà không ai dám chất vấn lấy nửa câu
(chất vấn)
Biên giới hiệp định lôm sấu
Đất đai bị mất, vẫn vĩnh rầu quai hàm !

Vào bài :

Hoan hô cộng sản Việt Nam,
Cuối đời bán cả giang san nước nhà.
Bản Dốc cảnh đẹp của ta, (1)
Nay còn đâu nữa để mà ngắm trông.
Trường Sa mù mịt biển Đông,
Cả Hoàng Sa nửa mất tong còn gì (2).
Mục Nam quan giữa biên thù,
Nay lùi xa tấp thấy gì nữa đâu (3).
Ngước trông lệ nhỏ rầu rầu,
Suối Phi Khanh cùng qua cầu người ta
(4).
Mấy nghìn năm ! Thật xót xa !
Trách ai cắt đất để mà vinh thân.
Mặc cho cuộc thế xoay vần,
Cuối đời đầy túi, cóc cần cái chi.
Quốc hội một lũ ù lì,
Nhưng còn bìa miệng sẽ ghi muôn đời,
Việc này không thể buông trôi !

Tháng 12 -2001

Các lão thành Hà Nội

(1) Thác Bản Dốc, Cao Bằng. Có rất nhiều bức ảnh chụp cảnh đẹp nổi tiếng này lưu truyền khắp trong nước và cả nước ngoài. Nay đã thuộc về Trung Quốc.

(2) Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của ta tháng 1-1974, bấy giờ còn trong tay quân đội Sài Gòn. Sau này chiếm nhiều đảo trong quần đảo Trường Sa của ta vào tháng 3-1988.

(3) Trước ở cổng Mục Nam quan, ta và Tàu gác chung. Bên này cổng là đất ta, bên kia cổng là đất Tàu. Không biết thế nào mà bây giờ đất ta lại lùi mãi về phía Đông Đãng gần 1 ki-lô-mét. Đứng ở cái vạch trắng phân chia ranh giới không nhìn thấy Mục Nam Quan nữa.

(4) Đây là một vạt đất lôm xướng trước Mục Nam quan. Tương truyền Nguyễn Trãi tiễn Phi Khanh biệt nhau ở đây. Phi Khanh khuyên con về rửa nhục cho nước. Cả hai cha con đều khóc, thành vạt suối ở chỗ đất lôm, dân gian gọi là suối Phi Khanh.

Hãy bảo vệ mẽ thép đã tôi thế đấy của cụ Hồ !

Trần Dũng Tiến

Hà Nội, ngày 19-12-2001

Nơi gửi:

- Đảng, quốc hội, nhà nước
- Các cơ quan thông tin đại chúng

Thật đau lòng tôi phải nhắc lại mới đây ban tổ chức trung ương đảng tổ chức kỷ niệm 90 năm ngày sinh Lê Đức Thọ - kẻ lừa thầy phản bạn lớn nhất nước ta.

Sau khi ôn lại thân thế sự nghiệp hơn 40 năm khuyên đảo phá Đảng về mặt tổ chức, Trần Đình Hoan nói : "[1] Thọ là lớp cán bộ Đảng viên đầu tiên của Đảng, nhà lãnh đạo tài năng, giàu kinh nghiệm và là một trong những học trò xuất sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh vì đại đa số những cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của đất nước ; [2] - Một người đã nêu tấm gương sáng về lòng trung thành, tận tụy với tổ quốc, với Đảng và nhân dân, tinh thần cách mạng kiên cường, bất khuất, đức tính cần kiệm liêm chính và tình thương đối với cán bộ được toàn Đảng và toàn dân ta thương yêu và kính trọng ; [3] - Một người đã để lại trong lòng các thế hệ cán bộ, công nhân viên ban tổ chức trung ương, ngành tổ chức của Đảng những tư tưởng lớn, tình cảm sâu nặng và nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu về công tác tổ chức cán bộ, cho đến hôm nay vẫn còn giữ nguyên giá trị".

Để làm rõ tội ác tày trời của Lê Đức Thọ mà Trần Đình Hoan ca ngợi, tôi đánh số 1, 2, 3 và gạch dưới những điểm cần phản bác sự đánh giá sai lệch của ban tổ chức trung ương Đảng khoá IX.

1. Cùng như Lê Duẩn, Lê Đức Thọ không xứng đáng là học trò của Bác, chứ nói gì lại là học trò xuất sắc của Bác. Như chúng ta đã biết lợi dụng sự tin cậy của Bác ngay từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp, Duẩn và Thọ đã cấu kết với nhau có mưu đồ cực kỳ phản động nhằm hãm hại những người tận trung với nước, tận hiếu với dân, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng do Bác sáng lập và rèn

luyện, chỉ vì bất đồng chính kiến với mình. Vào một ngày hạ tuần tháng 5-1951, Bác Hồ nhận được cái tin như sét đánh : trung tướng Nguyễn Bình bị phục kích chết trên đường ra Việt Bắc theo điện của Bác và trung ương gọi ra ? Sau cái phút bàng hoàng, Bác hỏi anh Vũ Đình Huỳnh : "*Lạ quá ! Sao lại có cái chuyện một trung tướng Nguyễn Bình tung hoành giữa Sài Gòn kẻ thù hung hãn mạnh thế phải khiếp vía lại bị phục kích bắn chết trên đường ra Việt Bắc ?*" Và bên anh Trường Chinh, anh Võ Nguyên Giáp cũng không biết là ai điện vào Nam gọi trung tướng Nguyễn Đình ra trung ương ? Có lẽ phải chờ tên gian thần khét tiếng nhất thời đại Lê Đức Anh xám hói chiếc hộp đen mới được giải mã. Sự nham hiểm và độc ác của Lê Đức Anh còn vượt xa cả Lê Sát thời Lê Thánh Tông vu cho bà phi Ngô Thị Ngọc Dao âm mưu giết vua Lê Thái Tông. Sau nhờ sự can ngăn của Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ mà bà phi Ngô Thị Ngọc Dao không phải rơi đầu trong lúc đang mang thai vua Lê Thánh Tông. Chính Lê Đức Anh được Duẩn và Thọ dựng lên năm 1947 chưa vào Đảng Cộng sản Việt Nam, sau phải hoán vị cho Lê Đức Anh sang làm đại đội trưởng, Nguyễn Văn Hội sang làm chính trị viên đại đội. Như một thám tử tư vì nước vì dân, hè vừa qua tôi đến gặp anh Nguyễn Văn Hội hiện ở 33B Phạm Ngũ Lão. Rất thận trọng, sau phút thăm dò chỉ vào chiếc ghế tôi ngồi, anh nói mấy lần đến đây Lê Đức Anh cũng ngồi vào: chiếc ghế đó và là con người cực kỳ nham hiểm đấy. Mới đây (1999) Lê Đức Anh đã được đặc cách phát thẻ 60 năm tuổi Đảng !? Được bộ chính trị của Lê Khả Phiêu và cố vấn Đỗ Mười tổ chức trọng thể trao thẻ Đảng. Tôi thầm nghĩ việc này có lẽ phong trào cộng sản quốc tế phải ghi vào sổ vàng.

2. Lê Đức Thọ đã có cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của đất nước. Ta hãy mở hộp đen vụ án "Xét lại chống Đảng" và "Nhân văn Giai phẩm" hơn 40 năm trước.

Tháng 9-1960, phong trào cộng sản quốc tế có những bất đồng sâu sắc về quan điểm. Bộ chính trị họp hai ngày nhưng có những vấn đề chưa được làm rõ phải tạm nghỉ họp. Đồng chí Trường Chinh giao nhiệm vụ này cho Hoàng Minh Chính - viện trưởng Viện Triết học đầu tiên, với thời gian khẩn thiết chỉ có một buổi chiều và một buổi tối phải giải trình cho rõ về lý luận của Đảng ta nhằm góp phần vào sự đoàn kết, nhất trí về quan điểm với phong trào cộng sản quốc tế. Sáng sớm hôm sau, người Viện trưởng đáng kính nể của Đảng ta hồi ý đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do đồng chí Trường Chinh giao. Sau khi tham khảo ý kiến và được sự nhất trí của hai đồng nghiệp cùng học một khoá trường Đảng cao cấp trực thuộc ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô là Trần Minh Việt và Hà Xuân Trường. Hoàng Minh Chính báo cáo với bộ chính trị, Trường Chinh được chấp nhận hoàn toàn. Đó là cảm năng quan trọng để đồng chí Trường Chinh lên đường sang Mátxcova họp hội nghị trụ bị 24 Đảng, chuẩn bị cho hội nghị 81 Đảng họp cuối năm 1960.

Vào một đêm 18-10-1967, tên bạo chúa Lê Đức Thọ đã sai công an ập vào bắt (công tay khoá số 8) đồng chí Vũ Đình Huỳnh, người đồng chí thân thiết, gần gũi và là trợ thủ đắc lực của chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã từng tham gia Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, vào Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 được phong quân hàm Đại tá đầu tiên năm 1946, cận vệ cho Bác, là cánh tay phải, giúp việc đắc lực cho Bác và phải đoàn ta tại Hội nghị Phong-ten-blô.

Thật tủ nhục cho những lão thành cách mạng bị đế quốc giam cầm ở nhà tù Sơn La. Mới đây, ngày 10-12-2000, đồng chí Phạm Tuấn Khánh có huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, huân chương Độc lập hạng nhất, hoạt động cách mạng từ 1936 cùng bị tù Sơn La viết giấy chứng nhận cho đồng chí Hoàng Công Khanh bị kết án 8 năm tù và cùng bị giam chung với đồng chí Tô Hiệu ở xà lim cách ly vì

bị bệnh ho lao, tù cùng đợt với các đồng chí Hoàng Minh Chính, Lê Đức Thọ, Xuân Thủy, Trần Độ, Hoàng Tùng, Nguyễn Văn Trân. Ở trong tù, Hoàng Công Khanh vừa canh gác cho ban lãnh đạo nhà tù Sơn La họp, vừa sáng tác chuyển thể, viết kịch bản, vừa đạo diễn để các bạn tù diễn vở *Lời Vỡ* của Tào Ngưu và phóng tác cuốn tiểu thuyết *Le Coupable* của François de Croppie (Pháp) vở kịch *Kẻ thủ phạm* diễn vào dịp Tết nhằm động viên anh em trong nhà tù giữ vững khí thế cách mạng tấn công kẻ thù.

Cách mạng tháng Tám thành công, nhà văn nhà biên kịch tài ba Hoàng Công Khanh đã ở cương vị vụ trưởng, giám đốc Sở Văn hoá và Thông tin Hải Phòng. Ông là tác giả vở kịch nổi tiếng *Về Hồ* được Bác gọi lên khen ngợi. Thật trớ trêu, chính Lê Đức Thọ đã ghép cho Hoàng Công Khanh vào nhóm Nhân văn Giai phẩm do Hoàng Minh Chính cầm đầu. Sau ba lần được Thọ bỏ tù không khuất phục nổi ý chí của Hoàng Minh Chính, Thọ đã định bí mật thủ tiêu. Ông Hoàng Minh Chính đã đánh thép tuyên bố: *"Có bắn thì bắn trước mặt, bắn sau lưng là hèn"*. Hoàng Công Khanh vào tù cùng với các anh Phùng Cung, Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang và Phùng Quán với tác phẩm nổi tiếng *Vượt Côn Đảo* một thời được coi là sách gối đầu giường của những nhà cách mạng của quân đội. Ông Nguyễn Hữu Đang - một cây đại công thần được Bác Hồ giao cho làm kỳ đài trong đại lễ Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945 khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nay đã 90 tuổi cũng bị Thọ cho tù 15 năm, được thả ra về hưu kêu oan, được chia nhà và hưởng chuyên viên 5. Hoàng Công Khanh đáng kính trọng của Đảng của cách mạng hiện nay 80 tuổi đời, hơn 60 năm đại công thần vẫn chưa được hưởng chế độ hưu của cách mạng xã hội chủ nghĩa !?

Anh Từ Sơn, vụ trưởng ban văn hóa tư tưởng trung ương, mang theo một tập đơn, đến gặp ông Tố Hữu, kêu oan cho Hoàng Công Khanh. Ông Tố Hữu lắng tránh bảo: *"Tôi già rồi, quên nhiều chuyện cũ lắm"*.

Anh Từ Sơn lại gặp ông Đỗ Mười khi ấy làm tổng bí thư, ông Mười cho là việc đó do cơ quan chính sách giải

quyết.

3. Ôi ! Kê sao cho hết tội ác, trời không dung, đất không tha của Lê Đức Thọ đàn áp, sát hại hàng loạt những người cách mạng chân chính như mẽ thép đã được tôi thể dấy của cụ Hồ. Ta hãy xem đây, Trần Đình Hoan đánh giá về Lê Đức Thọ về công tác tổ chức cán bộ: *"Một người đã để lại trong lòng các thế hệ cán bộ công nhân viên ban tổ chức trung ương, ngành tổ chức Đảng những tư tưởng lớn, tình cảm sâu nặng và nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu về công tác tổ chức cán bộ cho đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị"*. Chiếc hộp đen trong lá thư của Nguyễn Đức Tâm - nguyên ủy viên bộ chính trị, nguyên trưởng ban tổ chức trung ương Đảng gửi cho đại hội Đảng IX để xám hỏi, nói về tội của Lê Đức Thọ:

- Một là, Thọ và Duẩn đã dựng Lê Đức Anh từ một cai đồn điền, năm 1947 chưa vào Đảng, năm 1999 đã có 60 năm tuổi đảng, thường vụ bộ chính trị, là thái thượng hoàng số 1 đứng trên cả Đảng, nhà nước và pháp luật.

- Hai là, Thọ và Duẩn dựng Lê Đức Anh lên Đại tướng bỏ qua một cấp tướng rồi làm Chủ tịch nước cất nhắc một loạt tướng lĩnh như Đoàn Khuê, Phạm Văn Trà. ... biến Quân đội Nhân dân Việt Nam trở thành công cụ bảo vệ Đảng đi ngược lại bản chất của bộ đội cụ Hồ là *"trung với nước, hiếu với dân"*.

- Ba là, dựng Lê Khả Phiêu lên tổng bí thư để dễ bề sai bảo. Năm 1999 ký hiệp định biên giới nhượng đất đai và lãnh thổ cho Trung Quốc. Khi Phiêu có ý làm trái "chống tham nhũng" Lê Đức Anh đã công khai cấu kết với Đỗ Mười đánh đổ Lê Khả Phiêu dựng Nông Đức Mạnh lên để dễ bề áp đặt đường lối phản dân hại nước.

"Hãy nhớ lời tôi !"

Đó là câu nói nổi tiếng của Nguyễn Văn Trỗi trước lúc bị hành hình giữa Sài Gòn.

"Nhôm thẳng quân thù mà bắn !"

Đó là câu nói nổi tiếng của Nguyễn Viết Xuân ngẩng cao đầu mà bắn đánh trả không lực Hoa Kỳ leo thang ra miền Bắc.

Ngày 1-12-2001. Tôi đến nhà Nguyễn Quốc Thuộc, đại biểu quốc hội khóa X của tỉnh Nghệ An là phó chủ tịch kiêm tổng thư ký Hội CCB Trung ương

ở K80b Cống Vị - Điện thoại: 8347754. Với phẩm cách là người lính già bộ đội Cụ Hồ, đưa ông hai bản kiến nghị (một bản gửi ông, một bản nhờ ông chuyển tới kỳ họp thứ 10, quốc hội thứ X có chữ ký của 20 cử tri Nam, Bắc *"Không được thông qua Hiệp định Biên giới"*. Nhưng nào ngờ chính vị đại biểu Nguyễn Quốc Thuộc đã nói: *"Quốc hội đã thông qua từ lâu rồi"*. Không nén nổi tức giận tôi đã to tiếng: *"Thế ông là bù nhìn à ?"* Như để thanh minh, vị trung tướng Quốc Thuộc nói: *"Tôi chỉ là một trong 450 đại biểu !"*

Để đánh bóng cho 16 chữ vàng *"láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai"* nhóm dễ bề nhượng cho Trung Quốc 730km² Biên giới trong đó có khu di tích thắng cảnh nổi tiếng là Bản Dốc. Và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ở Biển Đông là lãnh hải thiêng liêng của tổ quốc Việt Nam và còn Vịnh Bắc Bộ mà các lãnh tụ cộng sản đã đồng ý chia cho họ 47% ta còn 53% đều là những khu vực giàu tài nguyên như: hải sản, khí đốt, dầu mỏ ? Ta còn lại 53%.

Trong lịch sử hàng ngàn năm, kể cả thời Bắc thuộc, các triều đại phong kiến nước ta lúc thịnh, lúc suy, chưa bao giờ nhượng cho phong kiến phương Bắc một tấc đất, một hòn đảo, có chăng để giữ hoà hảo, ta chỉ cống nạp cho họ ngựa voi, châu báu là cùng.

Hãy nhớ lời ông cha !

Vua Lê Thánh Tông từng truyền lệnh kẻ nào làm mất một tấc đất là kẻ đó có tội với tổ tông.

Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn sư đoàn 308, quân tiên phong tại Đền Hùng, nơi địa linh nhân kiệt của tổ quốc trước khi vào tiếp quản thủ đô: *"Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"*. Đó cũng là lời hịch thiêng liêng của tổ tiên ta: *"Nên hòa hay nên chiến ?"* *"Quyết chiến !"*

Tổng bí thư Nông Đức Mạnh sang Trung Quốc là thủ lĩnh thứ 7 kế tục các vị "Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Lê Đức Anh, Trần Đức Lương, Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải" là điều sỉ nhục với tổ quốc ta ở thời đại cộng sản của hai thế kỷ XX - XXI này ! Ngay khi đặt chân tới Bắc Kinh, 30-11-2001, tổng bí thư đã trả lời 5 câu hỏi của báo chí Trung Quốc rất hùng biện.

Trả lời câu hỏi 1 : tổng bí thư đã chất phác nói về năm sinh (1940), dân tộc Tày, quê tỉnh Bắc Cạn - một tỉnh miền núi phía Bắc. Trong bài 9 của mình, *Chào mừng thời kỳ đổi mới tổng bí thư Nông Đức Mạnh*, nhan đề : "*Họ đàn áp để thắng nhân nghĩa của cụ Hồ*" có đoạn, "*trong lịch sử hơn 70 năm của đảng ta, sau Hoàng Văn Thụ, tổng bí thư Nông Đức Mạnh là thủ lĩnh thứ hai người dân tộc Tày. Khác với Hoàng Văn Thụ được rèn luyện trong bảo tấp cách mạng, tổng bí thư được đào tạo từ trong cơ chế quan liêu, bao cấp, đặc quyền, đặc lợi mà lên*".

Có thể nói cái cơ chế đã nặn tổng bí thư tròn trịa như hòn bi, với 100% số phiếu bầu. Cho nên các cơ quan truyền của cả hai phía đã đánh bóng mạ vàng 16 chữ : "*Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*" là để hợp pháp hoá việc nhượng một phần biên giới và lãnh hải của ta cho họ: mà quốc hội khoá X đang tâm bí mật thông qua nhằm phân bố tội tổ quốc ?

Hai con đường, hai chiến lược!

- Học tập nước Nga của Putin hay theo Trung Quốc của Giang Trạch Dân ?

- Nhưng thế yếu lấy gì lo chiến chinh - hy sinh. Đó mới đích thực là bài học còn giữ nguyên giá trị cho muôn đời con cháu mai sau.

- Hãy học tập Putin thành tâm cảm ơn mẹ thép đã tôi thế đấy của cụ Hồ !

- Phải kiên quyết sửa sai, đừng núp dưới danh nghĩa chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng Cộng sản và tư tưởng Hồ Chí Minh để duy trì bộ máy cường quyền, lấy đàn áp người lương thiện là có tội với muôn đời sau. Nhất là bao vây thông tin bằng thủ đoạn cắt điện thoại kiểm soát hèn hạ vì an ninh quốc gia.

- Phải giữ vững toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải của tổ quốc (một tấc không nhượng, một ly không rời).

- Phải hạ bệ thần tượng Lê Duẩn - Lê Đức Thọ. Vì tội cực kỳ phản động định hãm hại cả Bác Hồ

Phải thực tâm nêu cao ngọn cờ "*Sống chiến đấu lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại*" và nghiêm chỉnh nói và làm theo di chúc của Bác

- Các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nông Đức Mạnh

muốn tránh tội "thất trăm số" của người xưa phải công khai xin lỗi nhân dân. Đặc biệt là tại kỳ họp thứ 10 quốc hội khoá X này phải phủ quyết bản Hiệp định Biên giới và Lãnh hải ký năm 1999 với Trung Quốc mới rửa được cái nhục với tổ tông từ ngàn năm để lại.

Tuy có thâm niên cách mạng từ tháng 3-1945, bảo vệ Bắc, tháng 11-1946, ba lần vào quyết tử chống Pháp trong kháng chiến toàn quốc ở thủ đô, đánh Mỹ ở nơi trọng điểm bị đánh phá tháng 12-1972 tại phố Khâm Thiên đêm 26 và năm 1979 đánh quân bành trướng phương Bắc nhưng so với anh cuộc đời tôi còn quá nhỏ bé với sự hy sinh ấy.

Tôi quyết xả thân để bảo vệ chân lý thiêng liêng của Bác "*Không có gì quý hơn độc lập tự do*" cho dù có phải chết !

Chúc tinh thần Việt Nam mãi mãi là dân cụ Hồ !

Chúc kỳ họp thứ 10 quốc hội khoá X xứng đáng là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân Việt Nam anh hùng.

Trần Dũng Tiến

12/95, Phố Cự Lộc, Thành Xuân,

Hà Nội

ĐT : 8 586321

(tiếp theo trang 9)

Cầm ... họ sẽ phải mở mồm trả lời về phần trách nhiệm của họ.

Sẽ không phải là có quá nhiều tướng tượng để đoán trước rằng rồi sẽ có những phiên tòa của đất nước đã đổi mới thật sự, để xét xử những tội phạm đã nhượng đất, bán đất cho nước láng giềng, chà đạp lên hiến pháp và luật pháp hiện hành, những tội luôn được coi là nghiêm trọng nhất, mang tính chất phản quốc rõ rệt.

Vụ án hiệp định Việt-Trung đã bắt đầu trong dư luận, đang lan rộng, không có cách nào bưng bít và dập tắt được. Trước mắt, mong rằng mỗi người Việt Nam ở trong nước hay ở ngoài nước, đặc biệt là bà con ta ở hải ngoại sắp về thăm quê hương vào dịp Tết Nhâm Ngọ, các bạn bè của Việt Nam ở khắp nơi, có dịp hãy chất vấn nhà cầm quyền độc đảng về sự kiện hệ trọng này, buộc họ phải mở mồm. Họ im thì đã có 1500 cột mốc biết nói, đã có bà con các xã, huyện, tỉnh biên giới, cán bộ cơ sở ngành hành chính, ruộng đất, đo đạc, lâm nghiệp, địa chỉ bản đồ, giao thông,

Vấn tội

Nam Quan từ cỏ vô tranh chấp
Hoa Việt biên thù lưỡng quốc minh
Cộng Việt cầu vinh kim hiến địa
Tội danh mãi quốc thế nhân khinh.

Diễn nghĩa : cửa ải Nam Quan từ xưa vốn không có tranh chấp. Trung Hoa và Việt Nam đã thệ ước rõ ràng biên thù giữa hai nước. Nay Lê Khả Phiêu vì cầu vinh hoa cho riêng mình với ý đồ cố bám lấy chức vụ tổng bí thư Đảng Cộng sản, không kể gì đến quyền lợi quốc gia dân tộc, đã đem hiến đất đai cho Tàu Cộng lấn chiếm mốc biên giới vào sâu trong nội địa nước nhà. Tội danh bán nước này mọi người đều khinh ghét, phải đem xử.

Hỏi tội

Từ xưa ải Nam Quan vẫn có
Ta với Tàu lấy đó chia ranh
Đôi bên chẳng lấn chẳng tranh
Biên thù Hoa Việt rành rành không sai

Nay Việt Cộng trở tài khuyển mã
Dâng đất đai vì bà bạc tiền
Cầu vinh bán nước tham quyền
Tội đồ dân tộc đáng nên xử hình
Mọi người ai nấy đều khinh.

Cao Tiêu
Orange City

vận tải, đường bộ và đường biển ... biết nói. Thúng không ụp nổi voi. Mọi người Việt Nam hãy theo dõi vụ án này cho đến khi kết thúc. Nó có thể là vụ án chính trị dẫn đến sự cáo chung của một chế độ chính trị độc đoán, cố hủ, chồng chất quá nhiều ảo tưởng, lầm lẫn và tội lỗi.

Bùi Tín
Paris, đầu năm 2002

Thông Luận
hoan nghênh mọi ý
kiến và đóng góp tại
chánh của quý độc giả

Sinh hoạt của Liên hiệp châu Âu trong năm 2001 được giới quan sát thời cuộc đánh giá là ảm đạm. Không có biến cố đặc biệt quan trọng nào xảy ra, tất cả chỉ là sự tiếp nối của những gì đã được hoạch định từ trước, nghĩa là tiếp tục mở rộng không gian sinh tồn và thống nhất các hoạt động ở cấp thượng tầng. Những chuẩn bị cho sự lưu hành của đồng tiền thống nhất, đồng euro, trong 12 quốc gia đầu tiên của Liên hiệp đã diễn ra một cách tốt đẹp và đang trở thành hiện thực. Tuy vậy không thể nói là tham vọng của Liên hiệp đã đi đôi với việc làm. Tại sao ?

Trước khi năm mở đầu thế kỷ mới bắt đầu, một hội nghị thượng đỉnh quy tụ các lãnh tụ của 15 quốc gia trong Liên hiệp châu Âu, tổ chức tại Nice (một thành phố ở vùng Đông-Nam nước Pháp) ngày 11-12-2000, đã kết thúc với những bất đồng. Mục đích của hội nghị này là để thông qua những định hướng cải tổ chính các định chế nền tảng của Liên Hiệp bắt đầu từ năm 2001. Bất đồng thứ nhất là cách qui định số thành viên trong các ủy ban (*commission*), quốc hội (*Parlement*), tòa án, Ngân hàng Trung ương châu Âu và hội đồng bộ trưởng, để phù hợp với nhu cầu mở rộng không gian Liên hiệp sang 12 quốc gia châu Âu khác, bắt đầu từ năm 2004 đến năm 2006. Bất đồng thứ hai là cách biểu quyết theo nguyên tắc đa số hợp lệ (*majorité qualifiée*), nghĩa là một quyết định phải được biểu quyết với đầy đủ tức số thành viên qui định mới có hiệu lực thi hành, mà nhiều đại biểu cho rằng không bao giờ đạt được và sẽ dẫn đến bế tắc. Lý do là vì quốc gia nào cũng muốn duy trì quyền phủ quyết của mình để tự bảo vệ, quyền này là một cản trở cho cách biểu quyết đa số hợp lệ. Tham vọng cải cách các định chế ở cấp thượng tầng chính vì thế đã bị khựng lại, nếu không muốn nói là bế tắc. Cuối cùng hội nghị thượng đỉnh chỉ để ra một con chuột, đó là thỏa thuận mở rộng không gian Liên hiệp cho những quốc gia châu Âu khác, mọi bàn thảo về nguyên tắc đa

số hợp lệ được hoãn lại cho đến năm 2005, những qui định về số thành viên trong các định chế nền tảng sẽ được mang ra bàn cãi dần dần, từ năm 2001 đến năm 2004.

Sáu tháng sau, ngày 8-6-2001, sau một cuộc trưng cầu dân ý sôi nổi dân chúng Ai Nhi Lan bác bỏ thỏa thuận mở rộng không gian Liên hiệp sang các quốc gia khác, thái độ này là một gáo nước lạnh tạt vào các định chế lãnh đạo Liên hiệp. Thời gian sau đó, những ý kiến khác biệt về thể chế chính trị tương lai của Liên hiệp giữa quốc trưởng hai quốc gia cột trụ, thủ tướng Đức Gerhard Schoeder về một "*liên bang châu Âu*" và tổng thống Pháp Jacques Chirac về một "*liên bang các nhà nước - quốc gia*", càng gây hoang mang trong hàng ngũ các quốc gia thành viên về tương lai chính trị của Liên hiệp. Từ tháng 3-2001 trở đi, sự phá sản của thị trường chứng khoán kỹ thuật cao cấp và suy thoái kinh tế thế giới bắt đầu xâm nhập vào châu Âu, mọi bàn cãi về qui chế thượng tầng đều bị đình hoãn, các cấp lãnh đạo Liên hiệp dồn mọi cố gắng vào việc giải quyết ba vấn đề nổi cộm ảnh hưởng đến sự phát triển của Liên hiệp, đó là sự suy thoái kinh tế, nạn thất nghiệp gia tăng và sự mất thăng bằng về ngân sách.

Trong năm 2001 tất cả mọi chỉ số phát triển đã được hoạch định đều hạ giảm xuống. Chỉ số phát triển kinh tế của Liên hiệp dự trù cho năm 2001 là 2,8% đã phải hạ xuống còn 1,6% (năm 2000 là 3,4%) ; sự sút giảm này ảnh hưởng đến chỉ số phát triển kinh tế dự trù cho năm 2002 là 2,9% phải giảm xuống còn 1,3%. Lý do là sự suy thoái của nền kinh tế Đức, quốc gia giàu mạnh nhất trong khu vực Euro, chỉ số phát triển dự trù cho năm 2001 là 2,2% và năm 2002 là 2,6% đã phải hạ xuống còn 0,7%. Nguồn thu nhập ngoại tệ chính của các quốc gia trong Liên hiệp là ngoại thương đã giảm sút nặng, từ 2,7% năm 2000 xuống còn 1,4% năm 2001, khiến tổng sản lượng gộp của các quốc

gia trong Liên hiệp cũng giảm theo. Tổng sản lượng quốc gia gộp bị giảm thì ngân sách cũng giảm theo, những chi tiêu dự trù cho các công tác nâng cao mức sống hay bảo vệ môi sinh đều bị cắt giảm gây bất mãn trong dân chúng. Cùng nên biết ngân sách của Liên hiệp bằng 1,27% tổng sản lượng gộp của 15 quốc gia hội viên.

Trước đã suy thoái này, giới đầu tư quốc tế cũng hạn chế khả năng đầu tư, tỷ lệ đầu tư từ 9% năm 2000 xuống còn 6% năm 2001. Số tiền thay vì dùng để đầu tư được dùng để đầu cơ đồng dollar Mỹ khiến trị giá đồng euro giảm sút nặng. Tỷ giá đồng euro so với đồng dollar Mỹ lúc khởi đầu được ấn định là 1,2 lúc khởi đầu đã giảm xuống còn 0,85 dollar, mất đi hơn 25% trị giá. Sự giảm sút này ảnh hưởng đến giá cả trên thị trường vì hàng nhập cảng được tính bằng dollar Mỹ, nguy cơ lạm phát đang có mồi trở dậy. Chỉ số lạm phát dự trù cho năm 2001 là 2% trong thực tế đã ở mức 3% (mức lạm phát hiện nay tại Đức là 3,5%, tại Pháp là 2,5%), khiến mọi kế hoạch đều sai.

Đó là những khó khăn về mặt kinh tế, về quốc phòng và ngoại giao tình hình cũng không sáng sủa hơn. Hiện nay Liên hiệp châu Âu có ba lực lượng quân sự riêng biệt : Eurocorps (gồm có Đức, Bỉ, Tây Ban Nha và Lục Xâm Bảo), Eurofor và Euromar (gồm có Tây Ban Nha, Ý và Bồ Đào Nha), tất cả đều đặt dưới quyền điều động của Cơ quan Âu châu Thống nhất (UEO) thuộc khối NATO. Anh và Pháp là hai cường quốc nguyên tử cùng có chân trong khối NATO nhưng không trực thuộc một lực lượng quân sự nào của châu Âu. Chính vì không có một chính sách phòng thủ chung, Liên hiệp châu Âu thường bị lúng túng trước những đòi hỏi của tình thế mới, cuối cùng các quốc gia chỉ có thể hợp tác quân sự với nhau dưới sự điều động của khối NATO. Những cuộc hội thảo để tìm ra một đồng thuận chung về ngoại giao và quốc phòng trong suốt năm qua đã không mang lại kết quả nào, mỗi quốc gia tiếp tục hành xử theo

quyền lợi riêng của mình. Nói một cách giản dị, các quốc gia trong Liên hiệp châu Âu chỉ hợp tác với nhau khi quyền lợi của quốc gia mình không bị đe dọa.

Ở cấp hạ tầng, người ta muốn có những cải tổ cụ thể hơn liên quan đến cuộc sống hàng ngày của họ. Dân chúng trách cứ Liên hiệp châu Âu đã bất lực trước các vấn đề của họ như nạn bò điên, trừa ghê lở, nạn thất nghiệp gia tăng và mức sống suy giảm. Một số khác trách Liên hiệp chỉ chạy theo đuổi Hoa Kỳ, qua trung gian Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO), để áp đặt những luật chơi mới. Nhiều người còn muốn Liên hiệp châu Âu là đối trọng, thay vì là đối tác, về kinh tế lẫn quân sự với Hoa Kỳ nhằm hạn chế vai trò số một của Hoa Kỳ trước các vấn đề về bảo vệ môi sinh và tôn trọng nhân phẩm con người trong một thế giới ngày càng bị thu hẹp lại. Những bất mãn này thể hiện qua các cuộc xuống đường rầm rộ chống vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ và G7 trên thế giới, chống lại xu hướng toàn cầu hóa và chống luôn những công ty đa quốc gia mà lợi nhuận là kim chỉ nam hành động, bất kể sức khỏe và nhân phẩm con người.

Trước viễn ảnh đen tối của sự suy thoái kinh tế, quần chúng châu Âu có lý do để hoài nghi tương lai của Liên hiệp. Dân số hiện nay của Liên hiệp châu Âu là 370 triệu người, trong đó có gần 20 triệu người thất nghiệp và hơn 50 triệu người sống dưới mức nghèo khổ (13,5% dân số). Nạn thất nghiệp trong Liên hiệp dự trù cho năm 2001 là 8,3% trong thực tế đã tăng lên 8,6% dân số hoạt động. Đời sống càng khó khăn, mãi lực của dân chúng trong Liên hiệp giảm từ 2,9% năm 2000 xuống còn 1,6% trong năm 2001. Những con số bi quan này không thể chấp nhận được trong một tập thể các quốc gia giàu có và Liên hiệp châu Âu không thể đưa một giải pháp màu nhiệm nào để thoát ra ngay tức thì.

Vấn đề của quần chúng trong Liên hiệp châu Âu là, do thiếu thông tin, không ai nắm vững và hiểu rõ vai trò và cách làm việc của các cơ quan lãnh đạo Liên hiệp. Đối với các thành phần nông dân và công nhân, các định chế lãnh đạo Liên hiệp, nhất là các ủy ban chuyên môn tại Bruxelles, chỉ là những cơ quan phá vỡ nếp sống cổ truyền của họ để áp

đặt những phong cách sinh hoạt mới cho phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa về kinh tế. Tham vọng của những người lãnh đạo Liên hiệp thì nhiều nhưng khả năng thực hiện thì có giới hạn nên một số vấn đề vẫn còn ở giai đoạn lý thuyết chưa thể áp dụng vào thực tại.

Với những kết quả không lấy gì làm lạc quan của năm 2001, Liên hiệp châu Âu tiến vào năm 2002 với những bước đi khập khiễng. Không ai tiên đoán được những hậu quả tốt xấu của việc hủy bỏ các đồng tiền quốc gia để sử dụng đồng tiền euro thống nhất. Cùng không ai có thể tiên đoán đà suy thoái kinh tế thế giới sẽ giảm để mọi người lạc quan về tương lai. Liên hiệp châu Âu chắc chắn sẽ còn gặp nhiều khó khăn nhưng không vì thế mà đình hoãn những dự án mở rộng và thống nhất không gian sinh tồn giữa những quốc gia cùng chia sẻ lý tưởng tự do và dân chủ. Đặc điểm của các chế độ dân chủ là cho dù có gặp khó khăn, những con người tự do luôn có sáng kiến và ý kiến để vượt lên nỗi khó.

Nguyễn Văn Huy

Thành công Thế kỷ XXI Dự án Chính trị của Tập hợp Dân chủ Đa nguyên

- * Một tổng hợp đầu đủ về những vấn đề chính yếu của đất nước
- * Những giải đáp được suy nghĩ và thảo luận thấu đáo
- * Một công trình của hàng trăm thân hữu và chí hữu
- * Một dự án lâu dài cho Việt Nam

"Làm người Việt Nam trong thế kỷ XX đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ XXI sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện".

Tài liệu dày 143 trang, bìa màu.
Giá bán tại Châu Âu : 8 Euro, Mỹ : 7 USD, Úc : 13AUD. Chi phiếu xin đề : Vietnam Fraternité và gửi về Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges, France.

(tiếp theo trang 5)

Đoàn Nhân Đạo, lão thành cách mạng, đứng đầu nhóm 11 Cụ Huyết Tâm Thư.
ĐC : 48 Hàng Buồm, Hà Nội.

ĐT : 8 282 426

Nguyễn Thanh Giang, tiến sĩ địa vật lý
ĐC: Nhà A 13, phòng 9, Tập thể Phòng Không, Hoà Mục, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội.

Vũ Khắc Kính, 73 tuổi, vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1947, thiếu tá, thương binh, CCB.

ĐC: 41 C - Ngõ 120, Đường Hoàng Hoa Thám - Hà Nội.

Hồng Long, 85 tuổi, nguyên phó chủ tịch tỉnh, đảng viên từ năm 1946.

ĐC: Số 2, Ngách 43 Đường Chùa Bộc - Hà Nội.

ĐT: 5 473698

Trần Đại Sơn, 54 tuổi đảng, quyết tử quân chiến sĩ Đội Tự vệ Chiến đấu Cứu Quốc Hoàng Diệu, 1945 ; nguyên trưởng ban trình sát đặc công sư đoàn 308B.

ĐC: 51 Hàng Bài - Hà Nội;

ĐT: 8 236 700

Chu Thành, nhà thơ, bút danh Tú Sốt.
ĐC: 67 Ngõ Sông Tô Lịch - Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân - Hà Nội. ĐT: 8 535 911

Nguyễn Thu, 75 tuổi, nguyên ủy viên trọng tài kinh tế nhà nước trung ương, nguyên vụ phó vụ sản xuất LHX công nghiệp - thương nghiệp trung ương.

ĐC: 14 Ngõ Thời Nhậm - Hà Nội; ĐT: 9 43 07 18

Hoàng Tiến, nhà văn.

ĐC: nhà A11, phòng 420, Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Trần Dũng Tiến, quyết tử quân tiểu đoàn 523 Hà Nội, công nhân, cựu chiến binh. ĐC: 12/95, phố Cự Lộc, Thanh Xuân - Hà Nội.

Tim lại "Thông Luận" và nhiều tiết mục khác trên mạng lưới web :
<http://www.thongluan.org>

**Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp
và ủng hộ tài chính
của quý độc giả**

Năm 2002 : viễn ảnh chưa sáng sủa

Thanh Vân

Năm đầu tiên của thiên niên kỷ thứ ba và thế kỷ XXI vừa chấm dứt. Năm 2001 được đánh giá là năm có nhiều biến động, nhất là đối với Hoa Kỳ

Ngày 11-9 là ngày đen tối của lịch sử Hoa Kỳ. Lần đầu tiên, lãnh thổ của cường quốc số một này đã phải hứng chịu một cuộc tấn công khủng bố với mức độ quan trọng chưa từng thấy, vượt ra ngoài trí tưởng tượng của mọi người. Cả thế giới đã bàng hoàng sững sốt trước sức tàn phá khủng khiếp về vật chất cũng như nhân mạng của nó. Thủ đô chính trị Washington với một phần lầu Năm góc của bộ quốc phòng bị phá hủy làm thiệt mạng hơn 200 người. Thủ đô tài chính của thế giới tại New York với hai tòa nhà cao tầng, World Trade Center, mà dân chúng thành phố này thường gọi là "hai tháp sinh đôi", đã bốc cháy rồi sụp đổ trong vòng một tiếng đồng hồ, chôn vùi hơn 3 000 mạng người trong đống gạch vụn và sắt thép. Ba tháng sau khói và bụi pha lẫn chất amiante cùng mùi hăng hắc của hàng chục ngàn máy điện tử bị tiêu hủy vẫn tỏa ra ngột thở. Như hình ảnh của ngày tận thế, Manhattan trước kia sầm uất và nhộn nhịp, bây giờ trở thành xác xơ, hoang tàn như một bãi chiến trường chôn tập thể hơn 3 000 nhân tài thuộc đủ mọi quốc tịch.

Trước ngày 11-9, dân chúng Hoa Kỳ vẫn nghĩ rằng họ đang sống trên một mảnh đất an toàn nhất, ngày nay trở nên hoang mang, sợ thất thần, không biết việc gì sẽ xảy đến trên lãnh thổ của họ. Quân khủng bố đã sáng tạo một loại chiến tranh mới, mà thế giới kết án là hèn hạ và tàn nhẫn nhưng hiệu quả đã đạt đến mức thượng thừa. Đó là loại chiến tranh "khủng bố cảm tử bằng cách cướp máy bay dân sự có hành khách để đâm vào những nơi mà họ muốn tiêu diệt". Từ sau ngày thảm khốc đó, người ta biết rằng với loại vũ khí khủng khiếp này không có một kiến trúc nào, dù kiên cố tới đâu, kể cả các lò nguyên tử hạt nhân, cũng không thể chống đỡ được.

Cả thế giới đã đồng loạt đứng về

phía Hoa Kỳ cùng tuyên chiến chống khủng bố. Ngay cả Nga, kẻ thù không đội trời chung của Mỹ trước đây, trong những giờ phút đầu tiên của cuộc khủng bố đã mau mắn đứng về phía Hoa Kỳ. Khi tổng thống Mỹ đang còn ở trong chiếc phi cơ riêng Air Force One bay lượn trên không phận Hoa Kỳ, tổng thống Vladimir Putin là vị quốc trưởng đầu tiên đã gọi điện thoại cho George W. Bush chia sẻ nỗi đau và ủng hộ Hoa Kỳ trong cuộc chiến bài trừ khủng bố.

Sau ngày tang tóc đó, chính phủ Hoa Kỳ tập trung nỗ lực vào việc trả thù quân khủng bố mà những kẻ chủ chốt được chỉ tên là Osama bin Laden và chế độ Taliban tại Afghanistan, nơi dung dưỡng bin Laden và các trại huấn luyện quân khủng bố Al Qaeda.

Bin Laden là ai mà căm thù Hoa Kỳ đến thế? Là một kỹ sư xuất thân từ một gia đình tỉ phú tại Saudi Arabia, bin Laden thành lập tổ chức Al Qaeda để ủng hộ phe kháng chiến chống Liên Xô tại Afghanistan trong những năm 1980. Sau khi Liên Xô rút quân ra khỏi Afghanistan năm 1989, Bin Laden chuyển sang chống Hoa Kỳ, mặc dù trước đó đã được cơ quan tình báo CIA tận tình giúp đỡ. Sự chống đối trở nên hung hăng từ 1991 trở đi, bin Laden và những người Hồi giáo cực đoan kêu gọi thánh chiến chống Hoa Kỳ vì đã đóng quân trên vùng đất thánh, nước Saudi Arabia quê hương của nhà tiên tri Mohammed, trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh. Đó là một xúc phạm khó tha thứ đối với người Hồi giáo.

Trước khi mở chiến dịch tấn công Afghanistan, tổng thống Bush tuyên bố: "Chống quân khủng bố là một cuộc chiến dài hơi và đa dạng. Hoa Kỳ sẽ tìm bắt cho bằng được Bin Laden dù sống hay chết". Ngày 5-10, phi cơ Mỹ bắt đầu oanh tạc những vị trí chiến lược và chiến thuật của quân Taliban và Al Qaeda tại Afghanistan. Sau hơn bốn tuần lễ oanh kích, hơn 3.000 trái bom đã dội xuống các vị trí quân sự của phe Taliban, nhưng kết quả đã không mấy

khả quan. Một số dư luận cho rằng Hoa Kỳ sắp sa lầy và gặp bế tắc vì chỉ gây thảm họa cho thường dân (nhiều cơ sở dân sự đã bị dội bom làm và hơn nửa triệu thường dân Afghanistan đã di tản sang Pakistan tị nạn) trong khi lực lượng Taliban và Al Qaeda vẫn còn chống trả một cách mãnh liệt. Không những thế, đài truyền hình Al Jazeera của Qatar còn trình chiếu buổi nói chuyện của bin Laden trong một hang động nào đó, kêu gọi thánh chiến, mặc dù đầu của bin Laden đã được Hoa Kỳ treo giá 25 triệu USD.

Sau thời gian đó, Hoa Kỳ đã thay đổi chiến thuật bằng cách đưa quân biệt kích vào xung trận và yểm trợ tích cực hơn lực lượng chống Taliban, Liên minh phương Bắc, và dùng phi cơ chiến lược B52 rải thảm bom xuống các vị trí phòng thủ của quân địch. Thành công đã vượt ngoài mọi ước đoán, ngày 9-11 thành phố Mazar-e-Sharif phía bắc thất thủ, ngày 13-11 thủ đô Kabul bỏ trống và ngày 6-12 Kandahar, thành trì cuối cùng của phe Taliban đầu hàng, chấm dứt chế độ Hồi giáo cực đoan Taliban tại Afghanistan. Dân chúng Afghanistan đã ra đường mừng rỡ đón quân giải phóng tiến vào các thành phố lớn, tự do và nhân phẩm con người được phục hồi. Sau khi đánh bại chính quyền Taliban, Hoa Kỳ đã hỗ trợ chính quyền chuyển tiếp tại Kabul quản trị lại xứ sở.

Cùng phải nhìn nhận chiến thắng này của Hoa Kỳ do sự kiên trì và khéo léo của chính phủ Bush và các đồng minh. Tất cả đã dành thì giờ cần thiết để nghiên cứu, vận động ngoại giao trước khi phản công. Về ngoại giao, nhiều vị thủ lãnh của các quốc gia đồng minh đã đi vận động ngoại giao trong thế giới Hồi giáo để được ủng hộ, Đức đã đứng ra tổ chức một hội nghị thành lập chính quyền chuyển tiếp tại Afghanistan.

Dư luận thế giới chưa quên những vụ đập phá di sản của nhân loại của quân Taliban tại Afghanistan như vụ gài mìn và bắn phá các tượng Phật khổng lồ, cao 55 m và 38 m, do các tu sĩ Phật giáo xây dựng trên các sườn núi cách đây 1 500 năm và đã thờ phào nhẹ nhõm và khen ngợi Hoa Kỳ chiến thắng quân Taliban và Al Qaeda một cách nhanh chóng.

Đối với Hoa Kỳ, chiến thắng này đã

không trọn vẹn vì hai nhân vật chủ chốt là mollah Omar và bin Laden vẫn biệt tăm vô tín và hệ thống khủng bố của al Qaeda trên toàn thế giới chưa hoàn toàn bị tháo gỡ. Cuộc chiến chống quân khủng bố của Hoa Kỳ chính vì thế vẫn tiếp tục. Hệ thống đường hầm tại vùng núi Tora Bora, nơi tàn quân Al Qaeda và Bin Laden lẩn trốn, vẫn còn đang bị lục soát gắt gao. Nhiều quốc gia và tổ chức tài chính đã từng chứa chấp hay ủng hộ quân khủng bố Al Qaeda đã bị Hoa Kỳ điểm mặt. Somalia và Iraq là những quốc gia đó.

Đối với quần chúng Mỹ, ngày 11-9 còn gọi là "Nine One One", là một chấn động tâm lý mạnh mẽ, họ không còn lạc quan và tự tin như trước. Thái độ và cách nhìn thế giới bên ngoài của quần chúng Mỹ cũng đã thay đổi. Họ lo sợ và sống co cụm lại. Để tự trấn an, lòng yêu nước và đoàn kết dân tộc đã được bộc lộ một cách phô trương, đâu đâu cũng thấy treo cờ hoa, từ trong nhà ra đến ngoài cửa, kể cả trên cây Giáng Sinh. Bộ an ninh quốc gia được thành lập, mọi ra vào nước Mỹ đều bị kiểm soát gắt gao.

Về kinh tế, hậu quả của ngày "nine one one" đã rất tai hại. Từ tháng 3-2001, sau mười năm tăng trưởng liên tục, nền kinh tế Hoa Kỳ đã có những dấu hiệu suy thoái nhưng giới chuyên gia tiên đoán là sang năm 2002 tình hình sẽ khá hơn, biểu đồ tăng trưởng sẽ là "chữ V". Nhưng sau ngày "nine one one", những tiên đoán lạc quan nhường chỗ cho sự bi quan, nền kinh tế nước Mỹ sẽ là "chữ L", nghĩa là không tăng trưởng nữa.

Mở đầu cho sự suy thoái này là nhiều hãng hàng không đã bị phá sản vì thiếu hành khách. Chỉ riêng một hãng hàng không US Airways thôi đã cho nghỉ việc hơn 11 000 người nếu không được chính quyền giúp đỡ hãng này có thể sẽ tuyên bố khánh tận. Tình trạng này chưa từng xảy ra, kể cả khi cuộc chiến vùng Vịnh đang ở hồi gay go, các hãng hàng không Hoa Kỳ chỉ giảm 5% số chuyến bay thôi mà đã lỗ là trong 5 năm liền. Đó là chưa kể các hãng bảo hiểm, tình trạng còn bi đát hơn vì số tiền bồi thường cho các nạn nhân trong ba chuyến bay và World Trade Center vượt quá khả năng bồi thường, hơn 45 tỷ USD. Dịch vụ khách sạn, nhà hàng và du lịch cũng bị ảnh hưởng theo, số

khách giảm hơn 50% khiến nhiều công ty đã phải đóng cửa hay bị phá sản. Kỹ nghệ sản xuất xe hơi, niề m hành điện của Hoa Kỳ, cũng lâm vào vòng khốn đốn. Chỉ riêng hãng Ford, mức thâm thủng đã lên tới 1,44 tỷ USD trong khi năm 2000 đã lời 5,4 tỷ. Sau nạn mất giá của thị trường kỹ thuật tiên tiến Nasdaq tháng 3-2001, kỹ nghệ và dịch vụ tin học của Hoa Kỳ cũng giảm sút nặng sau ngày 11-9. Thung lũng Silicon, thánh địa của ngành tin học, trở nên vắng vẻ, hơn phân nửa nhân viên làm việc tại đây bị sa thải hàng loạt. Tỷ lệ thất nghiệp của Hoa Kỳ hiện nay là 5,4%, con số cao nhất từ trước đến nay; chỉ riêng thời gian từ sau ngày 11-9, số người thất nghiệp được ghi nhận là 1,8 triệu người.

Để cứu nguy tình thế, Ngân hàng Trung ương Liên bang đã lần lượt hạ lãi suất chỉ đạo xuống 11 lần trong năm 2001, chính phủ cũng đưa ra nhiều biện pháp giảm thuế để khuyến khích tiêu thụ nhưng không thành công. Nỗi lo sợ hiện nay là các công ty tư nhân và dân chúng Mỹ, bị giảm lợi tức, có thể không còn khả năng trả nợ khiến nhiều ngân hàng có thể bị vỡ nợ và ảnh hưởng dây chuyền đến sinh hoạt kinh tế thế giới. Đó là trường hợp của công ty mua bán năng lượng Enron, số nợ đã lên đến 15 tỷ USD và không còn khả năng hoàn trả.

Suy thoái kinh tế tại Hoa Kỳ không chỉ ảnh hưởng một mình Hoa Kỳ mà còn cả thế giới. Người ta thường ví von "Hoa Kỳ nhảy mũi, thế giới bị cảm lây" là vậy. Riêng tại Đông A và Đông Nam Á, sự suy thoái của nền kinh tế Hoa Kỳ ảnh hưởng thấy rõ đến những sinh hoạt kinh tế địa phương. Theo Ngân hàng Phát triển châu Á thì đà tăng trưởng của Singapore bị giảm xuống còn 3% thay vì 9,9% trong năm 2000. Đài Loan, Hồng Kông cũng cùng chung số phận. Đó là ba nền kinh tế hùng mạnh nhất Đông Nam Á. Những quốc gia khác như Mã Lai, Nam Dương, Thái Lan, Phi Luật Tân thì tình hình ảm đạm thấy rõ. Riêng Nam Dương thì đang trên đường phá sản, số nợ nước ngoài lên đến 140 tỷ USD, 38 triệu người thất nghiệp trên một dân số 210 triệu người. Nền kinh tế của Nhật Bản giống như chiếc tàu Titanic đang từ từ chìm vào đại dương, chưa bao giờ suy thoái kinh tế ảnh hưởng đến

nước Nhật nặng nề như vậy từ 30 năm qua. Tất cả mọi biện pháp cứu nguy đều vô hiệu, kể cả việc giảm lãi suất cơ bản xuống 0%.

Tại Châu Âu tình hình cũng không sáng sủa gì hơn. Nếu kinh tế Pháp còn gượng được ở mức 2%, sau khi đã tự giảm xuống một điểm so với chỉ tiêu đề ra hồi đầu năm, thì tăng trưởng kinh tế của Đức, quốc gia giàu mạnh nhất Châu Âu, ở dưới số âm. Đức đang trả giá cho sự lệ thuộc vào Hoa Kỳ, hơn phân nửa hàng hóa của Đức đều xuất cảng sang Hoa Kỳ.

Nhìn chung, chưa bao giờ tình hình kinh tế thế giới lại ảm đạm đến như vậy sau ngày 11-9-2001, kể cả những quốc gia vẫn còn "khép kín" như Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam. Như chưa đủ pha màu cho bức tranh đen tối đó, ngày 21-12-2001, cường quốc thứ 3 tại Châu Mỹ La Tinh năm 1991, nước Argentina tuyên bố khánh tận. Số nợ nước ngoài 132 tỷ USD không trả nổi mặc dầu có nhiều tài nguyên và đất đai giàu có.

Trước viễn ảnh kinh tế không sáng sủa, chiến tranh chống khủng bố khả năng kéo dài sang năm 2002, cuộc tranh chấp không giải pháp giữa Palestine và Israel càng đào sâu thêm hố ngăn cách giữa thế giới Tây Phương và Hồi giáo. Hòa bình sẽ còn là một ước mơ nếu hai dân tộc này vẫn chưa chấp nhận chia sẻ một mảnh đất chung.

Giới quan sát thời cuộc tiên đoán năm 2002 sẽ không tươi sáng hơn năm 2001, ít nhất cho tới 6 tháng đầu năm, sau đó sự phục hồi mới có thể lộ dạng. Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia (*The National Bureau of Economic Research*) đã tính toán rằng, từ sau thế chiến thứ hai, những cuộc suy thoái kinh tế ở Hoa Kỳ kéo dài trung bình 11 tháng (họ đã có những thống kê từ 1854 đến nay). Nếu đúng như vậy thì nền kinh tế Hoa Kỳ sẽ phục hồi vào lục cá nguyệt thứ hai, với điều kiện là không có những biến động nào đáng kể trong năm 2002. Hoa Kỳ là đầu tàu kinh tế thế giới, nếu Hoa Kỳ phục hồi thì cả thế giới sẽ phục hồi theo.

Trong khi chờ đợi những ngày tươi sáng hơn hiện nay, chúng ta chúc an lành và thịnh vượng chung cho cả thế giới trong dịp đầu năm 2002.

Thanh Vân

Một đoạn đường dài

Võ Thanh Liêm

Trái đất có số tuổi là bốn tỉ năm. Các ước đoán ngày nay đều cho rằng sự sống, ở thể đơn giản nhất xuất hiện khoảng 400 triệu năm sau khi địa cầu thành hình, có nghĩa là rất sớm. Dấu tích của các giống vi sinh đầu tiên xuất hiện khoảng 700 triệu năm sau ngày địa cầu thành hình. Con người sơ khai chỉ mới xuất hiện cách đây năm triệu năm. Chúng ta có thể cho rằng sự xuất hiện của sự sống là một phép lạ hi hữu và hiếm hoi. Chúng ta có thể sùng bái giây phút thiêng liêng của sự kết hợp đầu tiên của nhiễm thể RNA (*ribonucleic acid*) rồi DNA (*deoxynucleic acid*) ở dạng sơ khai. Điều đó hợp lý. Tuy nhiên khoa học đã chứng minh rằng ở môi trường sơ khai của trái đất lúc ban đầu, sự sống xuất hiện không gặp trở ngại nào và đã xuất hiện khắp nơi và rất nhiều, không phải hiếm hoi. Năm 1953 Stanley Miller tái tạo hoàn cảnh địa cầu lúc khởi thủy trong ống nghiệm bao gồm *methane*, *ammonia*, *hydrogen*, *carbon dioxide* và nước. Sau khi cho nhiều luồng điện kích thích qua mấy hợp chất này, một phép lạ hiện ra trước mắt ông : vài hợp chất hữu cơ căn bản như *purine*, *pyrimidine* và *amino acid*, những đơn vị căn bản của *protein* và từ đó sự sống được tìm thấy dưới đáy ống nghiệm. Sự sống ở thể vi trùng (*prokaryotes*) đã chế ngự địa cầu trong suốt ba tỉ năm. Một thời gian rất dài. Những gì xảy ra sau đó mới thật sự là một chuyện lạ và hiếm hoi vì phải cần đến ba tỉ năm mới thành tựu, so với thời gian ngắn hơn cho sự sống xuất hiện thuở ban đầu. Đó là giai đoạn mà những tế bào nhỏ đơn độc sống trong nôi "xúp sinh học" bỗng ngưng kết bè lập đảng để biến thành một động vật phức tạp hơn, có cấu trúc cao hơn (*eukaryote*). Phải mất ba tỉ năm mới đến được giai đoạn này, tại sao lâu thế ?

Chúng ta hãy hình dung một xã hội đen có nhiều tay anh chị, mỗi người hùng cứ một con đường, một ngõ hẻm, kiếm ăn riêng lẻ. Làm sao cho những Hai Nhái, Bảy Búa, Tư Từ Bi, Năm Thọ v.v. chịu ngồi lại với nhau để lập một băng đảng ? Chẳng phải dễ đâu vì trước hết họ phải có mục tiêu chung, sau

nữa họ phải nhường nhịn nhau để tìm một đồng thuận chung. Nhìn xã hội ở một khía cạnh khác, chúng ta có thể là những "nhân sĩ" riêng lẻ, nhưng đứng chung với nhau trong một tổ chức là một chuyện khó. Trong một xã hội dân chủ cùng thể.

Đa số quý vị đọc được bài viết này đang sống trong một xã hội dân chủ Tây phương. Một điều hiển nhiên có lẽ quý độc giả và tôi đều nhận ra là chúng ta phải nhạy cảm hơn, tự chế hơn, nhường nhịn và lịch sự với những người chung quanh hơn vì xã hội dân chủ bắt buộc mọi thành viên phải hiểu rằng anh khác tôi nhưng tôi và anh ngang nhau. Hoàn cảnh này rất khác với sinh hoạt của chúng ta nơi quê cũ. Ở cố hương có khi chúng ta đập thùng thiết cả ngày, mỗ cái lương lớn tiếng từ năm giờ sáng mà không đếm xỉa chi tới hàng xóm vì hàng xóm họ cũng chẳng kiêng dè gì ta và cũng làm y như vậy. Khắp nơi ồn ào huyên náo, xe cộ chạy loạn cào cào. Tài sản nhà ruộng thì khi mất khi còn, rất vô chừng. Có khi nhà ruộng do người mình tin tưởng giữ luôn không trả, có khi bị nhà nước lấy ngang, có khi chính ta vì hoàn cảnh cũng muốn nhà ruộng của anh Ba, anh Bảy rồi lâu dần thành của mình luôn. Ở xứ tự do ta không thể làm chuyện đó.

Hãy nhìn vào cơ thể chúng ta. Lá gan khi bị cắt bỏ một phần nó có thể mọc trở lại dễ dàng. Nhưng tại sao khi chạm vào một bộ phận khác lá gan tự biết phải nên ngừng lại ? Tại sao trái tim chỉ lớn chừng đó mà thôi ? Đó là qui luật sinh học : khi các bộ phận tế bào chạm nhau thì tự nhiên ngừng lại (*contact inhibition*). Bệnh ung thư là tình trạng ngược lại, ở tình trạng này mọi tế bào mọc loạn cả lên. Phải cần ba tỉ năm những vi sinh thủy tổ của chúng ta mới học cách sống chung hòa bình để tiến hóa cao hơn. Giai đoạn này quan trọng và hạn hữu hơn là sự xuất hiện của sự sống vì tình trạng đoàn kết lại cần có sự nhường nhịn lẫn nhau. Kết quả là sự sinh sôi của nhiều động vật lớn, nhỏ dưới đủ mọi hình dạng, trong quá trình đó có sự xuất hiện của những con khủng

long mà bước chân đã một thời làm rung rinh mặt đất vẫn tiếp tục gọi óc tò mò của chúng ta mãi đến ngày nay.

Theo huyền sử Trung Hoa thì vào thuở tạo thiên lập địa không biết là bao lâu, bỗng có một vi nhân không rõ nguồn gốc, có tên là Bàn Cổ giơ tay lên vén trời, dang chân ra vạch đất tạo nên càn (trời), khôn (đất), gọi là lưỡng nghi. Từ đó có con người. Cách giải thích này cũng đã đủ thỏa mãn trí tò mò của người Tàu và người Việt suốt hơn 5000 năm. Tại Âu châu vào đầu thế kỷ 19, người ta không có lý do gì để nghi ngờ những dữ kiện ghi trong kinh thánh. Người Âu châu thuở đó không có danh từ "tiền sử". Năm 1650 tổng giám mục James Ussher đã căn cứ vào những điều ghi chú trong thánh kinh mà tính ra rằng trái đất có số tuổi là 4000 năm trước khi đấng cứu thế Giê-xu ra đời. Nghĩa là rất trẻ. Thế nhưng trong hai thế kỷ qua con người đã lần lượt tìm ra các bộ xương khủng long hóa thạch, xương con người hóa thạch và muôn thú từ hàng trăm triệu năm và tự hỏi nhưng di tích này từ đâu ra ? Kim tự tháp Ai cập cũng có số tuổi cao hơn là 5000 năm. Thế thì nghĩa lý gì ? Năm 1859, một bài viết mang tựa đề "*Nguồn gốc của vạn vật*" (*The Origin of Species*) của Charles Darwin đã làm đảo lộn niềm tin thần thánh về nguồn gốc thiêng liêng của con người. Thuyết tiến hóa của Darwin chỉ thật sự được chấp nhận một cách sâu rộng vào những năm hậu bán thế kỷ 20. Mãi tới năm 1967 tiểu bang Tennessee, Hoa Kỳ; mới bãi bỏ luật cấm dạy thuyết tiến hóa của Charles Darwin.

Giáo hoàng Johannes-Paulus II trong một thông điệp đọc tại Viện hàn lâm Khoa học, ngày 22-10-1996 nói rằng giữa loài khỉ thủy tổ của con người và chúng ta ngày nay có một giờ phút gọi là "*một gián đoạn trong quá trình cá thể-phát sinh học*" (*ontological discontinuity*). Trong giờ phút linh thiêng đó Thiên Chúa đã khiến linh hồn con người nhập vào xác một giống khỉ, tức là chúng ta ngày nay. Lời nói của Giáo hoàng chấm dứt 200 năm lưỡng lự của giáo hội về thuyết tiến hóa.

Nếu chúng ta tin vào lời phán của Johannes-Paulus II thì giờ linh hồn nhập xác kia được tìm thấy chính xác nhất ở nhiễm sắc thể (*chromosome*) số 2. Nhiễm sắc thể này lớn hàng thứ hai trong tổng số 23 nhiễm sắc thể. Ngày nay khi nghiên cứu kỹ lưỡng nhiễm sắc thể này chúng ta khám phá ra rằng nó chính là sự kết lại của hai nhiễm sắc thể của loài khỉ lớn (*ape*) thủy tổ chung của người và khỉ xuất xứ từ Phi châu. Tất cả các loài vượn khỉ đều có 24 nhiễm sắc thể. Riêng con người có 23 nhiễm sắc thể. Không phải chúng ta bỏ đi một nhiễm sắc thể trong quá trình tiến hóa mà chính là hai nhiễm sắc thể của loài nhân hầu thủy tổ ở Phi châu đã dính lại với nhau trong con người chúng ta ở một thời điểm rất gần, khoảng năm triệu năm về trước, nghĩa là qua 300.000 thế hệ con người.

Chúng ta có thể đặt ra giả thuyết rằng vào một thời điểm khoảng năm triệu năm trước có một nhóm nhỏ nhân hầu tại Phi châu vô tình bị cắt đứt khỏi bầy nhân hầu trên lục địa do thiên tai, động đất hoặc nước dâng cao hay vì một lý do nào khác nên phải sống trên hải đảo. Trong bầy nhân hầu này có thể chỉ có một con nhân hầu đực hoặc cái sống sót để sinh sản với vài con khác. Tuy nhiên con nhân hầu này có một khuyết tật là chỉ có 23 nhiễm sắc thể thay vì 24 nhiễm sắc thể do hai nhiễm sắc thể khi sinh ra bị dính vào nhau. Qua nhiều triệu năm sống biệt lập, giống nhân hầu ngoài hải đảo hay là một vùng đất phía Bắc lục địa Phi châu sinh sống pha trộn lẫn nhau để một ngày kia hoàn toàn cách biệt với nhóm chánh còn sống tại miền Nam lục địa Phi châu.

DNA của con người và giống khỉ tinh tinh (*chimpanzee*) không khác gì nhau, ngoại trừ con tinh tinh có 24 nhiễm sắc thể trong khi chúng ta chỉ có 23. Khi so sánh nhiễm sắc thể số 2 chính là hai nhiễm sắc thể của con tinh tinh nhập lại. Sự thật đã quá hiển nhiên. Con người và khỉ tinh tinh nếu giao cấu lẫn nhau vẫn có thể sinh con đẻ cái, như trường hợp ngựa và lừa, sư tử và cọp hay không? Tác giả không có câu trả lời và nếu có nghiên cứu cũng không được ủy ban đạo đức khoa học cho phép.

Năm 1902 khi đế quốc Anh đang tập quen với sự ra đi vĩnh viễn của nữ hoàng

Victoria để chuẩn bị cho những đổi thay sóng gió sắp tới, thì tại kinh thành Luân Đôn có một vị lương y xuất thân gia đình thế mục danh gia tên là Archibald Garrod ra đời. Vị bác sĩ này để ý đến một căn bệnh hiếm có truyền nối trong một vài gia đình. Bệnh này có tên là *alkaptonuria*. Người mắc phải nó thường bị phong thấp, nước tiểu và rái tai có màu đỏ thẫm hoặc đen, tùy theo đường sự ăn nhấm món ăn gì trước đó. Chỉ có thế, không có gì hiểm nghèo cả. Nhưng vị bác sĩ này đã tìm ra nguyên do là bệnh này là một bệnh di truyền trong gia đình và thường nhảy một thế hệ để rồi tái xuất hiện ở thế hệ thứ ba. Ông tin rằng thuyết di truyền của một nhân vật có tên là Johann Mendel có thể giải thích cho trường hợp này.

Học sinh ngành di truyền học không thể không biết đến Johann Mendel. Johann Mendel sinh ra tại một ngôi làng hẻo lánh Heinzendorf ở miền Bắc Moravia vào năm 1822. Cha của ông là Anton vốn là một nông dân nghèo. Lúc Johann được 16 tuổi đang theo học tại trường trung học ở Troppau thì cụ Anton bị thương nặng ở vai vì một thân cây ngã vào người trong lúc đang đèo gỗ. Không muốn con mình phải gián đoạn việc học, Anton bán nông trại nhỏ bé của mình cho người con rể để có tiền trả học phí cho Johann học xong trung học và sau đó vào đại học Olmutz. Cuộc sống của cha con nhà Mendel rất vất vả, Johann đã cầu cạnh với chủng viện Augustin rồi sau đó theo học thêm về đạo để rồi cuối cùng tốt nghiệp là một nhà tu. Ông đã đảm nhận chức linh mục nhưng không thành công. Sau đó Johann nộp đơn xin dạy khoa học tại Đại học Wien nhưng rủi thay ông rớt kỳ thi tuyển và mộng không thành. Thất vọng nào nê, Johann Mendel lúc này đã là một thanh niên 31 tuổi, không tên tuổi, không nghề nghiệp, ông tìm đường trở về Brunn. Ông Mendel tự nhủ rằng có lẽ số mạng đã định cho ông sống cuộc đời một tu sĩ. Ông Mendel người hiền hòa vui vẻ, giỏi toán, thích đánh cờ và ông rất thạo nghề nông, trồng trọt. Ông đã học được từ thân phụ thủ thuật tháp cây, gây giống. Theo lời ông Mendel viết lại thì từ lâu nông dân đã biết được rằng lựa giống tốt sẽ ra cây tốt và có một định luật di truyền mơ hồ nào đó nhưng

không ai có đủ khả năng để nghiên cứu cho tới ngọn nguồn và chi tiết. Phát biểu của ông Mendel không mang lại một lời tán thưởng xã giao nào cả của các khoa học gia và nông dân thời đó. Ông cặm cụi làm chuyện ông muốn, người đời có thích hay không mặc kệ. Trong suốt tám năm trường trong vườn rau của chủng viện, linh mục Mendel đã trồng 30 000 giống rau trái. Ông đi đến một kết luận kỳ diệu làm nền tảng cho môn di truyền học mãi đến ngày nay. Ông đăng tải khám phá của mình trên nguyệt san khoa học *Proceedings of the Brunn Society for the Study of Natural Science*. Dù vậy không ai chú ý đến phát minh của ông và nó chìm vào quên lãng. Vị linh mục trẻ không còn thiết đến khoa học và cây cỏ, ông dành quãng đời còn lại cho giáo hội và lần hồi leo lên nhưng phẩm trật cao hơn. Cùng hơi lạ là những bài viết về sau của ông thường là bàn về các món ăn hơn là nói về giáo lý. Chúng ta hãy tìm hiểu xem vị linh mục này đã khám phá ra những gì mà những người đương thời không coi trọng và đã làm cho ông thất vọng đến như thế?

Trong khu vườn rộng rãi của tu viện, Mendel cho lai giống 7 loại đậu khác nhau một cách có thứ tự. Ông cho lai giống đậu da nhãn với đậu da láng, giống đậu cao với đậu lùn, giống đậu vàng với đậu xanh, giống đậu xám với giống trắng v.v. Sự thật ông đã lai giống bao nhiêu giống đậu, hoặc đã cố tình giấu nhem những lần thất bại, chúng ta không biết được. Kết quả của công cuộc nghiên cứu của Mendel là những cây đậu lai chỉ có ngoại hình giống hoặc cha hoặc mẹ chứ không cả hai. Thí dụ như trường hợp đậu da nhãn lai với đậu da láng thì những cây đậu con thế hệ thứ hai hoặc da nhãn hoặc da láng chứ không lung chừng. Thế thì di tố tiềm ẩn của một thế hệ thứ nhất đã biến mất chăng? Không. Khi Mendel cho những cây đậu con lai giống lẫn nhau lẫn nữa thì những đặc tính của thế hệ thứ nhất lại xuất hiện ở thế hệ thứ ba trong một phần tư trường hợp. Từ đó ông đã khám phá ra một định luật của di truyền học. Đó là những di tố có cái mạnh (*dominant allele*), cái yếu (*recessive allele*), chúng không pha trộn lẫn nhau mà chỉ tạm thời kết hợp. Trong suốt bốn năm trường ròng rã, Mendel cố gắng viết bài tường

trình về khám phá của mình cho ông Karl-Wilhelm Nageli, giáo sư thực vật học, đại học München. Trong suốt bốn năm đó, vị giáo sư này không hiểu và cũng từ chối công nhận khám phá của tu sĩ Mendel. Cùng thời gian này, vị giáo sư kia lại tuyên bố những khám phá của riêng mình khi ông cho mèo giống này lai với mèo giống kia và kỳ lạ thay ở thế hệ thứ ba một phần tư số mèo giống thế hệ thứ nhất. Ông Nageli đã khôn ngoan hay cố ý không nhắc nhở chi đến tên tuổi của tu sĩ Mendel.

Trong lúc sinh thời khám phá của tu sĩ Mendel không được người đời công nhận nhưng ở đầu thế kỷ 20, thuyết về di truyền của ông có phần lấn áp thuyết tiến hóa của Darwin. Darwin cho rằng di tổ dần dần biến hóa để thay đổi theo thời gian trong khi Mendel khám phá ra rằng di tổ truyền đời theo kiểu được ăn cả ngã về không, nhảy một thế hệ rồi lại trời lên ở thế hệ kế tiếp. Vào đầu thế kỷ 20 thế giới sinh học trở thành luồng cực. Một đảng ngà theo Mendel, một đảng ngà theo Charles Darwin.

Năm 1930 có một người Do Thái, tên Hermann Joe Müller, khám phá ra rằng di tổ có thể bị thay đổi bằng cách dùng tia X. Thế là Mendel và Darwin đã tìm được một nhịp cầu thông cảm. Di tổ không pha trộn nhưng thay đổi và biến hóa theo "sự biến thiên", tức là *mutation*, bằng cách nhân tạo và thiên nhiên. Ba năm sau một người khác tên Linus Pauling khám phá ra tính di truyền của chứng bệnh về hồng huyết cầu, có tên là sickle cell anaemia, do một di tổ bị khuyết tật. Khuyết tật này có thể giải thích theo định luật di truyền mà Mendel đã khám phá năm xưa. Vài năm sau đó nhà bác học Herman Joe Müller được giải Nobel và chọn một hướng đi khác cho riêng ông. Müller ủng hộ nhiệt thành xã hội chủ nghĩa. Ông lại tin theo thuyết ưu sinh (*eugenics*). Ông muốn làm sao cho nhân loại ngày thêm hoàn hảo và không gì hơn là, theo ông viết, bằng cách lựa nhưng người có ngoại hình và tánh tình giống Karl Marx và Lenin ép cho lấy nhau để sanh sản ra thật nhiều Marx-Lenin con. Müller đến Bá Linh, lúc đó vừa khi Hitler lên nắm quyền. Hitler cũng là một người tin theo thuyết ưu sinh bằng cách giết cho sạch giống người Do Thái và lựa những trai

gái tốt giống da trắng mắt xanh tóc vàng thuộc nòi người Arya bắt ép phải lấy nhau cho thuần chủng. Müller rất uất hận khi quân đội Đức đập phá phòng thí nghiệm của nhà bác vật Oscar Vogt vì ông này chứa chấp người Do Thái. Müller trốn sang Liên Xô và được vào làm việc trong phòng thí nghiệm của nhà bác vật Nikolay Vavilov. Cùng lúc đó, lãnh tụ Stalin ra lệnh thanh trừng những ai tin vào thuyết Mendel. Theo Stalin thì cây đậu nào, cũng như bất cứ người Nga nào cũng có thể thay đổi nếu biết cách huấn luyện chớ không cần phải lai giống chi cho mất thì giờ phiền phức. Ai nghĩ ngược lại bị mang xử bắn từ sau ót. Nikolai Vavilov bị gởi đi học tập cải tạo và chết rứt xương trong tù. Müller có viết một cuốn bạch thư cho Stalin. Được biết Stalin không thích ý kiến của mình, Müller chạy sang Anh Quốc lánh nạn và phải lặn đạn lăm mới qua được Hoa Kỳ làm việc tại Đại học Indiana. Trong những bài viết sau này, Müller vẫn tin rằng nhân loại cần phải tuyển chọn kỹ lưỡng để sinh ra một giống người tốt hơn, nhưng ông muốn có nhiều Lincoln và Descartes con hơn thay vì những Marx và Lenin con. Đó là ý riêng ông.

Trở lại chứng bệnh di truyền *alkaptonuria* mà bác sĩ Garrod phát hiện năm xưa. Từ 1995 trở đi, người ta đã biết rằng chứng bệnh này chỉ do một chữ sai khuyết trong di tổ nằm trên nhiễm sắc thể số 3. Không có gì đặc biệt, di tổ này không khác di tổ tương tự của loài nấm *aspergillus* là bao ! Tại sao người và nấm lại giống nhau ? Khi so sánh di tổ của muôn loài, người ta có thể tìm về nguyên thủy, khi nghiên cứu về di tổ con người người ta cũng biết về lai lịch con người mặc dù không có một cuốn sử nào để lại.

Thử nhìn vào nhiễm sắc thể thứ 13. Trên nhiễm sắc thể 13 có một di tổ có tên là BRCA 2. Khi di tổ này thay đổi có thể gây ra bệnh ung thư vú. Di tổ này được tìm thấy đầu tiên từ những gia đình thuộc sắc dân ở vùng cực bắc Âu châu tại tuyết địa Iceland. Hầu như toàn thể số dân trên đảo này (270 000 người) đều có cùng hai hoặc ba cụ tổ xuất thân là quân cướp biển Viking đến đây định cư vào khoảng năm 900 sau công nguyên. Dân đảo này đã bị nhiều trận dịch kinh

khủng vào thế kỷ 14 khiến cho dân số bị teo hẹp lại. Do không có di dân từ nơi khác tới, những người dân trên đảo này cứ cưới hỏi lẫn nhau trong cùng vòng đai bà con họ hàng. Đây là một xá hội lý tưởng để nghiên cứu về lịch sử của các bệnh di truyền.

Người Do Thái thường có chứng bệnh di truyền chết người *cystic fibrosis*, thuộc về phổi. Di tổ của bệnh này nằm trên nhiễm sắc thể số 9. Tuy nhiên chỉ trường hợp cả cha lẫn mẹ đều có cùng khuyết tật này thì đứa con sinh ra mới có thể mắc bệnh *cystic fibrosis*. Nếu chỉ có cha hoặc mẹ có một di tổ tiềm ẩn của chứng bệnh này thì đó lại là một di tổ thuận lợi chống lại bệnh lao phổi. Người Việt Nam thường có mang trong người di tổ gây ra chứng khuyết tật của hồng huyết cầu có tên là *thalassemia*. Khuyết tật về máu này do một di tổ nằm trên nhiễm sắc thể số 11. Giống như bệnh *cystic fibrosis* của người Do Thái. Trừ trường hợp nặng cả cha lẫn mẹ đều mang trong người khuyết tật trên nhiễm sắc thể số 11, trường hợp nhẹ hơn, tức là chúng ta chỉ là người thừa hưởng di tổ này từ một người của thế hệ trước thì người đó có khả năng chống lại bệnh sốt rét. Trường hợp nặng (*thalassemia major*), đứa trẻ cần phải có truyền máu liên tục, trường hợp nhẹ (*thalassemia minor*), người mắc bệnh vẫn sống bình thường nhưng có khả năng chống lại bệnh sốt rét. Trong quá khứ xa xôi tổ tiên chúng ta bị bệnh sốt rét làm chết đi hàng triệu người. Nhưng người có khuyết tật này trong máu lại có thể chống lại bệnh sốt rét để rồi gượng lại sinh sản, tiếp nối nòi giống.

Ngày nay tại Hoa Kỳ, trước khi người Do Thái lấy nhau họ thử máu xem có phải cả hai người phối ngẫu đều mang trong người khuyết tật di truyền hay không để quyết định tương lai con cái cho phù hợp. Trong một năm nghiên cứu (1990) về người Việt tại Melbourne từ cả ba miền Nam Trung Bắc về bạch huyết cầu (*human leukocyte antigen*), tôi và các cộng tác viên trong hội Red Cross Blood Bank Úc châu đã đi tới kết luận (công bố tại Nhật năm 1991) là sắc tộc Kinh tương đối thuần chủng hơn so với người Anh và người Úc và có liên hệ gần với người vùng Hoa Nam.

Võ Thanh Liêm

Ba con mắt nhận thức

Trần Nhân Đạo

Có phải đạo đức và tâm linh là duy tâm, là siêu hình, là mê tín ?

Có phải khoa học và vật chất là duy vật, là biện chứng, là vô thần ?

Hai câu hỏi trên đây thật rất phức tạp, bởi mỗi câu hàm chứa đến những năm khái niệm đa nghĩa, dị nghĩa, phân xuất từ những quan niệm triết học, kết hợp với những đường lối chính trị, liên quan đến những xác tín thâm sâu nhất của con người, mang theo những hệ quả rất thiết thân trong cuộc sống hằng ngày của một cá nhân, gia đình, nghề nghiệp, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Năm khái niệm như thế trong câu thứ nhất: đạo đức, tâm linh, duy tâm, siêu hình, mê tín; và năm khái niệm như vậy trong câu thứ hai: khoa học, vật chất, duy vật, biện chứng, vô thần.

Hai câu hỏi phức tạp như thế, nhưng lại vẫn thường xuyên được xử dụng, và lại thường được xử dụng một cách máy móc, giáo điều, có tính mệnh lệnh và vô cùng tùy tiện. Từ cả hai phía: phía nhà nước đối với người dân, cũng như phía người dân đối với nhau hoặc đối với các cơ quan của nhà nước.

Trong bài viết này, tôi không chủ ý trình bày một luận đề triết học, cũng như không dụng ý thảo một truyền đơn để bôi bác lẫn nhau. Tôi chỉ muốn cùng bạn đọc trao đổi một vài suy nghĩ có tính phương pháp luận về vấn đề nhận thức của con người, để từ đó làm sáng tỏ cho hai mảng vấn đề: chỗ đứng của tâm linh trong đời sống của con người và khoa học trong tiến trình phát triển của nhân loại.

Chính vì với chủ đích trên đây mà tôi sẽ không bàn đến các bản hiến pháp cũng như các nghị quyết của nhà nước Việt Nam về các vấn đề tâm linh và tôn giáo, bởi mọi người ai nấy đều thấy rõ cách diễn tả có tính "hình thức" trong các bản hiến pháp, đang khi các nghị quyết thì lại đưa ra những "biện pháp và chỉ thị có tính sách động" ngược lại với những điều khoản của hiến pháp. Nhưng tôi sẽ trung dẫn ra đây lập trường gọi là "khoa học" của các cơ quan khoa học nhà nước về các vấn đề trên. Trong quyển *Lịch sử Tư tưởng Việt Nam* (Nhà

Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, tập I, 1993) của tập thể tác giả mà chủ biên là phó giáo sư Nguyễn Tài Thư thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (VKHXHVN), tác giả và chủ biên Nguyễn Tài Thư đã đặt vấn đề về "*dòng tư tưởng chủ đạo của lịch sử tư tưởng Việt Nam*" và trả lời cho rằng dòng tư tưởng chủ đạo và sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử tư tưởng Việt Nam là sự "*đấu tranh giữa duy vật và duy tâm, biện chứng và siêu hình*". Đồng thời ông đánh giá đầu là lực lượng tích cực và đầu là lực lượng tiêu cực: "*Các quan điểm khách quan, duy vật, biện chứng, vô thần, dân chủ và độc lập thường liên kết với nhau và là tiếng nói của lực lượng tích cực trong lịch sử, còn các quan điểm chủ quan, duy tâm, siêu hình, hữu thần, chuyên chế và lệ thuộc thường cố kết với nhau và là tiếng nói của lực lượng tiêu cực*" (sđd 30). Hai mệnh đề - một tích cực và một tiêu cực - gồm hai giới tuyến phân chia rõ ràng, nhưng lại không vì thế mà có tính thuyết phục. Luận điểm cơ bản trên đây là tiếng nói và là lập trường không những của một tập thể tác giả hay của VKHXHVN mà thôi, nhưng cuối cùng là của chính nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong tất cả mọi trường hợp, luận điểm trên đây cần phải được phân tích, phê phán và bình luận.

Ở đây tôi xin ghi thêm một thông tin để mở rộng tầm nhìn về cách quan niệm các "*dòng tư tưởng chủ đạo của lịch sử tư tưởng*" trong các dân tộc. Cùng trong chương dẫn nhập vào *Lịch sử Tư tưởng Việt Nam*, tác giả Nguyễn Tài Thư có nhắc đến tác phẩm *Nhật Bản tư tưởng sử* của Thạch-Điền Nhất-Lương (Ishi Da Kazu-Yoshi), nhưng lại không nói đến quan niệm về tư tưởng chủ đạo trong môn "*lịch sử tư tưởng học*" của đồng nghiệp người Nhật. Theo Thạch-Điền Nhất-Lương thì đời sống nhân loại gồm ba lãnh vực lớn là kinh tế, chính trị và văn hóa; và văn hóa lại gồm ba phương diện cơ bản là "*tôn giáo, tư tưởng và nghệ thuật*" [1]. Qua hai đoạn trích dẫn trên đây - một của VKHXHVN và một của Phòng Nghiên cứu Nhật Bản Tư

tưởng Sử - chúng ta hẳn thấy được sự khác biệt rất lớn về nội dung cũng như về phương hướng tư tưởng giữa hai nhóm nghiên cứu Việt và Nhật: giữa một bên với tính quy kết và giản lược và một bên với tính khách quan và nhân bản.

Trên đây nói về quan điểm tư duy của các cơ quan nhà nước, còn dưới đây nói về tư duy từ phía quần chúng. Ở phía đối tác quần chúng, ta có một số thành phần tôn giáo thuộc cánh bảo thủ cực đoan: những người chấp nê vào văn tự kinh điển bằng những giải thích "bám chân chữ" và không thấy được những tiến trình phát triển của thực tại, thiên nhiên và lịch sử. Họ vẫn cứ còn khư khư bám chặt vào những giáo điều cực bộ đã thay đổi từ 400 năm nay kể từ thời Kepler, Galilei, Newton, Darwin trình bày về các hệ thống mặt trời, về hấp lực thu hút trong vũ trụ, cũng như về hiện tượng tiến hóa của trời đất vạn vật. Họ vẫn cứ còn cứng nhắc tuyên xưng theo trình thuật tạo thành trong Kinh Sách của họ (*Sáng Thế Ký 1*) rằng "*trời đất được tạo dựng trong sáu ngày với mỗi ngày 24 tiếng đồng hồ*" như thời gian 24 tiếng mỗi ngày mà ta có ngày nay. Cùng như họ vẫn khốc liệt lên án là "vô tín", là "bội đạo" tất cả những ai chấp nhận sự kiện (đã được xem là) khoa học về tiến trình tiến hóa của vạn vật - nhất là của giới sinh vật: từ thú vật, qua "người khéo" (*homo faber*), "người khôn" (*homo sapiens*) cho đến con người hiện đại ngày hôm nay. Thêm vào đó, họ lại chủ trương một cuộc sống thoát thế, nhưng đồng thời họ lại tỏ ra rất tài giỏi trong các việc "tích lũy làm ăn" ...

Chính vì những quan niệm duy tâm và những suy tư tôn giáo mang tính bảo thủ cực đoan và mâu thuẫn như thế, mà không lạ gì từ phía đối lập đã từng có những phê phán ngịch ngả về tâm linh, về tôn giáo: là "*thuốc phiện*", là chủ quan, là tiêu cực, là mê tín, là phản tiến bộ.

Nhưng công bình mà nói, thì một ít thành phần duy tâm hay tôn giáo bảo thủ cực đoan không phải là tất cả tâm

linh, không phải là tất cả tôn giáo. Cũng như không phải một ít thành phần "duy vật thực nghiệm" hay "duy khoa học" (*scientisme*) là tất cả thực nghiệm, là tất cả khoa học. Chúng tôi thiết nghĩ, xã hội Việt Nam chúng ta đúng lúc này - vào thời hậu cộng sản và hậu hiện đại của nhân loại - thật đáng có cơ may bước vào một kỷ nguyên mới của tư duy để có thể suy tư một cách khách quan, quân bình và toàn diện.

Chúng tôi nhận thấy, cả về phía duy vật và vô thần, cả về phía tâm linh và tôn giáo đều đã có sự nhầm lẫn trong suy tư được gọi là "nhầm lẫn phạm trù", bởi mỗi lãnh vực suy tư cá biệt đều đã lấy những "phạm trù nhận thức" của riêng mình để áp đặt vào các lãnh vực suy tư khác. Khoa học tự nhiên dựa trên thực nghiệm các hiện tượng vật chất lại đòi hỏi các ngành khoa học nhân văn và tâm linh cũng phải được minh chứng bằng các hiện tượng vật chất; và ngược lại, các ngành khoa học tâm linh và tôn giáo lại có khuynh hướng phủ nhận các sự kiện vật chất tự nhiên, mà chỉ đề cao và còn xem như tiêu chuẩn độc nhất của tri thức là niềm tin, là tín điều.

Diễn tả bằng hình ảnh về các phạm trù nhận thức, các nhà tư tưởng Cổ Kim Đông Tây đều nói đến "ba con mắt nhận thức" của con người: "con mắt của thể xác", "con mắt của trí tuệ" và "con mắt của tâm linh" - tức "con mắt thứ ba" được diễn tả trong truyền thống Phật giáo cũng như trong nhiều truyền thống huyền nhiệm (chứ không phải "huyền bí") của các tôn giáo khác. "Con mắt của thể xác" nhắm các đối tượng giác quan và gồm các môn khoa học tự nhiên - bởi các khoa học này cơ bản dựa trên sự vật hiện thực và thực nghiệm được; "con mắt của trí tuệ" nhắm các đối tượng khái niệm và biểu tượng, và gồm các ngành khoa học nhân văn như triết học và tâm lý học; còn "con mắt của tâm linh" nhắm các đối tượng siêu việt (chứ không phải "siêu hình") và được diễn tả trong thế giới tâm linh và tôn giáo. Một hình ảnh cụ thể có tính hiện đại hơn: Ba đối tượng của "Ba con mắt nhận thức" nói trên giống như ba chất liệu của một chiếc máy điện tính siêu hiện đại gồm có "chất cứng", "chất mềm" và "chất siêu".

Có thật như vậy không, hay chỉ là chủ quan tưởng tượng? Chúng ta sẽ trở

lại vấn đề "có-không" này trong một đoạn sau. Nhưng bây giờ ta hãy bắt đầu bằng một sự kiện lịch sử mang tầm vóc một cuộc cách mạng văn hóa lớn: sự khai sinh nền khoa học thực nghiệm, với hậu quả phải đặt lại vấn đề nhận thức trong triết học và tôn giáo truyền thống.

Khoa học thực nghiệm

Thời điểm khai sinh ngành khoa học thực nghiệm được xem là vào cuối thế kỷ XVI, quãng năm 1600. Trước đó - ở Tây phương - là thời đại tư duy triết lý cổ điển Hy Lạp với Aristoteles (384-322 TCN) và nền thần học kinh viện Ki-tô giáo Trung Cổ. Hai đặc điểm chính của triết học cổ điển hi Lạp và thần học kinh viện trung cổ là: lối suy tư trừu tượng với phương pháp diễn dịch từ những nguyên lý siêu hình, đặc điểm thứ hai là nhắm tìm hiểu lý do của sự sống hơn là cách thức sinh sống (như trong khoa học thực nghiệm mà ta sẽ xem dưới đây).

Những người khai sinh cho nền khoa học tự nhiên vào thời điểm này là Kepler (1571-1630) và Galilei (1564-1642). Cả hai đều chủ trương một tư duy mới với những đặc điểm ngược lại với tư duy triết-thần truyền thống: suy tư có tính thực nghiệm với phương pháp quy nạp từ những đơn vị nhỏ đến lớn, ít đến nhiều, và như thế được bắt đầu với sự quan sát sự vật cụ thể - một sự quan sát trở thành phương pháp khoa học bằng cân nhắc, đo lường, kiểm nghiệm với số liệu và lý luận toán học, để từ đó đi đến những giả thuyết, những lý thuyết phân bộ, rồi những lý thuyết tổng quát.

Chính với những phương pháp quan sát, đo lường và kiểm nghiệm này - cùng với những dụng cụ thích hợp như kính viễn vọng - mà Kepler và Galilei đã quan sát bầu trời, đã tìm ra những định luật về các biến chuyển của các hành tinh và các hệ thống mặt trời, đã tìm thấy những vết đen trên mặt trời, những ngọn núi trên mặt trăng - những 'khuyết điểm' bất ngờ "không thể có" trong những "hành tinh hoàn hảo" của Aristoteles; họ cũng khám phá ra những vệ tinh xoay vần chung quanh hành tinh Jupiter, làm thành một tiểu hệ thống mặt trời, và như thế đã củng cố và minh họa lý thuyết hệ thống mặt trời của Copernicus (1473-1543).

Sự khai sinh nền khoa học thực

nghiệm tự nhiên này đã gây nên vấn đề cho tư duy triết lý cổ điển hi Lạp (vẫn còn ngự trị trong văn hóa tây phương thời bấy giờ và còn ảnh hưởng cả cho đến ngày hôm nay) cũng như cho tư duy thần học kinh viện trung cổ. Những suy luận trừu tượng và không kiểm chứng được của triết thuyết Aristoteles nay được thay thế bằng lý luận toán học dựa trên quan sát, thực nghiệm, đo lường, định lượng và kiểm nghiệm.

Nhưng trầm trọng hơn là cuộc xung đột với giáo quyền kitô giáo nhân vụ lý thuyết của Galilei - như chúng ta đều biết - nói "trái đất quay chung quanh mặt trời" chứ không phải ngược lại như giáo hội chủ trương "mặt trời quay chung quanh trái đất" (tranh luận năm 1616, bị lên án năm 1632, mãi đến năm 1992 mới được phục hồi danh dự). Biến sự này đặt ra một vấn đề cơ bản về thẩm quyền tri thức và về phương pháp nhận thức của mỗi ngành khoa học. Sở dĩ giáo hội kitô giáo hồi bấy giờ chủ trương quan điểm "quy địa" chứ không phải "quy tâm mặt trời" là bởi giáo hội đã từ thẩm quyền thần học bước sang thẩm quyền khoa học tự nhiên, hơn nữa lại đã không nắm bắt được phương pháp thông thích luận một cách chính xác bằng cách đã giải thích Kinh Sách một cách "bám chân chữ" thay vì tìm ra những ý nghĩa được gửi gắm trong các trình thuật và văn bản. Cụ thể là câu chuyện trong Kinh Thánh phần Cựu Ước kể lại việc ông Giô-xuê đã "khiến mặt trời ngừng lại" cho đến khi đạo quân I-xra-en đánh bại thổ dân A-mô-rít và chiếm được đất đai của họ (Sách Giô-xuê 10:12; quãng năm 1230 tcl). Qua biến cố "mặt trời ngừng quay" nói trên, giáo hội Ki-tô giáo với phương pháp giải kinh "bám chân chữ" đã hiểu là "mặt trời quay chung quanh trái đất", và từ đó đã lên án quan điểm "quy tâm mặt trời" của Galilei.

Vấn đề "nhầm lẫn phạm trù" trong việc nhận thức của giáo hội kitô giáo - cả trong Công Giáo với các nhóm toàn thủ (*intégristes*), cả trong Tin lành với các nhóm toàn thống (*fundamentalistes*) - vẫn còn kéo dài cho đến ngày nay, như trong các vấn đề "nguồn gốc của vũ trụ" và vấn đề "tiến hóa", và như thế đã gây ra những vấn đề vừa "giả tạo" vừa "phản khoa học": "giả tạo" bởi không thuộc

thẩm quyền của tôn giáo, "phản khoa học" bởi nghịch hẳn với những thực tại hiển nhiên có thể kiểm nghiệm được.

Sự nhầm lẫn vô cùng đáng tiếc này - bởi biết bao nhiêu người do đó đã bị tòa án pháp đình của giáo hội kitô giáo bắt bớ, giam cầm, lên án, hỏa thiêu, v.v. - cuối cùng cũng là một cơ may cho giáo hội nay biết trở về với đối tượng đích thực của mình: không phải đối tượng khoa học thực nghiệm, nhưng là tri thức tâm linh và cuộc sống tôn giáo.

Nhưng để thực sự trở về được với đối tượng đích thực này của mình, giáo hội Ki-tô giáo còn phải kinh qua một cuộc cách mạng văn hóa lớn thứ hai nữa: cuộc cách mạng của khoa học nhân văn với Emmanuel Kant.

Kant và "bên kia bờ lý trí"

Khoa học nhân văn thiết yếu gồm triết học và tâm lý học.

Trước Kant (1724-1804), các nhà triết-thần đã tìm cách "chứng minh" sự hiện hữu của một Thượng đế, Đấng Tuyệt đối và Tối Cao : thời Cổ đại Hy Lạp đã có Aristoteles với suy nghĩ về một "thực tại đầu tiên", thời Trung Cổ có Thomas Aquinô (1224-1274) với "*năm con đường biện giải về Thượng đế*", nhất là con đường nguyên nhân, con đường ưu việt và con đường cứu cánh ; và trước đó có Anselmô thành Canterbury (1033-1109) với suy luận được gọi là "*chứng minh hữu thể*" nói rằng "*Thượng đế là Đấng mà trên Ngài không còn có gì lớn hơn có thể nghĩ ra được*".

Những suy luận về một thực tại tuyệt đối và tối cao như thế đều có những giá trị của chúng, nhưng theo Kant thì chúng không thể "chứng minh" được sự hiện hữu của Thượng đế. Bởi vì nhận thức của lý trí con người không những được phát xuất từ lý trí mà cũng cần phải được gắn liền với giác quan, do đó lý trí không thể có một khoa học về những thực tại thuần túy siêu giác quan. Luận chứng nhân quả trong các chứng minh cổ điển về Thượng đế - vẫn theo Kant - là một "phạm trù tiên thiên" (*a priori*), là một ý niệm. Từ một ý niệm không thể đi đến kết luận có một "thực tại hiện thực". Nếu trong "Phê phán về trí tuệ thuần lý", ý niệm về Thượng đế là một nguyên lý chỉ có thể có trong suy tư, thì trong "Phê phán về trí tuệ thực tiễn" sự hiện hữu của

Thượng đế tuy vẫn không chứng minh được, nhưng lại là một "nhu cầu bức thiết" cho con người trước các vấn đề tự do, hạnh phúc và bất tử. Cả ba vấn đề trong lãnh vực luân lý này đòi hỏi một "*thẩm quyền lương tâm tối cao*", một sự "*thiện tối cao*" và một "*hiện hữu trường tồn*". Và đó là ba "định đề" (*postulats*) đòi hỏi một "*nguyên nhân tối hậu*" cho cuộc sống luân lý của con người. Nhưng đó cũng chỉ là những "định đề hậu luận", không phải là những "chứng minh" của lý trí.

Với những suy nghĩ trên đây, Kant đã vạch ra những giới hạn của lý trí biện luận và đồng thời chỉ hướng cho con người tìm về thực tại "*bên kia bờ lý trí*".

Nagarjuna và "phía sau thế giới hiện tượng"

Nhưng trước Kant 16 thế kỷ, phương Đông cũng đã có một "*đại triết gia*" (Karl Jaspers) nơi nhà tư tưởng Phật giáo "thiên tài" Nagarjuna (*Long Thọ*, tk 2) ; ông đã đi tới cùng cùng những kết luận như Kant : lý trí không thể nào nắm bắt được Thực Tại tuyệt đối; mà nếu lý trí có tìm cách biện giải với ngôn từ và lý luận, thì ngôn từ và lý luận cũng chỉ là những biểu tượng chứ không phải là hiện hữu, thêm nữa chúng cũng sẽ chỉ rơi vào đây đây những mâu thuẫn nhị nguyên mà thôi. Trong tác phẩm *Trung Quán Luận (Madhyamika)*, Nagarjuna đã sử dụng biện chứng phủ định liên hoàn để đẩy kẻ đối tác (cùng chính là bản thân mình) vào ngõ cụt của phi lý (*per absurdum*) do lý trí biện luận, và để từ đó phát huy nhận thức đích thực về chân lý.

Ta lấy trường hợp điển hình về vấn đề "có-không" của vạn vật. Nagarjuna nêu lên câu hỏi : "*Trên cơ sở lý nhân duyên, các pháp có tự tánh hay không ?*" Nếu trả lời có tự tánh, Nagarjuna phản biện rằng không, bởi tự tánh là bất di bất dịch, không thể từ các duyên tạo ra được. Nếu không có tự tánh, vậy có tha tánh hay không ? Nếu trả lời có tha tánh, Nagarjuna lại phản biện rằng không có tha tánh, bởi tha tánh đối với kẻ khác, tức là tự tánh đối với mình. Và Nagarjuna kết luận : "*Các pháp nếu lìa bỏ tự tánh thì các pháp không thành, nếu lìa bỏ tha tánh thì các pháp cũng không thành, lấy cả tự tánh cả tha tánh các pháp cùng*

không thành". Câu tụng ngôn sẽ là : "*Hữu vô, phi hữu phi vô, phi diệc hữu phi diệc vô, phi phi hữu phi phi vô*". Và như thế, trí tuệ con người phải đi tìm một nhận thức mới, chứ bao lâu còn chấp hữu chấp vô, chấp tự tánh chấp tha tánh, thì đó là chưa nhận thức được chân lý đích thực cũng gọi là "chân đế", ngược lại với chân lý ước lệ và tương đối cũng gọi là "tục đế".

Và như thế, "con mắt nhận thức của trí tuệ" không thể chứng minh hay diễn tả được những thực tại thuộc lãnh vực của "con mắt nhận thức của tâm linh". Một hình ảnh trong ngành vật lý để minh họa : những thực tại cấp cao khi được họa lại trong cấp thấp đều bị giản lược hóa hoặc bị đánh mất đi các phẩm tính thiết yếu của mình. Giống như một hình cầu ba chiều khi được họa lại trên một trang giấy mặt phẳng hai chiều, sẽ chỉ còn là một hình tròn chứ không còn là một hình cầu.

Nhưng đã chắc gì có những "thực tại tâm linh" và "con mắt thứ ba của nhận thức" ? Chúng ta sẽ bàn về vấn đề này trong phân đoạn sau đây.

Con mắt thứ ba của nhận thức - Lãnh vực tâm linh và tôn giáo

Có thực tại "tâm linh" không ? Có "con mắt thứ ba nhận thức về tâm linh" không ?

Một vài lưu ý quan trọng đầu tiên.

Lịch sử văn hóa và tôn giáo của con người mọi nơi và mọi thời đều có bàn đến thực tại tâm linh và những mô hình nhận thức trong lãnh vực này. Đáng khác, chúng ta cũng đã từng được lưu ý rằng, không phải mọi hình thức đạo đức, mọi cơ chế tôn giáo, mọi nghi lễ phụng thờ, mọi tín điều giáo lý là tâm linh, chúng chỉ là những hình thức bên ngoài. Để diễn tả như Nagarjuna: nếu còn "chấp" các pháp đạo đức, luân lý, nghi thức, cơ chế, giáo lý, tín điều, thì con người vẫn còn ở trong vòng "mộng huyễn", chứ chưa đích thực bước vào thế giới tâm linh, thế giới "chân đế".

Để đích thực bước vào được thế giới tâm linh này, thế giới "chân đế" này, mỗi truyền thống tâm linh và tôn giáo của nhân loại đều đưa ra những mô hình nhận thức riêng của mình. Tất cả các mô hình nhận thức tâm linh này đều phải vượt qua được "*bên kia bờ lý trí*" (Kant),

phải đi xuống được "phía sau thế giới hiện tượng" (Nagarjuna). Những mô hình nhận thức tâm linh này sẽ không còn được thực hiện bằng suy tư và biện luận, nhưng là bằng trực nghiệm và thực chứng, bằng sự "chiêm nghiệm huyền nhiệm".

Tại đây, con người duy lý hiện đại vẫn thắc mắc nêu vấn đề: Làm gì có những loại nhận thức này ! Bao lâu khoa học không "thực nghiệm" và "kiểm nghiệm" được những thực tại tìm kiếm, bấy lâu khoa học không thể chấp nhận được sự có hay không của các thực tại đó.

Thực ra vấn nạn của khoa học thực nghiệm trên đây cũng có phần đúng, nhưng chỉ đúng trong lãnh vực nhận thức thực nghiệm. Bởi nhân loại còn biết đến loại nhận thức tinh thần với suy luận và biểu tượng, cũng như loại nhận thức tâm linh với chiêm ngắm và trực thị. Đối tượng của hai loại nhận thức sau đều vượt trên sự kiểm soát của thực nghiệm giác quan. Nhưng cả ba loại nhận thức này đồng thời lại có một cấu trúc tương đồng; đó là ba thành tố đảm bảo cho sự chính xác và nghiêm túc của mỗi loại nhận thức :

1- Chỉ dẫn : đây là một loạt những chỉ dẫn - đơn giản hay phức tạp, từ trong hay từ ngoài - với công thức : nếu muốn biết hoặc nhận thức được một dữ kiện nhất định nào đó, thì ta phải làm điều này hay điều kia. Tỉ dụ : nếu bạn không tin là trời đang mưa, thì bạn cứ ra ngoài sân mà xem.

2- Nhận thức : một khi những điều chỉ dẫn trên đây được thực hiện, thì ta có thể thấy và lãnh hội được đối tượng với con mắt nhận thức tương ứng. Tỉ dụ : bạn ra ngoài sân, và đã nhìn thấy trời đang mưa.

3- Xác nhận : khi nhiều người cùng nhìn thấy và lãnh hội được đối tượng của nhận thức trong bước hai trên đây, thì sự nhận thức đó được xác nhận là đích thực, trung thực, chân thực. Tỉ dụ : khi nhiều người ra ngoài sân, nhìn thấy được trời đang mưa, điều đó xác nhận sự nhận thức của bạn.

Mô hình thể hiện nhận thức tâm linh

Ta hãy lấy một trường hợp về nhận thức của con mắt thứ ba trong lãnh vực tâm linh gần với nền văn hóa và truyền thống á châu của chúng ta hơn: trường

hợp "thiền". Chúng ta sẽ nghiệm xem mô hình nhận thức này được diễn tả như thế nào và nó đáp ứng ba thành tố của một nhận thức nghiêm túc ra sao.

Nagarjuna không những là một nhà biện luận sắc sảo, ông đồng thời cũng là một nhà chiêm nghiệm sâu xa, một thiền sư, vị tổ thứ 14 trong 28 vị tổ tiếp nối truyền thừa tâm ấn từ sau khi đức Thích Ca nhập niết bàn. Việc biện luận của Nagarjuna chỉ là một bước đi sơ phạm ban đầu, để từ đó dẫn con người đến trực diện với tự tánh của vạn pháp, với thực tại Không, nơi con người chỉ còn biết im lặng và chiêm nghiệm. Im lặng và chiêm nghiệm trước thực tại Không theo truyền thống á châu, đó là thiền.

Và thiền, theo Daisetz Suzuki, là nhắm đưa lại cho ta "con mắt thứ ba" để nhận thức được một lãnh vực xưa rày vì vô minh nên bị đóng kín. Nhưng khi đám mây vô minh tan đi, thì một khoảng trời vô tận sẽ mở ra trong phút giây ta được lần đầu trong đời diện kiến với tự tánh của hiện hữu ta.

1- Những chỉ dẫn : thiền gồm trước hết một số điều chỉ dẫn cần phải được thi hành, nếu muốn đạt tới trực thị tánh không : tập trung, tĩnh lặng, tỉnh thức. Trong tỉnh thức lại có một vài thể thức thực hành hơi khác nhau tùy theo các truyền thống: theo dõi hơi thở (*anapanasati*), nhìn thẳng tự thân (*vipassana*), xáp mặt với công án (kòan), chỉ quán đá tọa (*shikantaza*).

2- Nhận thức : sau khi những điều chỉ dẫn trên đây được đúng mức thực hiện, thì hành giả có thể có được một nhận thức trực thị về đối tượng được chỉ dẫn, trong trường hợp này là đối tượng tâm linh siêu nhiệm; và trong trường hợp thiền, đối tượng tâm linh ở đây là kiến tánh, nghĩa là thấu thị nhìn thẳng vào tự tánh của mình. Cái nhìn thấu thị này là một cái nhìn xuyên suốt và hoàn toàn trực tiếp - tương tự phần nào như cái nhìn qua kính hiển vi cho thấy tận cái hạch tâm của một tế bào -, và điều kiện căn bản ở đây vẫn phải là : chỉ có con mắt thuần thực thì cái nhìn kia mới đưa lại cái nhận thức thấu thị.

Đối tượng của kiến tánh dĩ nhiên không phải là những sự vật của tri giác, cũng không phải là những khái niệm của tư duy trí tuệ, nhưng là thực tại tinh thần

phi nhị trong đó không còn chủ và khách, không còn chủ thể và đối tượng. Hegel nói, ở đây tinh thần đi lên một bình diện cao hơn, trong đó chủ thể và khách thể là một, là chính mình. Một khía cạnh khác của tính nhất thể ở đây là không còn sự đối chọi giữa cá nhân hữu hạn của mình và các sự vật khác, nhưng là sự kết hợp của một trong tất cả và tất cả trong một, và tuyệt đối là thực tại cuối cùng và bao quát tất cả. Nhận thức tâm linh của hành giả ở đây sẽ nhìn thấy thiên nhiên như là sự tỏ hiện khách quan của tuyệt đối, và nhìn thấy tuyệt đối như là chủ thể tinh thần tỏ hiện chính mình một cách lịch sử trong cuộc sống của con người. Sự nhận thức siêu nhiệm của con mắt thứ ba trong lãnh vực tâm linh ở đây là sự nhận thức trực thị trong không gian của ý thức tuyệt đối.

3- Xác nhận : nhận thức của một con người cá nhân nhất định trong lãnh vực tâm linh dĩ nhiên có thể là chủ quan, không thích ứng, và cả đến sai lầm nữa. Do đó, truyền thống thiền cần đến thành tố thứ ba bảo đảm cho một nhận thức chuẩn mực và nghiêm túc : đó là sự xác nhận nghiêm chỉnh của một vị thiền sư và của cả đạo tràng thiền sinh. Sự xác nhận này không phải là một sự vỗ vai khích lệ của thiền sư hoặc sự hoan hô tương trợ giữa các thiền sinh đối với nhau, nhưng quả thật là kết quả của một tiến trình thử thách lâu dài, khó khăn, nghiêm nhặt, tỉ mỉ và thường xuyên trong cuộc sống. Trong đời sống hành thiền, thiền sinh thường xuyên có những buổi độc tham với thiền sư của mình; ngoài ra lại còn có những buổi đặc tham mỗi khi cần thiết. Còn trong các cuộc thỉnh giảng và tham thiền đều đặn mỗi ngày, thì cả đạo tràng thiền sinh đều là những chứng nhân trung thực và đầy đủ khả năng trước sự khai ngộ của các đồng liêu của mình.

Và như thế, sự nắm giữ một cách nghiêm chỉnh ba thành tố cơ bản trên đây cho việc nhận thức làm cho thiền - cũng như cho các thực hành chiêm nghiệm huyền nhiệm tương đương khác - trở nên một phương pháp nhận thức tâm linh nghiêm túc, giá trị và đáng tin cậy.

Tâm linh và khoa học

Một câu hỏi được đặt ra ở đây : khi

những con đường nhận thức tâm linh như thiền, yoga, vedanta, huyền nhiệm Ki-tô giáo, kabbala Do Thái giáo, sufi Hồi giáo và các hình thức huyền nhiệm khác tương tự như thế thực hiện ba thành tố và là điều kiện căn bản của một sự nhận thức nghiêm túc - những điều chỉ dần dần cần thiết, sự trực diện với thực tại đối tượng nhận thức, sự xác nhận có thẩm quyền - thì người ta có quyền gọi những hình dạng nhận thức đó là "khoa học" hay không?

Câu trả lời dĩ nhiên tùy thuộc cách người ta hiểu "khoa học" là gì. Nếu "khoa học" được hiểu khi một nhận thức thể hiện được ba thành tố căn bản của một sự nhận thức (như đã được trình bày trong các phân đoạn ở trên), thì thiền, yoga, huyền nhiệm Ki-tô giáo, v.v. đều được gọi là những "khoa học tâm linh", không khác gì những môn khoa học xã hội, khoa học tâm lý, khoa học tự nhiên. Nếu có khác nhau thì chỉ là ở hình dạng các đối tượng tương ứng với từng lãnh vực nhận thức: khoa học tự nhiên qua hình dạng thực nghiệm, khoa học nhân văn qua hình dạng biểu tượng, còn khoa học tâm linh thì qua hình dạng siêu nhiệm.

Còn nếu như "khoa học" chỉ được hiểu là những nhận thức có tính "thực nghiệm" - nghĩa là chỉ quan sát, thí nghiệm và kiểm điểm được bằng giác quan - thì không những nhận thức tâm linh, mà cả những nhận thức nhân văn và tinh thần khác như tâm lý, triết lý, xã hội học, v.v. đều không phải là "khoa học".

Từ "khoa học thực nghiệm" đến "khoa học duy nghiệm" : khi khoa học thực nghiệm đưa ra yêu sách chỉ nhìn nhận là "khoa học" những loại nhận thức chỉ có thể quan sát, thí nghiệm và kiểm nghiệm được bằng giác quan mà thôi, thì khoa học thực nghiệm được biến thành "khoa học duy nghiệm", cũng gọi là "duy khoa học" hay "ngụy khoa học" (*scientisme*). Duy khoa học nói rằng : "Điều gì mắt tôi không trông thấy, không kiểm nghiệm được bằng giác quan, thì điều ấy không có".

Phản biện lại khẳng định trên đây của duy khoa học không phải là một điều khó khăn. Chính duy khoa học đáng lẽ phải nói : "Điều gì tôi không trông thấy, là tôi không trông thấy". Thế thôi. Bởi có rất nhiều điều hiện hữu vượt

ra ngoài tầm mức của thực nghiệm giác quan. Nếu bạn không nhìn vào được trong một căn phòng đóng kín, thì bạn không có quyền nói rằng không có người nào trong phòng đó cả. Với một bó hoa bạn nhận được sáng nay, người láng giềng thảo mộc học chỉ biết đó là hoa hồng hoa huệ, nhưng chính bạn có thể biết rõ bó hoa đó là mối tình đậm đà của người yêu. Với những luồng sóng não đo được của một người ngồi thiền, nhà khoa học sinh lý chỉ "thực nghiệm" được những tần số của sóng não, nhưng chính người ngồi thiền mới "cảm nghiệm" được thực tại "tâm linh" trong phút giây "ngộ". Khi duy khoa học tìm cách giản lược hóa những chân lý tâm linh vào hệ sinh học sóng não, thì chẳng khác gì lấy máy đo nào gắn vào đầu.

Einstein để kiểm xét công thức "E = mc²" (về thuyết Tương đối) có hay không, đúng hay chẳng vậy. Kant không nói rằng không có Thượng đế, Kant chỉ nói rằng giác quan và lý trí không bắt nắm được thực tại tuyệt đối.

Một vài suy nghĩ kết thúc

Cho những người chấp nhận tâm linh và tôn giáo : khoa học thực nghiệm và khoa học nhân văn đã tháo mở cho khoa học tâm linh những "nhầm lẫn phạm trù" trước đây trong lịch sử đã làm cho tâm linh và tôn giáo độc quyền bao trùm cả trong những lãnh vực của tri thức vật lý và tư duy lý trí. Nay tâm linh và tôn giáo được thanh thoi để đi sâu vào đối tượng đích thực của mình là tâm linh và huyền nhiệm.

Nhưng tâm linh và huyền nhiệm tôn giáo, tuy thuộc một "bình diện" khác, nhưng không thuộc một "thế giới" khác. Giác ngộ trong thiền là nhìn được tự tánh trong "vạn pháp". Do đó mà niết bàn là luân hồi và luân hồi là niết bàn (*nirvana* là *samsara*, và *samsara* là *nirvana*). Huyền nhiệm kitô giáo và các tôn giáo khác cũng nhìn nhận "Nước Trời" ở đây và bây giờ trong trần thế, và trần thế là diễn tả sự khởi đầu của "Nước Trời".

Những suy nghĩ trên đây đưa lại ít là hai kết luận sau đây : biết đọc Kinh Sách của mình không phải bằng "con mắt của thể xác" hay "con mắt của lý trí", nhưng là bằng "con mắt tâm linh". Nghĩa là phải chấm dứt việc đọc Kinh

Sách một cách "bám chân chữ" xem các trình thuật trong Kinh Sách như là những trình thuật của khoa học tự nhiên hay của khoa học lịch sử, nhưng tìm thấy những nội dung tâm linh được gửi gắm trong đó. Tiếp đến, tâm linh và tôn giáo không làm thoát ly ra khỏi thiên nhiên và lịch sử; trái lại, nhìn nhận được "Nước Trời" tâm linh đang thực hiện trong thiên nhiên và lịch sử.

Cho các cơ quan và những người làm khoa học : trong tiến trình lịch sử, các cơ chế tâm linh và tôn giáo có thể có những sai lầm. Nhưng không thể vì một số thành phần hay một số trường hợp tôn giáo có sai lầm mà có thể giản lược hóa phê phán tất cả tâm linh và tôn giáo là sai lầm, duy tâm, siêu hình, mê tín.

Câu "tôn giáo là thuốc phiện" đã được nói lên trong một hoàn cảnh lịch sử và xã hội nhất định. Nhưng không vì thế mà tất cả tôn giáo là thuốc phiện. Hơn nữa, chính về thứ nhất trong câu nói của Marx lại rất thường bị bỏ rơi : "*Tôn giáo là sự phản kháng chống lại sự khốn cùng hiện thực [...] là tâm hồn của một thế giới không có con tim, là tinh thần của những điều kiện xã hội trong đó tinh thần đã bị loại bỏ*" [2] (tôi nhấn mạnh).

Đầu bài này, tôi đã trích dẫn câu nói rất phân diện với tinh thần hán chiến "ai thắng ai" của tác giả Nguyễn Tài Thư trong quyển Lịch sử Tư tưởng Việt Nam của ông khi ông vạch ra hai giới tuyến: một bên là "quan điểm khách quan, duy vật, biện chứng, vô thần, dân chủ, độc lập, tích cực" còn bên kia là "quan điểm chủ quan, duy tâm, siêu hình, hữu thần, chuyên chế, lệ thuộc, tiêu cực". Cùng trong tác phẩm nói trên, tác giả Nguyễn Tài Thư còn trích dẫn một quan điểm được ông coi là "thứ vị" của J. I. Semenov về "*sự phân đôi thực tiễn nhân loại*" : "*hoạt động thực tiễn tự do*" và "*hoạt động thực tiễn không tự do*". Vẫn theo trích dẫn của Nguyễn Tài Thư : "*hoạt động thực tiễn tự do đưa đến sự nhận thức tự nhiên ngày càng hiện thực, còn hoạt động không tự do đưa đến sự nảy sinh các dạng ảo tưởng, ma thuật của tư duy, và cuối cùng dẫn đến tôn giáo [tôi nhấn mạnh], nghĩa là dẫn đến sự phân đôi thế giới trong ý thức con người thành thế giới tự nhiên và thế giới*

siêu nhiên" [3].

Có những người tôn giáo có những quan điểm "nhị nguyên" phân chia giữa thế giới tự nhiên và thế giới siêu nhiên ; những quan điểm "nhị nguyên" này không phải là quan điểm đích thực của tôn giáo. Hơn nữa, tôn giáo không phải là kết quả "cuối cùng" của "hoạt động không tự do" của loài người, như Semenov nghĩ và Nguyễn Tài Thư trích dẫn với "thứ vị".

Như đã lưu ý trong đoạn dẫn nhập, trong bài viết này tôi không chú ý bàn đến các bản hiến pháp và nhất là các nghị quyết về tôn giáo của nhà nước. Nhưng tôi muốn bàn cách riêng đến những nghiên cứu và những suy tư của các người làm khoa học ở Việt Nam, cách riêng trong các lãnh vực tâm linh và tôn giáo. Qua những gì đã được trình bày trong bài viết này, tôi ước mong những suy tư và những nghiên cứu của các giới làm khoa học tôn giáo ở Việt Nam trong tương lai sẽ có nhiều hơn đức tính khách quan và tinh thần phê phán, bởi biết nắm bắt được tất cả những nội dung, những hình thức và những tiến trình chính yếu của tôn giáo, để từ đó phân biệt được những gì là căn bản những gì là thứ yếu, những gì là sai lầm cá nhân những gì là nhận thức cơ bản có tính khoa học và lịch sử của thế giới tâm linh và tôn giáo này.

Trần Nhân Đạo

[1] Thạch-Điền Nhất-Lương (Ishi Da Kazu-Yoshi): *Nhật Bản Tư tưởng Sử*; Phòng Nghiên cứu Nhật Bản Tư tưởng Sử xuất bản, Đông Kinh, 1963, 41966 ; Bản dịch tiếng Việt của Châm-Vũ, Nguyễn Văn Tản, Tủ sách Kim Văn, Sài Gòn xuất bản 1972 ; I, 16-17.

[2] Karl Marx, *Zur Kritik der Hegelschen Rechtsphilosophie* (Phê phán triết lý pháp luật của Hegel), MEW (*Marx-Engels Werke* : Marx-Engels Toàn Tập), Berlin 1972, I, 378.

[3] J. I. Semenov, *Kak vozniklo chelovechestvo ?* (Nhân loại phát sinh như thế nào ?), Moskva, 1966, tr. 351, 413 ; Trong *Lịch sử Tư tưởng Việt Nam*, sdd. tr. 37-38.

Thư gửi Tòa án Quốc tế

Ngày 20-12-2001

Kính gửi Tòa án Quốc tế The Hague,
Kính thưa quý tòa,

Làng chúng tôi là làng Tử Dương, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây, cách Hà Nội 27 km, trên trục đường quốc lộ Một, phía Nam.

234 năm trước, 1767, các cụ làng chúng tôi sinh sống ở Hà Nội có lập một ngôi đình mang tên Tử Dương Vọng Đình (nghĩa là ngôi Đình tưởng vọng về quê Tử Dương), ở số 8, phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Cùng ngôi đình có bốn ngôi nhà cùng mang tên Tử Dương Vọng Đình. Đó là những căn nhà hương hỏa của đình : ba nhà ở phố Ngũ Xã, quận Ba Đình, Hà Nội, số nhà 14, 17, 19 và 1 nhà ở số 5 ngõ Đào Duy Từ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các cụ làng chúng tôi vẫn hương khói ngôi đình hàng trăm năm. Song từ 1959 bắt đầu cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc thì ngôi đình và cả bốn căn nhà đều bị chiếm đoạt. Bao năm nay, chúng tôi đi xin, đi đòi lại với các cấp lãnh đạo chính quyền, tòa án, từ phường, quận, thành phố Hà Nội đến chính phủ, quốc hội đều không được trả lời. Thậm chí mấy lần hơn 100 các già làng mang đơn có 278 chữ ký của dân làng xin xử kiện. Cùng im lặng.

Đồng thời, ở quê chúng tôi cũng có điện thờ đô đốc đồng tri Phạm Như Tăng, vị tướng phò vua Lê Thánh Tông bảo vệ đất nước, mở mang bờ cõi 1471, cũng bị chiếm từ 1955. Bà con họ Phạm cũng đòi từ 1977 mà không được xử lý hoặc trả lời.

Tất cả biên bản pháp lý của ngôi đình, 4 căn nhà, điện thờ dân làng chúng tôi và họ Phạm đều còn giữ đầy đủ. Các biên bản, bài báo, sách in về vụ việc này của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, các cơ quan ngôn luận xuất bản ... cũng còn lưu giữ.

Lâu nay, sự trông cậy vào bộ máy lãnh đạo, nhà nước, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam xử lý vụ việc này đã hết hy vọng. Do đó, chúng tôi đã nhiều lần phải gặp gỡ và mời nhiều nhà báo, nhà sử học, chính khách nước ngoài cùng Việt kiều về tận quê hương khảo sát giúp đỡ.

Tuy nhiên, sự việc vẫn không được giải quyết thậm chí còn không được tiếp xúc với lãnh đạo, chính quyền.

Với tư cách pháp nhân là trưởng ban liên lạc đồng hương làng tôi ở Hà Nội và hậu duệ cụ Phạm Như Tăng, tôi xin kính nhờ Tòa án Quốc tế The Hague xem xét xử cho dân làng và dòng họ chúng tôi vụ việc này. Và nếu không thật đúng chức năng của quý tòa, xin quý tòa chuyển vụ án này sang Tòa án Quốc tế khác.

Chúng tôi xin nộp đủ hồ sơ tư liệu vụ việc này đến quý tòa.

Kính mong bà con người Việt ở nước ngoài, bà con dòng họ Phạm gần xa và các tổ chức, cá nhân thế giới quan tâm ủng hộ cho công bằng văn minh xã hội, giúp đỡ chúng tôi lên án đòi lãnh đạo và nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải trả lại ngôi đình Tử Dương Vọng Đình, bốn căn nhà Tử Dương Vọng Đình và điện thờ cụ Phạm Như Tăng cho chúng tôi.

Xin trân trọng cảm ơn. Rất kính.

Phạm Quế Dương

37 Lý Nam Đế, Hà Nội, Việt Nam

Giới thiệu báo mới

Đàn Chim Việt

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận, xuất bản tại Ba Lan

Bìa màu, giấy láng, trình bày trang nhã, 32 trang khổ A4. Phát hành mỗi năm 12 số, giá 35 USD.

Liên lạc : E-Club, str. Stryjenstick 6
02-796 Warsaw, Poland

E-mail : chimviet@poczta.wp.pl

ĐT : (48-22) 446 34 57

Fax : (48-22) 678 99 43

(48-22) 637 30 42

Giới thiệu sách của Nam Dao :

- *Gió Lửa*, 1998, 20 USD

- *Tiếng Cồng*, 2000, 10 USD

- *Ba Vở Kịch*, 2000, 12 USD

Liên lạc : Nguyễn Mạnh Hùng
2699 avenue Morgan
Québec G1W4R9
Canada

Điện thư : thivan@videotron.ca

Tìm lại "Thông Luận" và nhiều tiết mục khác trên mạng lưới web :
<http://www.thongluan.org>

THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

Sửa đổi hiến pháp : thất vọng

Cuộc thảo luận về sửa đổi hiến pháp được tung ra từ gần một năm nay đã kết thúc một cách tế nhị với khóa họp quốc hội tháng 12-2001. Chính quyền Hà Nội đã góp phần quan trọng tạo ra sự thờ ơ của dân chúng khi cho biết trước là sẽ chỉ tu chỉnh những điều khoản về kinh tế tài chính trong khi điều mà người ta chờ đợi lại là những tu chỉnh về chính trị, như bỏ hoặc sửa điều 4 dành độc quyền chính trị cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy vậy người ta vẫn thất vọng sau khi cuộc tu chỉnh được hoàn tất.

Trong những tu chỉnh được coi là theo chiều hướng tích cực có việc nới rộng quyền kiểm soát của quốc hội. Từ nay quốc hội có thể tự lấy quyết định bổ phiếu bất tín nhiệm chủ tịch nước và thủ tướng, trong khi trước đây quốc hội chỉ bầu ra hai vị này. Mặt khác, từ nay quốc hội cũng có quyền biểu quyết cách chức các bộ trưởng mà không cần có đề nghị của thủ tướng.

Quốc hội cũng được khẳng định quyền tán thành hay bác bỏ những hiệp ước quốc tế do chính phủ ký kết.

Những tu chỉnh này thực ra chỉ có tác dụng chính thức hóa những quyền mặc nhiên của một quốc hội từ lâu đã được định nghĩa như cơ quan quyền lực cao nhất.

Điều mà dư luận chờ đợi là hủy bỏ hoặc sửa đổi những điều khoản dành vai trò độc quyền cho Đảng Cộng sản Việt Nam và độc tôn cho chủ nghĩa Mác-Lênin đã không hề được bàn đến. Một tu chỉnh khiêm nhường hơn nhiều là cho phép các công dân được tự do ứng cử mà không cần qua sự giới thiệu của các đoàn thể thuộc đảng và nhà nước và sự tuyển lựa trước của Mặt trận Tổ quốc cũng đã không có, mặc dầu đã được một vài đại biểu quốc hội đưa ra.

Về mặt kinh tế, địa hạt tưởng đâu sẽ có nhiều thay đổi vì nằm trong mục tiêu của nhà nước, cuối cùng cũng không có gì đáng kể. Hiến pháp mới đã chỉ thêm vào một vài câu mơ hồ quy định mọi thành phần kinh tế bất luận sở hữu công hay tư đều được coi là quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, và hợp tác và cạnh tranh với nhau trong khuôn khổ luật pháp. Nếu có hiểu một cách thiện cảm thì có thể suy diễn rằng những "sửa đổi" này đi theo chiều hướng nâng cấp vai trò của tư doanh, nhưng chúng quá mơ hồ để có thể có tác dụng cụ thể.

Tuy nhiên bên cạnh những tiến bộ mơ hồ đó, lại có một bước lùi nghiêm trọng và đáng ngạc nhiên trong một chế độ tự coi là "xã hội chủ nghĩa", đó là việc xóa bỏ điều khoản về giáo dục bắt buộc và miễn phí ở cấp tiểu học. Thực ra đây cũng chỉ là sự chính thức hóa một thực trạng đã có từ lâu. Từ nhiều năm nay, trẻ em tiểu học đều phải đóng học phí ; ý nghĩa thực sự của thay đổi này là từ nay sự mù chữ của trẻ em nghèo trở nên hợp pháp.

Nói chung, việc sửa đổi hiến pháp, được tung ra một cách ồn ào hồi đầu năm nay đã chẳng có gì đáng kể, ngoại trừ xác nhận một sự từ nhiệm nghiêm trọng của nhà nước về mặt giáo dục và xã hội. Giới kinh doanh và các định chế quốc tế đã nhanh chóng bày tỏ sự thất vọng.

Một câu hỏi đáng được đặt ra : như vậy thì sửa đổi hiến pháp để làm gì ? Câu trả lời có thể là đảng và nhà nước cộng sản đã thấy rằng hiến pháp ban hành năm 1992 không còn phù hợp nữa và phải thay đổi nhưng sau khi nhìn sát hơn thì đã thấy rằng không thể sửa đổi được gì trong khuôn khổ chế độ hiện nay và đã chỉ sửa đổi cho có lệ. Đó cũng là một cách để gián tiếp nhìn nhận sự bế tắc không lối thoát.

Một thăm dò dư luận về tâm lý quần chúng Việt Nam

Theo kết quả cuộc thăm dò dư luận của Trung tâm Nghiên cứu Dân chủ (*Center for the Study of Democracy*) thuộc Viện Đại học UCI (University of California, Irvine), vừa được công bố cuối năm 2001, có nhiều điều rất đáng chú ý về tâm lý quần chúng Việt Nam.

Theo cuộc thăm dò dư luận này, 72% người Việt cho rằng dân chủ là chế độ hay nhất và 82% tin rằng dân chủ có lợi cho phát triển kinh tế.

Điều đáng chú ý nhất là thái độ của người Việt về tôn giáo : 46% những người được thăm dò cho biết họ không thuộc một tôn giáo nào. Một đại đa số (90%) cho biết họ không coi tôn giáo là một điều tối quan trọng trong cuộc sống. Trong số 10% còn lại coi tôn giáo là rất quan trọng trong đời sống của họ. Nếu dựa vào con số 7% người công giáo được biết là là khá ngoan đạo thì người ta càng thấy rằng số người ngoài công giáo thực sự quan tâm đến tôn giáo chỉ là một thiểu số rất nhỏ. Nhận định này phù hợp với một kết quả khác của cuộc thăm dò dư luận này : 82% không tin các vị lãnh đạo tôn giáo có khả năng thay đổi tổ chức xã hội, 2/3 không muốn các vị lãnh đạo các tôn giáo can thiệp vào đời sống chính trị. Kết quả này phải chăng cho phép rút kết luận rằng một chuyển hóa về dân chủ trước hết phải do cố gắng của các kết hợp chính trị ?

Người Việt Nam tỏ ra còn rất gắn bó với gia đình : 88% nghĩ rằng vai trò của gia đình cần được tăng cường hơn nữa, mặc dầu vai trò này hiện nay đã rất được đề cao ; 91% tin rằng hôn nhân vẫn còn giữ nguyên giá trị ; 99% cho rằng cha mẹ có sai lầm vẫn phải được tôn kính ; 97% cho rằng mục đích chính của họ là làm cho cha mẹ được hạnh diện.

Phải chăng sự gắn bó chặt chẽ với gia đình này là một sự triệt thoái về đời sống cá nhân sau những thất vọng với xã hội ? Không có gì chắc chắn, bởi vì nếu người ta tin vào sự thành thực của những câu trả lời về mặt chính trị - xã hội thì có tới : 98% hành diện làm người Việt ; 90% bày tỏ sự tin tưởng vào chính quyền và 2/3 nói rằng nói chung họ thỏa mãn với cuộc sống hiện tại.

Tuy nhiên, cần thận trọng đối với những câu trả lời về chính trị. Đây là cuộc điều tra được chính quyền Việt Nam cho phép nên chắc chắn những người được thăm dò đã không dám nói hết những gì họ nghĩ. Nhiều người còn không dám trả lời vì trong số những người trả lời có tới 29% cho biết là họ là đảng viên cộng sản hoặc thành viên của một tổ chức chính trị. Tại Việt Nam mọi tổ chức chính trị hợp pháp đều là của Đảng Cộng sản nên con số 29% này có thể coi như thuộc Đảng Cộng

THỜI SỰ ... TIN

TỨC ... THỜI SỰ

sản. Cách chọn mẫu như vậy không được trung thực vì tổng số các đảng viên (2,3 triệu) và đoàn viên cộng sản (khoảng 3 triệu) chỉ vào khoảng 6,3% dân số Việt Nam.

Mặt khác, nếu 29% những người được thăm dò thuộc Đảng Cộng sản mà vẫn có tới 84% muốn có cải tổ xã hội (phải hiểu là dân chủ hóa), trong đó có 54% muốn có cải tổ mạnh, thì phải hiểu là phe thủ cựu trong Đảng Cộng sản đang rất bị cô lập.

Về cách lấy mẫu thăm dò, ngoại trừ việc Đảng Cộng sản được một trọng lượng gần gấp 5 lần trọng lượng thực, nhóm thăm dò đã tỏ ra cố gắng tôn trọng sự phân phối dân chúng trên toàn lãnh thổ và theo thành phần xã hội.

Mẫu thăm dò là 1000 người, một con số trên nguyên tắc đủ để đại diện cho bất cứ một dân số nào (với sai số 3%) nếu mẫu được chọn một cách trung thực.

Hai người thực hiện cuộc thăm dò dư luận này là ông Russell J. Dalton, giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Dân chủ, và cô Ông Thị Như Ngọc, sinh viên, đang chuẩn bị một luận án tiến sĩ về chính trị học.

Biểu tình nông dân trước lăng Hồ Chí Minh

Ngày 20-12-2001, tại khu vực quảng trường lăng Hồ Chí Minh, trên đường Hùng Vương, vẫn còn tiếp tục những buổi tụ tập đưa đơn khiếu kiện của hàng trăm nông dân miền Bắc và miền Nam. Các đơn khiếu kiện tố cáo cách chánh quyền địa phương đã cướp đoạt đất đai, ruộng vườn, nhà cửa. Những hành vi này đẩy dân chúng vào cảnh khốn khổ, khiến cho họ đã vượt hàng ngàn cây số để kéo về thủ đô nhân dịp quốc hội nhóm họp. Như mỗi lần có một vụ khiếu nại về đất đai hay nhà cửa, chánh quyền địa phương đẩy qua lại với chánh quyền trung ương, không ai chịu nhận trách nhiệm để giải quyết vấn đề. Trong số người biểu tình, có hai bố con đến từ xã, Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Ông cha xưa là một quân nhân đã từng tham gia cuộc chiến ở miền Nam nhiều năm. Vợ đã chết hai năm trước vì đói nghèo và bệnh tật không có thuốc. Hai bố con treo những tấm biểu ngữ trên cổ, có nội dung lẫn hình ảnh tố cáo các chánh quyền xã và huyện đàn áp dân chúng một cách thô bạo khi họ phản kháng hành vi cướp đất không bồi thường. Tấm biểu ngữ lớn có những hàng chữ như sau : *"Nhân dân 100 hộ gia đình xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, tố cáo chính quyền tỉnh Thanh Hóa lừa đảo nhân dân để cưỡng chế lấy đất không bồi thường khi mở lộ Dương Hoàng Cự, từ Hà Tân đi Thanh Hóa. Nhân dân xã Hà Tân phản đối chính quyền xã cho công an dùng roi điện, đàn áp nhân dân xã, làm nhiều người bị trọng thương, trong số đó có nhiều người là gia đình liệt sĩ của chế độ, có công với chế độ. Nhân dân xã Hà Tân, tố cáo viên công an xã là ông Hân, đã phối hợp với gần một trăm công an huyện Hà Trung để đàn áp nhân dân xã bằng bạo lực"*. Thương tâm nhất là cảnh chụp hàng chục công an xã và huyện đang đánh các gia đình chống lại lệnh cưỡng chế phi pháp, làm hai cháu Trần Tùng Lâm, học sinh lớp 10 và Trần Huệ Anh, học sinh lớp 11 bị thương ngất xỉu, ngã vật xuống nền nhà gia đình

mình. Người dân Hà Nội được xem rất rõ hình ảnh trên tấm biểu ngữ do hai bố con đeo trên cổ. Họ đứng ngay trước cổng trụ sở tiếp dân của trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau đó đến gần 12 giờ trưa những người biểu tình kéo về biệt thự của tổng bí thư Nông Đức Mạnh. Cảnh vệ của tư gia ông Mạnh đã không có hành vi đàn áp, họ đã yên cho nông dân biểu tình.

Bộ chánh trị Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương hội nhập nền kinh tế toàn cầu

Đó là nội dung của nghị quyết 07-NQ/TW được tổng bí thư Nông Đức Mạnh ký trong tháng 11 vừa qua. Bản văn nhận định rằng hội nhập nền kinh tế toàn cầu đòi hỏi Việt Nam, một mặt, huy động tất cả các lực lượng và tài nguyên nội tại, mặt khác, mở mang thị trường và mở cửa cho những nguồn đầu tư tài chánh, kỹ thuật và phương thức quản lý ngoại quốc. Thế nhưng bên cạnh những nhận định suông này, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn ngoan cố muốn giữ gìn những đặc thù của "nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa", do đó, bộ chánh trị Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh rằng tất cả những dự án nhằm hội nhập nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu phải đáp ứng các nhu cầu đặc biệt của con quái vật này. Mâu thuẫn này xuất hiện rõ ràng khi Đảng Cộng sản Việt Nam, một mặt đánh giá rằng sự gia nhập vào Tổ chức Thương mại Thế giới là một ưu tiên hàng đầu, mặt khác ra lệnh những người phụ trách hồ sơ này phải làm sao để thành lập những kế hoạch phù hợp với những đặc điểm của chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Qua chuyến công du ở Hoa Kỳ từ 9 đến 14-12-2001 của phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Mỹ đã hứa sẽ ủng hộ hồ sơ gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới của Việt Nam. Ông Dũng đã đem theo các ông Vũ Khoan, bộ trưởng thương mại, Trần Xuân Giá, bộ trưởng đầu tư và kế hoạch, Nguyễn Mạnh Kiên, bộ trưởng xây dựng và các giám đốc của hơn 50 công ty Việt Nam. Ông đã gặp bà Condoleeza Rice, chủ tịch hội đồng an ninh quốc gia, bộ trưởng thương mại Donald L. Evans, đại diện mặt dịch Robert Zoellick và một số quan chức khác. Trước một cử tọa gồm có giáo sư và sinh viên đại học Hopkins, Washington, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và các quan chức Mỹ khẳng định tầm quan trọng của Hiệp ước Thương mại Song phương đối với sự phát triển quan hệ Việt-Mỹ. Hiệp ước đã trở thành hiệu lực ngày 10-12-2001. Về những bất đồng còn tồn đọng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, hai bên đồng ý là sẽ tiếp tục đối thoại để hiểu nhau hơn. Đặc biệt Hà Nội tiếp tục đòi hỏi Hoa Kỳ bãi bỏ Tu chính án Jackson-Vanik và Luật Nhân quyền về Việt Nam (xem *Thông Luận* 10-2001). Vẫn như thường lệ, Việt Nam đòi hỏi Hoa Kỳ gia tăng hợp tác để giải quyết các hậu quả của chiến tranh, đặc biệt là những tai hại do chất cam, nói rõ là bồi thường Việt Nam. Chánh phủ Việt Nam đã chánh thức bày tỏ tình liên đới của dân tộc Việt Nam đối với chánh phủ và quốc dân Hoa Kỳ về vụ khủng bố 11-9-2001. Việt Nam hứa sẽ hợp tác với Hoa Kỳ về cộng đồng quốc tế để lấy tất cả biện pháp trung khuôn khổ Liên hiệp Quốc, nhằm diệt trừ nạn khủng bố dưới mọi hình thức.

THỜI SỰ ... TUA TỨC ... THỜI SỰ

Argentina phá sản

Năm 2001 đã kết thúc với một kỷ lục thế giới mới, một kỷ lục chính trị : trong vòng 10 ngày, từ 23-12-2001 đến 2-1-2002 nước Argentina đã có ba vị tổng thống. Tổng thống Fernando de la Rúa, được bầu năm 1999, đã từ chức và lên trực thăng bỏ chạy ngày 23-12, tổng thống kế tiếp Rodriguez Saá cũng rút lui sau một tuần lễ, cuối cùng ngày 20-1-2002, quốc hội Argentina đã bầu ông Eduardo Duhalde làm tổng thống. Nếu kể thêm hai ông tổng thống được chỉ định nhưng không kịp nhận chức thì Argentina đã có năm vị tổng thống trong vòng 10 ngày.

Argentina đột ngột hỗn loạn từ hạ tuần tháng 12-2001 khi dân chúng nổi loạn vì nghèo đói, cướp phá các cửa hàng, siêu thị, cơ quan công quyền và đánh nhau với cảnh sát. Đã có gần 30 người chết và nhiều trăm người bị thương. Hỗn loạn vẫn còn toàn diện sau khi tân tổng thống Duhalde chính thức nhận chức và chưa ai nhìn thấy lối thoát vì chính quyền Argentina không còn phương tiện nào để đáp ứng, ngay cả một cách tạm thời, những đòi hỏi cấp bách của dân chúng.

Trong bài diễn văn nhận chức, tân tổng thống Duhalde đã tuyên bố một câu kinh khủng : *"Phải nhìn thẳng vào sự thực : Argentina đã phá sản hoàn toàn và tiêu tan"*. Lời tuyên bố này, trung thành với tập quán đại ngôn của chính giới Argentina, chắc chắn là không đóng góp đem lại sự ổn định.

Vì đâu nên nông nổi này ?

Đầu thế kỷ 20, và sau Thế Chiến I, Argentina là một trong năm nước giàu nhất thế giới. Cho tới nay Argentina vẫn là một trong những nước có tỷ lệ người tốt nghiệp đại học cao nhất thế giới. Về mặt kinh tế, các dữ kiện kinh tế căn bản của Argentina vẫn tương đối tốt : thâm thủng ngân sách không quá 3/100, xuất nhập cảng còn ở mức độ cao. Cách đây ba năm Argentina còn là nước có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất Nam Mỹ với 8/100. Chỉ có một con số đáng lo ngại là mức nợ nước ngoài 140 tỷ USD, nhưng ngay con số này, tương đương với GDP cũng không đến nỗi báo động như một số nước khác. Vấn đề là Argentina không còn tiền và không vay được tiền nữa.

Nguyên nhân gần nhất đưa đến cuộc khủng hoảng này là một chính sách quản lý tiền tệ duy ý chí : để chấm dứt một tình trạng lạm phát kinh niên ở mức độ cao, chính quyền của tổng thống Carlos Menem đã lấy một quyết định hiểm nghèo là gắn chặt đồng peso với đồng đô la Mỹ theo một hối suất giản dị một peso bằng một USD. Nhưng muốn giữ nguyên được hối suất này thì hoạt động kinh tế của Argentina ít nhất phải khả quan như kinh tế Mỹ, một điều không ai có thể tin. Kết quả là các tay đầu cơ, ngoại quốc cũng như Argentina, thi nhau vay tiền bằng đồng peso đem đổi lấy đô la Mỹ chờ cho đồng peso phá giá để kiếm lời. Những đầu cơ này với thời gian làm Argentina không còn ngoại tệ. Tiền của người Argentina vẫn có nhưng nằm yên trong các trương mục bằng đô la Mỹ ở nước ngoài. Chính quyền Argentina phải liên tục vay tiền để thanh toán với nước ngoài trong khi không còn ngoại tệ để bảo đảm khả năng hoàn trả. Cuối cùng chuyện phải đến đã đến: giữa

tháng 12-2001, khi Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) từ chối cho Argentina vay 1,3 tỷ USD, một số tiền nhỏ so với tầm vóc kinh tế của Argentina, khủng hoảng lớn đã bùng nổ.

Một câu hỏi được đặt ra là tại sao Hoa Kỳ và các định chế tiền tệ thế giới đã để cho cuộc khủng hoảng này xảy ra mà không cứu Argentina như họ đã từng cứu Mexico năm 1994 và nhiều nước khác sau đó? Có hai lý do chính. Một là từ gần một thập niên qua các nước châu Mỹ La Tinh đã khá ổn vững cho nên một cuộc khủng hoảng tại Argentina dù trầm trọng tới đâu cũng không có nguy cơ gây ra khủng hoảng dây chuyền ở các nước lân cận nữa. Điều này có thể nhận thấy dễ dàng vì cuộc khủng hoảng đã chỉ giới hạn tại Argentina, mọi hoạt động kinh tế vẫn bình thường tại các nước láng giềng. Hai là do lập trường mị dân của các chính đảng Argentina, nhất là Đảng Công lý (do Juan Péron thành lập sau Thế Chiến II) chiếm đa số trong quốc hội. Mọi chính đảng, nhất là Đảng Công lý luôn luôn tuyên bố sẽ quỵt nợ nước ngoài, coi đó như một thái độ can đảm và yêu nước. Trong điều kiện đó, ai còn muốn cho Argentina vay tiền ?

Chính sách gắn chặt đồng peso với đồng đô la dĩ nhiên là tai hại, nhưng nó chỉ là nguyên nhân gần mà thôi. Trong chiều sâu cuộc khủng hoảng này chỉ là kết cục của một tiến trình phá sản không tránh khỏi, và ở nhiều khía cạnh cần thiết, cho Argentina.

Argentina là một quốc gia tương đối mới như mọi quốc gia châu Mỹ, nhưng lại thiếu hẳn đồng thuận về một ý niệm quốc gia, do đó các hoạt động chính trị không thể lãnh mạnh được. Sự kiện này đưa tới cách ứng xử vô trách nhiệm của mọi thành phần xã hội, kể cả các chính đảng. Trái với phản xạ đoàn kết như người ta thấy tại Mỹ sau cuộc khủng bố ngày 11-9-2001, các đảng phái Argentina, và các phe phái trong nội bộ mỗi chính đảng chỉ khai thác những khó khăn để triệt hạ lẫn nhau và tranh giành ảnh hưởng. Argentina không có đoàn kết quốc gia trước những khó khăn, trong những lúc cần thiết.

Người Argentina ưa thích sự mị dân một cách đặc biệt. Sau Thế Chiến II, họ dồn phiếu cho lãnh tụ mị dân Juan Péron và bà vợ ông này là cô đào Evita. Cặp này đã làm Argentina phá sản. Juan Péron bị quân đội đảo chính lật đổ phải sống lưu vong tại Tây Ban Nha, nhưng người Argentina vẫn ái mộ ông. Juan Péron lại được về nước, lại đắc cử tổng thống. Sau khi ông ta chết, cô vợ trẻ thứ hai của ông ta, Eva, một vũ nữ đặc cử tổng thống và cũng chỉ bị lật đổ sau khi gần làm phá sản Argentina. Dầu vậy, đảng Péron vẫn là đảng được dân Argentina tín nhiệm nhất. Tổng thống gần đây nhất của Argentina trước cuộc khủng hoảng này là Carlos Menem, một tay ăn chơi và mị dân cũng thuộc đảng Péron. Carlos Menem đã cai trị một cách rất lem nhem, đã bị đi tù, nhưng vẫn còn là chủ tịch đảng Péron và đảng Péron vẫn được tín nhiệm nhất. Argentina không phải không có những nhà chính trị đứng đắn, nhưng dân chúng Argentina không thích họ.

Do sự thi đua mị dân, các chính đảng Argentina đều không bao giờ dám xét lại mô hình xã hội Tây Âu mà họ đã chọn từ hơn một nửa thế kỷ nay, trong khi họ không có những phương

THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

tiện của Tây Âu. Các trợ cấp thất nghiệp và an sinh xã hội quá dồi dào khuyến khích sự lười biếng và tinh thần vô trách nhiệm đồng thời làm nản lòng những người năng động. Trong khi các nước Tây Âu dần dần xét lại mô hình xã hội của họ thì Argentina vẫn không thay đổi. Với thời gian Argentina ngày càng sa sút, ngay cả các trợ cấp cũng chỉ còn dồi dào trên giấy tờ, dần chùng lại càng bất mãn, các chính đảng lại càng thi đua lời hứa hẹn mị dân. Tình hình tiếp tục xấu đi.

Những gì đang xảy ra tại Argentina một mặt là hậu quả của một chính sách từ chối những cải tổ cơ bản cần thiết khiến các mâu thuẫn tích lũy và sau cùng đưa đến tặc nghẽn. Mặt khác đây cũng là bằng cớ rằng một quốc gia chỉ có thể tiếp tục tồn tại nếu được quan niệm như một đồng thuận xây dựng và chia sẻ với nhau một tương lai chung giữa những con người trách nhiệm.

Cuộc khủng hoảng này trên nhiều khía cạnh còn là một sự cần thiết để người Argentina tỉnh ngộ. Hy vọng rằng họ sẽ rút được những kết luận đúng.

Công cuộc tái thiết A Phú Hãn

Hội nghị Bonn quy tụ những thành phần A Phú Hãn "chiến thắng" chế độ Taliban do Liên hiệp Quốc triệu tập từ 27-11 đến 4-12-2001, đã đưa đến những kết quả vượt hẳn những gì phần lớn các quan sát viên dự đoán.

Trước hết, các đại biểu có mặt ở Bonn đã đồng ý trên một tiến trình chuyển tiếp. Nó bắt đầu với một "chính phủ tạm quyền" gồm có 29 thành viên, có nhiệm vụ ổn định và đại diện A Phú Hãn trên diễn đàn quốc tế. Song song, "một ủy ban độc lập" gồm có 21 người, chuẩn bị một hội nghị cổ truyền (*Loya Jirga*) sẽ được vua Zaher triệu tập vào mùa xuân 2002. Hội nghị cổ truyền "khẩn cấp" này sẽ thành lập một chính phủ và bầu cử một quốc trưởng "lâm thời". Sau 18 tháng, "một Loya Jirga lập hiến" sẽ được triệu tập để soạn thảo hiến pháp. Hiệp định được ký ở Bonn dự trù dùng lại hiến pháp 1964 của thời Zaher ngoài những quy chiếu về chế độ quân chủ : hiến pháp này đã cấp cho A Phú Hãn một quốc hội được bầu cử lần đầu tiên trong lịch sử của nước này tuy rằng điều đó chỉ đã được thực hiện một cách hoàn toàn hình thức dưới triều đại của vua Zaher.

Để tiến đến thỏa thuận, Mặt trận Thống nhất (tên chính thức của Liên minh Bắc phương) đã chấp nhận không cầm đầu chính phủ tạm quyền mặc dầu họ là lực lượng mạnh và có nhiều ưu thế nhất. Ông Hamid Karzai đã được các đại biểu có mặt ở Bonn tuyển lựa để làm chủ tịch chính phủ tạm quyền. Ông Karzai là một người Pashtun, sắc tộc đông nhất ở A Phú Hãn. Quá trình của ông Karzai thể hiện tánh phức tạp của nước A Phú Hãn. Ông đã từng nắm chức thứ trưởng ngoại giao từ 1992 đến 1994 nhưng đã từ chức vì chán ngán những cuộc xung đột đẫm máu giữa các phe phái Mujahidin ; sau đó, ông đã ủng hộ cuộc tiến công Taliban vì tin rằng chúng sẽ đem lại hòa bình cho A Phú Hãn. Ông Karzai là một người thấm nhuần văn hóa Tây phương. Ông đã tốt nghiệp ở Huế Kỳ và đã làm cố vấn cho một công ty dầu hỏa Mỹ. Ông cũng là một người

biết chỉ huy trên chiến trường. Ông đã cầm đầu cuộc tấn công vào ổ thành Kandahar, thủ phủ chánh và cuối cùng của bọn Taliban và đã xem bị giết bởi một trái bom Mỹ bỏ làm !

Tuy không cầm đầu chính phủ tạm quyền, Mặt trận Thống nhất nói chung và thành phần Tajik của Mặt trận Thống nhất nói riêng, nắm giữ tất cả các bộ thiết yếu : hiệp định Bonn đã chính thức hóa chức vụ của các ông Mohammad Fahim, phó chủ tịch đảm trách quốc phòng, Younos Qanooni, phó chủ tịch đảm trách nội vụ, Abdullah Abdullah, phó chủ tịch đảm trách ngoại giao. Một số thủ lãnh đã bất bình với cách phân chia quyền hành ở Bonn, đặc biệt là tướng Rachid Rostom, thuộc sắc tộc Uzbek, người có ưu thế ở miền Tây Bắc. Để xoa dịu ông này, trở về Kabul, Hamid Karzai đã lập tức bổ nhiệm ông Rostom làm phó chủ tịch và thứ trưởng quốc phòng. Hai nhân vật tiêu biểu của nội các là bà Sida Samar, phó chủ tịch phụ trách địa vị phụ nữ và ông Mohammad Mohaqiq, phó chủ tịch phụ trách kế hoạch. Ông Mohaqiq và bà Samar là người Hazara, một sắc tộc con cháu dòng dõi Thành Cát Tư Hãn, thường bị đàn áp vì theo cánh Shiite của đạo Hồi.

Một công trình khổng lồ chờ đợi ông Karzai và giai đoạn sáu tháng mà hiệp định Bonn dành cho chính phủ tạm quyền sẽ rất ngăn ngại để giải quyết các vấn đề nan giải. Hai mươi năm chiến tranh đã biến A Phú Hãn thành một tấm khảm ghép bởi hàng chục sắc tộc, hàng trăm tiểu sắc tộc, hàng ngàn bộ lạc, mỗi thành phần có những quyền lợi và chiến lược khác nhau. Khái niệm nhà nước trung ương hầu như đã biến mất, đại đa số dân chúng chỉ tin và theo các tù trưởng. Một tháng sau sự sụp đổ của chế độ Taliban, đây đó, vẫn còn bùng nổ những trận đánh giữa các "đồng minh" để kiểm soát, ở đây, một thành phố, đặng kia, một vùng. Đường phố thường bị những băng đảng bán quân sự cướp bóc. Ngân sách nhà nước gần như không còn. Liên hiệp Quốc đã phải tài trợ buổi lễ nhậm chức của ông Karzai. Tổ chức quốc tế sẽ trả tiền một số công chức và cấp cho các bộ trưởng tất cả những dụng cụ cần bản cần thiết, từ xe hơi đến điện thoại, vi tính, giấy in, v.v. Liên hiệp Quốc đã mở một ngân quỹ 20 triệu Mỹ kim để ủng hộ chính phủ tạm quyền. Nhiều nước còn hứa sẽ giúp đỡ thêm A Phú Hãn. Song song, một lực lượng quốc tế gồm có 4 500 binh lính thuộc 17 nước dưới sự chỉ huy của Anh Quốc sẽ dần dần đặt chân ở A Phú Hãn để "phụ tá" chính quyền A Phú Hãn trong việc thiết lập an ninh. Ngược với những gì người ta dự đoán, phần lớn các nước này là những nước Tây phương và Thổ Nhĩ Kỳ sẽ là nước Hồi giáo duy nhất có mặt trong Lực lượng Quốc tế Phụ tá An ninh (*International Security Assistance Force*). Có lẽ nhờ những ủng hộ quốc tế đó - sau mười năm quên lãng - mà chính phủ mới đã tỏ vẻ hăng hái và cương quyết trong buổi họp nội các đầu tiên. Quyết định thứ nhất là giải giới và hội nhập các lực lượng vào quân đội chính quy. Tiến trình sẽ bắt đầu với những "con gà nhà" của Mặt trận Thống nhất để làm gương. Thuyết phục những đạo quân còn lại là một vấn đề khác ... Chính phủ tạm quyền cũng đã lấy một quyết định có giá trị biểu tượng lớn : tái thiết các pho tượng Phật ở vùng Bamiyan mà giặc Taliban đã tàn phá cách đây sáu tháng.

Đề hội nhập nền văn minh tự do

Sau vụ ám sát Kennedy, một nhà phê bình Mỹ có nói rằng mọi công dân Huê Kỳ sẽ nhớ mãi những gì mà mình đang làm khi biết tin tổng thống bị giết. Người ta có thể áp dụng hình ảnh này cho cả thế giới đối với vụ khủng bố 11-9. Có lẽ một phần chấn động đến từ cảm nhận mơ hồ rằng 11-9 đánh dấu bước đầu của một cuộc đương đầu giữa hai thế giới. Nhưng không phải cái xung đột giữa các nền văn minh Hồi giáo, Công giáo, Tin lành, Chánh giáo, Phật giáo, Không giáo, v.v. mà giáo sư Huntington đã cố gắng phân biệt và liệt kê một cách vừa cực nhọc vừa thiếu sức thuyết phục. Không, lẫn ranh đậm máu mà biến cố 11-9 vạch ra, tách phe tự do, tiến bộ và bao dung và phe chuyên chế, bảo thủ và cuồng tín. Một bên là các quốc gia của Liên hiệp Âu châu cùng tiến về một tương lai chung, là dân tộc Đài Loan bước vào tuổi trưởng thành chánh trị hay là các thành phần A Phú Hân cố gắng vượt lên trên những khuyết điểm truyền thống để xây dựng một quốc gia. Bên kia chẳng những là Bin Laden và bọn Taliban, mà còn là Bắc Triều Tiên ngày càng tàn lụi dưới một chế độ ngu dân và dã man, hay dân Cu Ba quần quai dưới ách áp bức của một tập đoàn ngoan cố theo đuổi một chủ nghĩa phá sản.

Ao ước hội nhập thành phần thứ nhứt của người Việt Nam quá rõ ràng nhưng nguyện vọng chánh đáng này vẫn bị tập đoàn thống trị đất nước ngăn chặn. Chánh quyền Việt Nam có thể ký tất cả những hiệp ước thương mại, nộp đơn gia nhập tất cả các tổ chức quốc tế, nhưng ngày nào mà một công dân Việt Nam còn bị sách nhiễu, bao vây hay bắt giam chỉ vì đã phát biểu một ý kiến, ngày đó nhà nước Việt Nam vẫn còn gần với các "nhà nước du côn" I Rắc, Li Bi hay Xu Đãng hơn là các quốc gia như Nhật Bản, Đại Hàn hay Đài Loan.

Nước Việt Nam đã không tồn tại được đến ngày nay nếu dân tộc ta đã không có luôn luôn những nhân vật bất khuất, các Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, Nguyễn Văn Lý, Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, vì tương lai giống nòi, tranh đấu chống

bất công và áp chế, ngay cả hay đặc biệt là khi họ còn lẻ loi. Bước tiến của năm 2001 vừa mới chấm dứt là dân chúng Việt Nam dần dần noi gương các anh hùng này, mạnh dạn đứng lên tố giác những hiện tượng bất công và đòi hỏi những quyền lợi chánh đáng, các phong trào người sắc tộc Tây Nguyên, nông dân, Phật giáo, Công giáo, Hòa Hảo, v.v. Quan trọng hơn nữa, người Việt Nam cùng bắt đầu ý thức nhu cầu kết hợp những yêu sách cục bộ thành một cuộc tranh đấu tổng quát và phối hợp. Trí thức Việt Nam ở trong nước hợp sức, đùm bọc và khuyến khích lẫn nhau để đối đầu với chánh quyền trên từng điểm một. Trên cơ sở đó, và mặc dầu không có một người Việt Nam nào không phẫn nộ khi biết rằng nhóm cầm đầu Đảng Cộng sản Việt Nam đã vô liêm sỉ đến độ lén lút đi dung đất và biển cho ngoại bang, người ta có thể nói rằng tiết lộ này đến "đúng lúc" để chứng minh nếu cần rằng nhóm cầm quyền hiện nay là một nguy cơ cho toàn thể quốc dân Việt Nam và cho cả các thế hệ sau này. Khi họ hiểu rằng mục tiêu của các không tặc không phải là đổi hướng chuyến bay mà là làm rớt phi cơ để gây thêm nhiều nạn nhân khác, hành khách và thành viên phi đoàn không còn do dự chống lại các tên khủng bố nữa. Kỳ thứ nhứt, họ "chỉ" đã tránh thảm họa được cho người khác nhưng lần thứ hai, họ đã cứu sống chính mình. Thời điểm đã tới cho sự ra đời của một tập hợp quy tụ tất cả các thành phần dân tộc, thuộc mọi sắc tộc, tôn giáo, giai cấp hay quá khứ chánh trị để cùng nhau tranh đấu cho một nền cộng hòa thực sự nghĩa là dân chủ, bao dung và cởi mở, nền tảng cho một nước Việt Nam tái thiết, giàu mạnh và có chỗ đứng trong thế giới tự do.

Góp phần vào sự nghiệp cao cả đó là nguyện vọng thiết tha của Tập hợp Dân chủ Đa nguyên mà *Thông Luận* là một cơ quan ngôn luận. Là khuôn mặt của một tổ chức đề cao nguyên tắc đa nguyên, *Thông Luận* có bổn phận thực thi châm ngôn nguyên thủy của mình, "Không có ý kiến nào cấm nêu lên, không có đề tài nào cấm bàn đến". Nay cùng như xưa,

Mục lục

1. *Đảng Cộng sản nhượng đất và biển cho Trung Quốc*
Thông Luận
2. *Nam Quan ngày xưa, hận Nam Quan bây giờ*
Nguyễn Gia Kiểng
5. *Đơn chất vấn về Hiệp định Biên giới và Lãnh hải Việt-Trung*
11 chữ ký đầu tiên
6. *Vấn đề biên giới và hải đảo Việt Nam*
Nguyễn Đan Quế
8. *Vụ án hệ trọng*
Bùi Tín
10. *Yêu cầu quốc hội không thông qua Hiệp định Việt-Trung*
20 chữ ký đầu tiên
12. *Hãy bảo vệ mẹ thép đã tôi thế đấy của cụ Hồ !*
Trần Dũng Tiến
15. *Năm 2001: tham vọng không đi đôi với việc làm*
Nguyễn Văn Huy
17. *Năm 2002 : viễn ảnh chưa sáng sủa*
Thanh Văn
19. *Một đoạn đường dài*
Vô Thanh Liêm
22. *Ba con mắt nhận thức*
Trần Nhân Đạo
27. *Thư gửi Tòa án Quốc tế*
Phạm Quế Dương
28. *Thời sự*
32. *Đề hội nhập nền văn minh tự do*
Diệp Tường Báo

thi hành hai nhiệm vụ nhắc trên luôn là kim chỉ nam của ban biên tập.

Thay mặt đội ngũ phụ trách nguyệt san, tôi xin chúc quý độc giả và gia quyến một năm 2002 đầy vui vẻ và thành công, trong cuộc sống riêng tư cũng như tập thể. Nhân dịp này, chúng tôi thành thật cảm ơn các thân hữu trong và ngoài nước, về sự chú ý và những đóng góp tinh thần cũng như vật chất dành cho tờ báo. Nhờ những giúp đỡ đó mà *Thông Luận* bước vào năm mới với niềm tin có hậu thuẫn và khả năng để phục vụ chánh nghĩa.

Diệp Tường Báo